

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG

**PHẠM TỘI VÌ ĐỘNG CƠ ĐÊ HÈN
VỚI TƯ CÁCH LÀ MỘT TÌNH TIẾT TĂNG NẶNG
TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2012

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG

**PHẠM TỘI VÌ ĐỘNG CƠ ĐÊ HÈN
VỚI TƯ CÁCH LÀ MỘT TÌNH TIẾT TĂNG NẶNG
TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**

Chuyên ngành : Luật hình sự

Mã số : 60 38 40

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: TS. Chu Thị Trang Vân

HÀ NỘI - 2012

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong luận văn bảo đảm độ tin cậy, chính xác và trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Nguyễn Thị Phương

MỤC LỤC

	Trang
<i>Trang phụ bìa</i>	
<i>Lời cam đoan</i>	
<i>Mục lục</i>	
MỞ ĐẦU	1
<i>Chương 1:</i> MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TÌNH TIẾT "PHẠM TỘI VÌ ĐỘNG CƠ ĐÊ HÈN"	8
1.1. Khái niệm và các đặc điểm của tình tiết "phạm tội vì động cơ đê hèn"	8
1.1.1. Khái niệm phạm tội vì động cơ đê hèn	8
1.1.2. Các đặc điểm của "phạm tội vì động cơ đê hèn"	23
1.2. Các tiêu chí đánh giá tình tiết phạm tội vì động cơ đê hèn	27
1.2.1. Tiêu chí thuộc về mặt chủ quan	27
1.2.2. Tiêu chí thuộc về nhân thân người phạm tội	27
1.3. Các yêu cầu cơ bản để áp dụng tình tiết phạm tội vì động cơ đê hèn	28
1.3.1. Các yêu cầu chung để áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ khi quyết định hình phạt	28
1.3.2. Các yêu cầu riêng áp dụng tình tiết phạm tội vì động cơ đê hèn khi quyết định hình phạt	38
<i>Chương 2:</i> QUY ĐỊNH VỀ TÌNH TIẾT "PHẠM TỘI VÌ ĐỘNG CƠ ĐÊ HÈN" TRONG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG	44
2.1. Quy định về tình tiết "phạm tội vì động cơ đê hèn" trong pháp luật hình sự Việt Nam	44

2.1.1.	Giai đoạn từ sau Cách mạng tháng 8/1945 đến trước pháp điển hóa Bộ luật hình sự lần thứ nhất năm 1985	44
2.1.2.	Giai đoạn từ khi pháp điển hóa Bộ luật hình sự lần thứ nhất năm 1985 đến trước khi pháp điển hóa Bộ luật hình sự lần thứ hai năm 1999	47
2.1.3.	Giai đoạn từ khi pháp điển hóa Bộ luật hình sự lần thứ hai năm 1999 đến nay	49
2.2.	Thực tiễn áp dụng tình tiết "phạm tội vì động cơ đê hèn"	53
2.2.1.	Thực tiễn áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội vì động cơ đê hèn" theo Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999	53
2.2.2.	Thực tiễn áp dụng tình tiết định khung "Phạm tội vì động cơ đê hèn" trong các tội danh thuộc phần các tội phạm của Bộ luật hình sự năm 1999	58
	Chương 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG TÌNH TIẾT "PHẠM TỘI VÌ ĐỘNG CƠ ĐÊ HÈN" TRONG THỰC TIỄN	73
3.1.	Kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật hình sự về tình tiết "phạm tội vì động cơ đê hèn"	73
3.1.1.	Phần chung	73
3.1.2.	Phần các tội phạm	76
3.2.	Một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả áp dụng tình tiết "phạm tội vì động cơ đê hèn" trong thực tiễn hiện nay	92
	KẾT LUẬN	102
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	103

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung ngày 19/6/2009) quy định "Phạm tội vì động cơ đê hèn" là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong Phần chung (điểm đ Điều 48), tình tiết này cũng được quy định là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt trong 03 cấu thành tội phạm ở phần các tội phạm của Bộ luật hình sự.

Tuy nhiên, khoa học luật hình sự Việt Nam, vấn đề phạm tội vì động cơ đê hèn vẫn chưa được quan tâm, nghiên cứu một cách sâu sắc, đầy đủ, có hệ thống và toàn diện. Chẳng hạn, dưới góc độ khoa học hàng loạt vấn đề cần được làm sáng tỏ để có quan điểm thống nhất và đầy đủ như: khái niệm, bản chất pháp lý của vấn đề "phạm tội vì động cơ đê hèn", lịch sử phát triển của các quy phạm về chế định này, nghiên cứu so sánh pháp luật hình sự của các nước có quy định về "Phạm tội vì động cơ đê hèn" hay việc tổng kết và đánh giá thực tiễn áp dụng phạm tội vì động cơ đê hèn, các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng. Ngoài ra trong pháp luật hình sự thực định (Bộ luật hình sự năm 1999), nhà làm luật nước ta cũng chưa ghi nhận khái niệm pháp lý về "Phạm tội vì động cơ đê hèn", hậu quả pháp lý của việc áp dụng tình tiết phạm tội vì động cơ đê hèn. Năm 1970 trong đường lối xét xử các tội giết người của Tòa án nhân dân Tối cao, Công văn số 452/HS2 của Tòa án nhân dân Tối cao đã hướng dẫn áp dụng tình tiết "phạm tội vì động cơ đê hèn". Tuy nhiên, theo chúng tôi Công văn này cũng chỉ có giá trị tạm thời, nó được tổng kết từ thực tiễn áp dụng pháp luật để thống nhất cho các Tòa án khi áp dụng chứ Công văn này cũng chưa có cơ sở pháp lý vững chắc cho việc áp dụng vấn đề "phạm tội vì động cơ đê hèn", chính vì vậy mà hướng dẫn trên không có tính khái quát cao, chưa thể hiện được bản chất của vấn đề "phạm tội vì động cơ đê hèn"... Do vậy hiệu quả của việc áp dụng tình tiết này không được cao.

Mặt khác, thực tiễn áp dụng vấn đề này cũng đặt ra nhiều vướng mắc đòi hỏi khoa học luật hình sự phải nghiên cứu, giải quyết như điều kiện áp dụng tình tiết "phạm tội vì động cơ đê hèn", tiêu chí đánh giá, tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội.

Vì vậy, việc tiếp tục nghiên cứu sâu sắc hơn nữa những vấn đề lý luận về "Phạm tội vì động cơ đê hèn" và sự thể hiện chúng trong các quy định của Bộ luật hình sự hiện hành, đồng thời đánh giá việc áp dụng vấn đề "phạm tội vì động cơ đê hèn" trong thực tiễn, qua đó đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng các quy phạm về vấn đề này trong giai đoạn hiện nay không những có ý nghĩa lý luận pháp lý quan trọng mà còn là vấn đề mang tính cấp thiết. Đây cũng chính là lý do vì sao chúng tôi quyết định chọn đề tài ***"Phạm tội vì động cơ đê hèn - với tư cách là một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong luật hình sự Việt Nam"*** làm luận văn thạc sỹ luật học của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trên thế giới, các Bộ luật hình sự hiện hành của các nước có nền kinh tế phát triển như Bộ luật hình sự của Anh, Bộ tổng luật của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, Bộ luật hình sự của Liên Bang Nga, Thụy Điển, Bộ luật hình sự của nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa... hầu như không quy định về vấn đề phạm tội vì động cơ đê hèn. Tuy nhiên, trong giới khoa học luật hình sự của một số nước đã đặt vấn đề nghiên cứu vấn đề phạm tội vì động cơ đê hèn và có nhiều quan điểm khác nhau như: sự cấp thiết phải quy định bổ sung vấn đề này vào trong Bộ luật hình sự làm cơ sở pháp lý cao nhất để trấn áp loại tội phạm này; các điều kiện để áp dụng tình tiết phạm tội vì động cơ đê hèn....

Ở Việt Nam, kể từ khi Bộ luật hình sự năm 1999 ban hành, các quy định về tội phạm và các dấu hiệu trong cấu thành tội phạm của Bộ luật hình sự không phải là vấn đề mới mẻ trong giới nghiên cứu chuyên ngành luật hình sự cũng như những người làm công tác thực tiễn. Điều này được thể hiện

thông qua một số bài viết nghiên cứu liên quan đến chủ đề này như: Sách Luật hình sự Việt Nam (Quyển I) Những vấn đề chung, của NXB Khoa học xã hội, do Giáo sư Đào Trí Úc công bố năm 2000; Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (Phần chung), NXB Đại học Quốc gia Hà Nội của PGS.TSKH Lê Cẩm, năm 2005; Tội phạm và cấu thành tội phạm, NXB Công an nhân dân, GS.TS Nguyễn Ngọc Hòa, năm 2006; Bình luận những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong luật hình sự Việt Nam, Ths. Đinh Văn Quế, NXB Tổng hợp, thành phố Hồ Chí Minh, năm 2009; Luận án Tiến sỹ luật học "Ranh giới giữa tội phạm và không phải là tội phạm trong luật hình sự Việt Nam" của Phạm Quang Huy, năm 2006. Một số bài đăng trên các tạp chí như: "Những đảm bảo cần thiết cho việc thi hành Bộ luật hình sự năm 1999, của tác giả GS. TSKH Đào Trí Úc, tạp chí Nhà nước và pháp luật số 01/2001...

Khái quát tất cả những nghiên cứu trên đây của các tác giả cho thấy các công trình này mới chỉ dừng lại ở các bài viết đăng trên các tạp chí khoa học pháp lý chuyên ngành với việc giải quyết một nội dung tương ứng, xem xét nội dung của vấn đề này như khối kiến thức cơ bản một phần, mục trong các giáo trình giảng dạy, một mục nhỏ của sách chuyên khảo mà chưa có công trình nào nghiên cứu theo đúng tên gọi "Phạm tội vì động cơ đê hèn - Với tư cách là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong pháp luật hình sự Việt Nam" một cách có hệ thống, toàn diện, đồng bộ. Về nội dung, các công trình đã nêu mới đề cập khái quát căn cứ pháp lý và những điều kiện áp dụng, đánh giá ở mức độ riêng rẽ phạm tội vì động cơ đê hèn hoặc chỉ đề cập rất hạn chế về dấu hiệu "phạm tội vì động cơ đê hèn" với ý nghĩa là dấu hiệu được dùng để phân biệt giữa các loại tội phạm, để thu hẹp hoặc mở rộng phạm vi phải xử lý về mặt hình sự. Trong khi đó, chưa có công trình nào hệ thống hóa các vấn đề lý luận về phạm tội vì động cơ đê hèn, nghiên cứu tổng thể lịch sử hình thành và phát triển của các quy phạm về phạm tội vì động cơ đê hèn từ 1945 đến nay, tổng kết đánh giá tình hình thực tiễn áp dụng cũng

như chỉ ra các tồn tại, vướng mắc trong thực tế để đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng chúng. Trong bối cảnh sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự năm 1999, theo tinh thần của Nghị quyết 48/NQ-TW và Nghị quyết 49/NQ-TW của Bộ Chính trị, công trình nghiên cứu này là chuyên khảo đầu tiên về dấu hiệu ***"Phạm tội vì động cơ đê hèn - với tư cách là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong pháp luật hình sự Việt Nam"*** ở cấp độ một luận văn thạc sỹ. Mặt khác, nhiều nội dung xung quanh vấn đề phạm tội vì động cơ đê hèn cũng đòi hỏi các nhà hình sự học cần tiếp tục nghiên cứu một cách toàn diện và sâu sắc, hơn nữa đây cũng là một vấn đề mang tính thời sự hiện nay.

3. Mục đích, nhiệm vụ, đối tượng nghiên cứu của đề tài

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của đề tài là làm sáng tỏ tương đối có hệ thống về mặt lý luận những nội dung cơ bản của vấn đề phạm tội vì động cơ đê hèn trong luật hình sự Việt Nam và áp dụng vấn đề này trong thực tiễn. Trên cơ sở phân tích những hạn chế của tình tiết "phạm tội vì động cơ đê hèn" cũng như những bất cập trong thực tế áp dụng để từ đó đưa ra những kiến nghị, giải pháp và phương hướng hoàn thiện luật hình sự cũng như việc nâng cao hiệu quả áp dụng vấn đề đã nêu trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu.

Từ mục đích nghiên cứu nêu trên, tác giả luận văn đặt cho mình các nhiệm vụ nghiên cứu chủ yếu sau:

a. Về mặt lý luận: Trên cơ sở nghiên cứu lịch sử phát triển của vấn đề phạm tội vì động cơ đê hèn trong luật hình sự Việt Nam từ năm 1945 cho tới nay, phân tích các khái niệm, quan điểm của các nhà hình sự học, các đặc điểm cơ bản của phạm tội vì động cơ đê hèn, phân tích nội dung và điều kiện áp dụng tình tiết "phạm tội vì động cơ đê hèn" với tư cách là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong Bộ luật hình sự năm 1999 hiện hành để làm

sáng tỏ bản chất pháp lý và những nội dung cơ bản của vấn đề phạm tội vì động cơ đê hèn theo luật hình sự Việt Nam. Phân tích làm sáng tỏ cơ sở lý luận của việc quy định tình tiết phạm tội vì động cơ đê hèn là tình tiết định khung tăng nặng trong một số tội quy định ở Bộ luật hình sự Việt Nam.

b. Về mặt thực tiễn: Nghiên cứu, đánh giá việc áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự về vấn đề phạm tội vì động cơ đê hèn trong thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự nước ta, đồng thời phân tích những tồn tại xung quanh việc quy định vấn đề phạm tội vì động cơ đê hèn và thực tiễn áp dụng nhằm đề xuất phương hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật hình sự về lập pháp, đồng thời ở một chừng mực nhất định cũng xem xét và đề xuất việc hoàn thiện pháp luật hình sự đối với một số vấn đề liên quan tới việc áp dụng tình tiết này.

3.3. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là một số vấn đề lý luận và thực tiễn về vấn đề phạm tội vì động cơ đê hèn với tư cách là một trong những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tăng nặng định khung hình phạt của Bộ luật hình sự Việt Nam cụ thể là: Khái niệm phạm tội vì động cơ đê hèn, các đặc điểm cơ bản của phạm tội vì động cơ đê hèn, nội dung và điều kiện áp dụng của vấn đề phạm tội vì động cơ đê hèn theo quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành, kết hợp với thực tiễn áp dụng qua đó chỉ ra những nguyên tắc cơ bản và đề xuất những giải pháp lập pháp cũng như các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định về vấn đề phạm tội vì động cơ đê hèn trong pháp luật hình sự Việt Nam.

3.4. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu một số vấn đề lý luận và thực tiễn về vấn đề phạm tội vì động cơ đê hèn với tư cách là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tăng nặng định khung hình phạt theo luật hình sự Việt Nam mà theo quan điểm của tác giả là vấn đề cơ bản và quan trọng. Trong phạm vi nghiên cứu tác giả tập trung nghiên cứu tình tiết "Phạm tội vì động cơ đê hèn" khi tình

tiết này được quy định tại Phần chung và tại một số điều luật cụ thể tại phần riêng của Bộ luật hình sự.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Cơ sở lý luận của luận văn là quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về đấu tranh phòng và chống tội phạm, cũng như thành tựu của các chuyên ngành khoa học - pháp lý như: lịch sử pháp luật, lý luận về Nhà nước và pháp luật, xã hội học pháp luật, luật hình sự, tội phạm học, luật tổ tụng hình sự và triết học, những luận điểm khoa học trong các công trình nghiên cứu, sách chuyên khảo và các bài viết đăng trên các tạp chí của một số nhà khoa học luật hình sự Việt Nam.

Đề phù hợp với nội dung nghiên cứu và giải quyết được các nhiệm vụ mà luận văn đã đặt ra. Quá trình nghiên cứu luận văn, tác giả dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử làm phương pháp nghiên cứu cơ bản, chủ yếu, kết hợp với các phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành như: phương pháp lịch sử, phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh... Đồng thời, việc nghiên cứu đề tài còn dựa vào các văn bản pháp luật của Nhà nước và những giải thích thống nhất có tính chất chỉ đạo của thực tiễn xét xử thuộc lĩnh vực pháp luật hình sự do Tòa án nhân dân Tối cao hoặc của các cơ quan bảo vệ pháp luật ở Trung ương ban hành có liên quan tới vấn đề phạm tội vì động cơ đê hèn, những số liệu thống kê, tổng kết hàng năm trong các báo cáo của ngành Tòa án, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, địa phương... và nhiều tài liệu trong thực tiễn xét xử cũng như những thông tin trên mạng internet qua đó phân tích, tổng hợp các tri thức khoa học luật hình sự để hoàn thành các nhiệm vụ mà luận văn đã đặt ra.

5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

5.1. Về mặt lý luận

Đây là công trình nghiên cứu chuyên khảo đầu tiên đề cập một cách tương đối toàn diện và có hệ thống về một số vấn đề cơ bản của lý luận về

phạm tội vì động cơ đê hèn trong luật hình sự Việt Nam ở cấp độ một luận văn thạc sỹ.

5.2. Về mặt thực tiễn

Luận văn góp phần vào việc xác định đúng đắn những điều kiện cụ thể của tội phạm vì động cơ đê hèn trong thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan tiến hành tố tụng cũng như đưa ra các kiến nghị hoàn thiện các quy phạm của phạm tội vì động cơ đê hèn ở khía cạnh lập pháp và việc áp dụng trong thực tiễn. Đặc biệt, để góp phần phân hóa tội phạm và người phạm tội, cá thể hóa và phân hóa tối đa trách nhiệm hình sự và hình phạt, tăng cường hiệu quả công tác đấu tranh chống tội phạm và nhằm phù hợp với các yêu cầu của thực tiễn xét xử, luận văn cũng kiến nghị bổ sung hoặc loại bỏ, có thể áp dụng hoặc không áp dụng tình tiết phạm tội vì động cơ đê hèn nhưng lại chưa được nhà làm luật quy định trong Bộ luật hình sự nước ta.

6. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 03 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận chung về tình tiết "Phạm tội vì động cơ đê hèn".

Chương 2: Quy định về tình tiết "Phạm tội vì động cơ đê hèn" trong pháp luật hình sự Việt Nam và thực tiễn áp dụng.

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định về pháp luật hình sự và nâng cao hiệu quả áp dụng tình tiết "Phạm tội vì động cơ đê hèn" trong thực tiễn hiện nay.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TÌNH TIẾT "PHẠM TỘI VÌ ĐỘNG CƠ ĐÊ HÈN"

1.1. KHÁI NIỆM VÀ CÁC ĐẶC ĐIỂM CỦA TÌNH TIẾT "PHẠM TỘI VÌ ĐỘNG CƠ ĐÊ HÈN"

1.1.1. Khái niệm phạm tội vì động cơ đê hèn

Phạm tội vì động cơ đê hèn là một khái niệm trong khoa học Luật hình sự Việt Nam, nó chính thức được quy định tại Bộ luật hình sự năm 1985 với tính chất là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại Điều 39, tình tiết định khung tăng nặng tại điểm a khoản 1 Điều 101- Tội giết người. Khái niệm phạm tội vì động cơ đê hèn là một vấn đề khó đang được các nhà luật học nghiên cứu và chưa có sự thống nhất. Chính vì vậy, khái niệm phạm tội vì động cơ đê hèn chưa được quy định chính thức trong Bộ luật hình sự mà chỉ được đề cập đến trong các văn bản hướng dẫn của Tòa án nhân dân Tối cao nhằm hướng dẫn việc áp dụng thống nhất Bộ luật hình sự trong hoạt động xét xử các vụ án.

Trong khoa học luật hình sự Việt Nam đã có một số quan điểm đưa ra về khái niệm và nội hàm của phạm tội vì động cơ đê hèn như sau:

Theo TS.Ưông Chu Lưu:

Phạm tội vì động cơ đê hèn được hiểu là trường hợp người phạm tội vì động cơ mang tính chất hèn nhát, phản bội, ích kỷ cao, bội bạc. Đây là tình tiết thuộc mặt chủ quan của tội phạm phản ánh khá tập trung tính chất và mức độ nguy hiểm của người phạm tội. Mức độ tăng nặng trách nhiệm hình sự của tình tiết này phụ thuộc vào mức độ xấu xa, phản trắc, ích kỷ, bội bạc đã thúc đẩy bị cáo thực hiện tội phạm [23].

Theo GS.TSKH Lê Cẩm:

Phạm tội vì động cơ đê hèn là trường hợp: động cơ phạm tội nói chung đều là động cơ xấu, nhưng động cơ đê hèn là động cơ xấu xa nhất, ti tiện nhất, đáng khinh nhất trong tất cả các động cơ có thể có của một tội phạm cụ thể. Nó thể hiện tính ích kỷ cao, bội bạc, phản trắc, hèn nhát và là sự tột cùng đồi bại của đạo đức như: Giết người để cướp vợ hoặc chồng của nạn nhân, giết tình nhân đã có thai với mình để trốn tránh trách nhiệm...[4].

Theo PGS.TS Nguyễn Ngọc Hòa thì "phạm tội vì động cơ đê hèn là trường hợp phạm tội bị thúc đẩy bởi động cơ đê tiện, thấp hèn. Hành vi phạm tội trong những trường hợp này thường là những biểu hiện của sự bội bạc, phản trắc, hèn nhát, ích kỷ..." [19].

Theo PGS.TS Lê Thị Sơn, động cơ đê hèn là:

Động cơ phạm tội thể hiện tính hèn hạ, ích kỷ cá nhân cao độ của người phạm tội. Động cơ đê hèn là động cơ phạm tội làm tăng tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Trước khi động cơ phạm tội này được quy định trong luật là dấu hiệu định khung hình phạt tăng nặng cũng như là dấu hiệu tăng nặng trách nhiệm hình sự, động cơ đê hèn đã được thực tiễn xét xử thừa nhận là là một trong những dấu hiệu cho phép xét xử tăng nặng tội giết người. Trong Bộ luật hình sự, động cơ đê hèn được quy định là dấu hiệu định khung hình phạt tăng nặng của các tội: Tội giết người; Tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em; Tội cưỡng bức lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy. Đối với các tội phạm khác mà có thể có động cơ phạm tội là động cơ đê hèn, Bộ luật hình sự quy định động cơ phạm tội này là dấu hiệu tăng nặng trách nhiệm hình sự. Những tội phạm đó là những tội liên quan đến con người như tội cố ý gây thương tích, tội hiếp dâm, tội truy cứu trách

nhiệm hình sự người không có tội... Biểu hiện cụ thể của động cơ đê hèn rất khác nhau, trong đó biểu hiện thường thấy có thể là động cơ vì tiền như để được thừa kế đã giết người để lại di sản thừa kế hoặc để được hưởng thừa kế một mình đã giết những người đồng thừa kế; hoặc do được thuê mà đã phạm tội hiếp dâm; không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội;...[30].

Theo Ths. Đinh Văn Quế, "phạm tội vì động cơ đê hèn là trường hợp phạm tội mà người phạm tội thực hiện tội phạm với động cơ rất xấu xa, thấp hèn, đáng khinh bỉ, không kể gì đến danh dự, nhân phẩm tư cách của một con người. Động cơ của bị cáo mang tính hèn nhất, bội bạc, phản trắc, ích kỷ" [26].

Theo Lê Huy Hòa, "phạm tội vì động cơ đê hèn là phạm tội với động cơ đê tiện, thấp hèn, ích kỷ, thể hiện sự bội bạc, phản trắc, hèn nhất" [22, tr. 118].

Theo TS. Phạm Văn Beo:

Phạm tội vì động cơ đê hèn là trường hợp người phạm tội vì động cơ xấu, thấp hèn, đáng khinh bỉ, bất chấp danh dự, nhân phẩm của con người. Đây là động cơ mang tính chất hèn nhất, bội bạc, phản trắc, ích kỷ... Chẳng hạn, hiếp dâm con gái của kẻ thù mình để trả thù, giết người yêu đã có thai với mình sau khi yêu cầu phá thai mà không chịu...[2].

Qua nghiên cứu Bộ luật hình sự của một số quốc gia như: Trung Quốc, Lào, Malaysia, Singapore, Liên bang Nga, Thụy Điển... Pháp luật các nước này không quy định phạm tội vì động cơ đê hèn là một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự hoặc là tình tiết tăng nặng định khung trong một cấu thành tội phạm cụ thể, nhưng lại có những khái niệm gần với khái niệm này ví dụ như: tại Bộ luật hình sự của Liên bang Nga có hiệu lực từ ngày 1 tháng 3 năm 1996, điểm h khoản 1 Điều 106 Tội giết người ghi nhận: *Giết người vì động cơ vụ lợi hoặc giết người thuê*. Điều 153 quy định về Tội đánh tráo trẻ em như sau: Đánh tráo trẻ em vì *động cơ vụ lợi hoặc động cơ bất*

chính khác thì bị phạt tù từ 5 năm, kèm theo bị phạt tiền từ 200 lần đến 500 lần mức thu nhập tối thiểu hay mức lương hay thu nhập khác của người bị kết án trong thời gian từ 2 đến 5 tháng. Như vậy, có thể thấy trong Bộ luật hình sự của Liên bang Nga hành động phạm tội vì động cơ vụ lợi hoặc động cơ bất chính khác hoặc giết người thuê là những khái niệm có những nét tương đồng với khái niệm "phạm tội vì động cơ đê hèn" được quy định trong Bộ luật hình sự Việt Nam và trên thực tiễn xét xử tại Việt Nam cũng coi hành vi giết người thuê hoặc thuê giết người là những hành động phạm tội mang tính chất đê hèn.

Một vấn đề nữa đặt ra là "phạm tội vì động cơ đê hèn" nằm ở đâu trong khoa học luật hình sự? Nghiên cứu các tài liệu pháp lý của Việt Nam chúng tôi thấy rằng vấn đề phạm tội vì động cơ đê hèn chưa được các tác giả quan tâm nghiên cứu một cách thỏa đáng. Trong các giáo trình luật hình sự mới của trường Đại học Luật Hà Nội, Khoa luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, Khoa Luật - Trường Đại học Cần Thơ... Tất cả đều chưa đưa ra khái niệm về phạm tội vì động cơ đê hèn, chưa đề cập đến đặc điểm phạm tội vì động cơ đê hèn, dấu hiệu nhận biết, phân biệt phạm tội vì động cơ đê hèn với các loại tội phạm khác. Vấn đề này chỉ được nhắc đến là một trong những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tăng nặng định khung hình phạt của một số tội phạm cụ thể trong phần các tội phạm.

Vấn đề phạm tội vì động cơ đê hèn là một khái niệm gắn với khái niệm tội phạm. Nó có mối quan hệ chặt chẽ với chế định tội phạm - chế định trung tâm của luật hình sự. Định nghĩa tội phạm là cơ sở để quy định các tội phạm cụ thể, cơ sở để nhận thức và áp dụng thống nhất các quy phạm khác của luật hình sự trong đó có quy phạm về phạm tội vì động cơ đê hèn. Việc làm rõ, sáng tỏ khái niệm phạm tội vì động cơ đê hèn có tác động ngược trở lại với chế định tội phạm. Xét về hành vi phạm tội trong những điều kiện như nhau, trường hợp phạm tội vì động cơ đê hèn thể hiện tính nguy hiểm đáng kể cho xã hội hơn so với những trường hợp khác, thể hiện sự coi thường pháp luật của người phạm tội, đồng thời cho thấy nhận thức tội phạm của người

phạm tội là rất thấp. Người phạm tội sẵn sàng thực hiện các tội phạm tàn ác chỉ vì những lý do nhỏ nhất, ích kỷ, ghen tuông mù quáng, để trả thù hoặc để thỏa mãn sự bức tức.

Xét về mặt chủ quan của tội phạm người bị áp dụng tình tiết phạm tội vì động cơ đê hèn thực hiện tội phạm với lỗi cố ý.

Lỗi là thái độ tâm lý bên trong của một người đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội của mình và đối với hậu quả do hành vi đó gây ra. Một người phải chịu trách nhiệm hình sự không chỉ đơn thuần vì họ có hành vi khách quan đã gây thiệt hại cho xã hội mà còn vì đã có lỗi trong việc thực hiện hành vi khách quan đó. Hành vi gây thiệt hại của người phạm tội sẽ bị coi là có lỗi nếu hành vi đó là kết quả của sự tự lựa chọn và quyết định của người phạm tội trong khi người phạm tội có điều kiện khách quan và chủ quan để lựa chọn hoặc quyết định một xử sự khác phù hợp hơn với đòi hỏi của xã hội. Lỗi trong luật hình sự là quan hệ giữa cá nhân người phạm tội với xã hội thể hiện qua các đòi hỏi cụ thể của luật hình sự. Lỗi luôn đi đôi với hành vi nguy hiểm cho xã hội nhất định, không có lỗi độc lập với hành vi nguy hiểm cho xã hội. Tức là chủ quan người phạm tội tự lựa chọn quyết định thực hiện xử sự khách quan gây thiệt hại cho xã hội và trái pháp luật hình sự.

Theo Điều 9 Bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành:

Cố ý phạm tội là phạm tội trong những trường hợp sau đây:

1. Người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó và mong muốn hậu quả xảy ra;
2. Người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó có thể xảy ra, tuy không mong muốn nhưng vẫn có ý thức để mặc cho hậu quả xảy ra [28].

Luật hình sự đã phân định rõ ràng thành hai loại lỗi là: lỗi cố ý và lỗi vô ý. Trong đó lỗi cố ý bao gồm lỗi cố ý trực tiếp và lỗi cố ý gián tiếp. Lỗi cố ý trực tiếp, về lý trí đối với lỗi cố ý trực tiếp người phạm tội nhận thức rõ, đầy đủ tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi cũng như thấy trước hậu quả sẽ xảy ra nếu thực hiện hành vi đó. Việc thấy trước hậu quả là sự dự kiến của người phạm tội về sự phát triển của hành vi. Về ý chí, người phạm tội mong muốn hậu quả phát sinh. Hậu quả được thấy hoàn toàn phù hợp với mục đích và sự mong muốn ban đầu của người phạm tội. Lỗi cố ý gián tiếp, về lý trí người phạm tội cũng nhận thức được tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi, thấy trước được hậu quả có thể xảy ra, việc xảy ra hậu quả hay không, không có ý nghĩa gì với người phạm tội. Về ý chí, người phạm tội không mong muốn hậu quả nguy hiểm cho xã hội xảy ra nhưng có ý thức bỏ mặc cho hậu quả đã được thấy trước do hành vi của mình có thể gây ra.

Như vậy, cách để có thể nhận biết và phân biệt giữa lỗi cố ý trực tiếp và lỗi cố ý gián tiếp đó là ý chí của người phạm tội mong muốn hậu quả tất yếu xảy ra hay không mong muốn hậu quả xảy ra nhưng có ý để mặc hậu quả xảy ra. Việc xác định lỗi trong một cấu thành tội phạm xem đó là lỗi cố ý hay vô ý, cố ý trực tiếp hay cố ý gián tiếp ảnh hưởng rất lớn tới việc quyết định hình phạt đối với người phạm tội.

Các loại lỗi trong từng hình thức lỗi cũng chỉ mới phản ánh được ý thức chủ quan của tội phạm. Còn từng trường hợp phạm tội cụ thể, mức độ lỗi lại khác nhau. Cùng một mục đích phạm tội nhưng mức độ quyết tâm thực hiện tội phạm lại khác nhau. Có trường hợp thể hiện người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội đến cùng mới thôi. Ví dụ: A nhìn thấy chồng mình là B đang cặp kè với C rất tình tứ, A theo đến nhà nghỉ và bắt gặp B và C đang có quan hệ tình cảm với nhau. Nhìn thấy vậy A tức tối bỏ về tìm đến nhà C, thấy đứa con nhỏ mới 2 tuổi của C đang chơi trong sân A đã lao vào đánh đấm túi bụi, hành hạ đứa trẻ cho đến khi đứa trẻ chết ngay tại chỗ. Như vậy, A thể hiện quyết tâm phạm tội cao, thái độ coi thường pháp luật, coi thường tính mạng

người khác, nhẫn tâm ra tay với một đứa trẻ để trả thù chỉ vì mẹ nó đang cặp kè với chồng mình. Vì vậy, trách nhiệm hình sự đối với trường hợp mức độ lỗi cao hơn cũng phải cao hơn những trường hợp phạm tội thông thường khác.

Con người là chủ thể có ý thức xã hội, hành động của con người trong tình trạng tâm thần bình thường đều do sự thúc đẩy của những nhân tố nào đó bên trong. Nhân tố tâm lý bên trong chủ thể thúc đẩy họ thực hiện hành động là động cơ của hành động. Động cơ là một phạm trù rộng còn động cơ phạm tội là một phạm trù tâm lý có giới hạn hẹp hơn động cơ hành động.

Động cơ phạm tội là nhân tố bên trong, động lực bên trong (các lợi ích, các nhu cầu được nhận thức) thúc đẩy người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội.

Cơ sở tạo thành động cơ phạm tội là những nhu cầu về vật chất, tinh thần hoặc các lợi ích sai lệch của cá nhân được chủ thể nhận thức hoặc những tư tưởng sai lệch của chủ thể, cũng có thể là những nhu cầu bình thường nhưng chủ thể đã lựa chọn cách thức thỏa mãn chúng trái với các lợi ích và chuẩn mực xã hội. Sự hình thành động cơ phạm tội thường là một quá trình đấu tranh giữa nhận thức về trách nhiệm lương tâm, nghĩa vụ,... với sự vi phạm những đòi hỏi trong nội tâm chủ thể.

Động cơ phạm tội chỉ có trong những trường hợp có lỗi cố ý trực tiếp, những tội phạm do vô ý hoặc cố ý gián tiếp cũng có động cơ nhưng không phải là động cơ phạm tội mà là động cơ xử sự của hành vi. Với những tội phạm vô ý người thực hiện tội phạm không mong muốn thực hiện tội phạm, không nhận thức được tính chất tội phạm của hành vi trong điều kiện phải nhận thức và có thể nhận thức được hoặc tin rằng hành vi của mình không phát triển thành tội phạm vì có thể ngăn ngừa được hậu quả nguy hiểm cho xã hội hay không gây ra thiệt hại cho xã hội. Vì thế, khi thực hiện hành vi, bên trong chủ thể không có động cơ phạm tội thúc đẩy. Những tội vô ý có thể có động cơ hành động chứ không thể có động cơ phạm tội.

Bộ luật hình sự không quy định động cơ phạm tội là dấu hiệu phân biệt tội phạm với hành vi không phải là tội phạm cũng như không coi động cơ phạm tội là dấu hiệu để phân biệt các tội phạm với nhau. Động cơ phạm tội có ảnh hưởng đến mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm song nói chung nó không làm thay đổi căn bản tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi. Luật hình sự Việt Nam quy định động cơ phạm tội là dấu hiệu định tội với một số ít tội phạm, ví dụ: tội sử dụng trái phép tài sản Điều 142 Bộ luật hình sự năm 1999, động cơ "vụ lợi" là dấu hiệu định tội.

Động cơ phạm tội là động cơ bên trong của tội phạm, thúc đẩy một người nào đó phạm tội. Do đó, nó ảnh hưởng nhất định đến tính nguy hiểm cho xã hội. Có những hành vi nếu không có động cơ vụ lợi hay cá nhân rõ rệt thì chưa thể hiện tính nguy hiểm cho xã hội và không bị coi là tội phạm. Vì thế, động cơ phạm tội không được coi là yếu tố định tội mà là yếu tố làm tăng tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm. Ví dụ: tội giết người, tội cố ý gây thương tích... Động cơ phạm tội thể hiện sự tàn ác, ích kỷ, hèn hạ, phản trắc hoặc xảo quyệt, thâm hiểm,... Đó là những trường hợp làm tăng mức độ lỗi của người phạm tội khiến cho tội phạm bị lên án mạnh mẽ hơn, thể hiện bản chất của người phạm tội xấu xa hơn.

Động cơ phạm tội cũng có thể được quy định là dấu hiệu của cấu thành tội phạm tăng nặng, giảm nhẹ tức là dấu hiệu định khung hình phạt ví dụ "động cơ đê hèn" là dấu hiệu định khung tăng nặng trong Tội giết người được quy định tại (Điều 93), Tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em (Điều 120), Tội lôi kéo, cưỡng bức người khác sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 200) Bộ luật hình sự Việt Nam. Trường hợp các điều luật không quy định là dấu hiệu định khung tăng nặng hình phạt, động cơ phạm tội có thể được quy định là tình tiết tăng nặng hay tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam. Ví dụ: điểm đ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự "phạm tội vì động cơ đê hèn".

Mỗi hành vi của con người đều gắn với những động cơ, mục đích nhất định. Hành vi phạm tội cũng không nằm ngoài quy luật đó, hành vi phạm tội bao giờ cũng gắn liền với những động cơ, những mục đích khác nhau.

Mục đích phạm tội là mô hình được hình thành trong ý thức người phạm tội và người phạm tội mong muốn đạt được điều đó trên thực tế bằng cách thực hiện tội phạm. Tức là khi thực hiện tội phạm người phạm tội mong muốn đạt được một mục đích đã định sẵn trong đầu mình. Ví dụ khi A tấn công B vì B đã chiếm bạn gái của A. Mục đích của A là để trả thù B, gây thương tích cho B, cảnh cáo B không được tới gần bạn gái của mình.

Mục đích phạm tội là khái niệm thuộc phạm trù chủ quan của tội phạm, khác với khái niệm hậu quả nguy hiểm cho xã hội là một phạm trù khách quan. Mục đích phạm tội hình thành trước khi người đó bắt đầu thực hiện tội phạm. Hậu quả của tội phạm là một hiện tượng khách quan có quan hệ với mục đích của tội phạm, chúng có những biểu hiện gần gũi nhau, có khi chưa gây ra hậu quả nguy hiểm cho xã hội trên thực tế nhưng trong ý thức của người phạm tội đã hình thành rõ rệt mô hình hậu quả đó. Hậu quả thực tế xảy ra có thể phù hợp với mô hình mà chủ thể đã hình dung ra trước đó, nó cũng có thể ít hơn hoặc nhiều hơn điều mà chủ thể mong muốn do sự tác động của nhiều yếu tố.

Mục đích phạm tội chỉ có với những tội phạm được thực hiện cố ý trực tiếp. Người phạm tội trong trường hợp cố ý trực tiếp nhận thức được tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi và mong muốn hậu quả đó xảy ra, mong muốn thực hiện tội phạm để đạt được mục đích nhất định. Khoa học luật hình sự đã chứng minh mục đích phạm tội chỉ có ở tội phạm có lỗi cố ý trực tiếp và chỉ những trường hợp hậu quả hay hành vi khách quan chưa thể hiện đầy đủ hoặc không phải là mục đích của tội phạm thì mục đích của tội phạm mới là yếu tố tăng tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm và chỉ những trường hợp đó mục đích phạm tội mới là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình

sự. Còn khi phạm tội với lỗi cố ý gián tiếp, người phạm tội có thể theo đuổi những mục đích nhất định nhưng không phải là mục đích phạm tội. Ví dụ: Muốn dùng điện để diệt chuột cắn phá lúa, C.V.Q hỏi N.X.T xin điện để nối vào dây điện trần giăng xung quanh ruộng lúa nhà C.V.Q. Khi hỏi xin điện, C.V.Q hứa trông coi cẩn thận và chịu trách nhiệm toàn bộ, nên N.X.T đồng ý. Tối ngày 17/4/2001, C.V.Q và N.X.T cắm điện bẫy chuột. C.V.Q đề nghị treo thêm bóng đèn đỏ để thông báo cho mọi người biết việc bẫy chuột nhưng do chính quyền xã cấm việc dùng bẫy điện diệt chuột nên N.X.T không đồng ý. Khi cắm điện, C.V.Q có trông coi canh chừng người qua lại ruộng lúa bằng cách pha đèn thường xuyên để kiểm tra. Đến 22 giờ cùng ngày, C.V. Q về nhà ngủ và dặn T cắm thêm khoảng 30 phút sau hãy rút điện ra và đến 3 giờ sáng cắm lại. Khi C.V. Q về nhà được vài phút, T thấy điện giảm áp và ổ cắm chập mạch. T rút phích cắm điện rồi đi ngủ. Sáng ngày 18/4/2001, mọi người phát hiện anh N.V.H đi đơm lồng tép qua đó bị điện giật chết. Xung quanh vụ án này có nhiều luồng ý kiến khác nhau, trong đó luồng ý kiến thứ nhất cho rằng C.V.Q và N.X.T có ý thức bỏ mặc hậu quả chết người lỗi "cố ý gián tiếp" và đồng tình với việc xác định tội "giết người" (Điều 93). Luồng ý kiến thứ hai cho rằng C.V.Q và N.X.T phạm tội "vô ý làm chết người" (Điều 98) vì cho rằng cả hai "vô ý" với hậu quả chết người. Theo chúng tôi, chúng tôi ủng hộ luồng ý kiến thứ hai bởi: Các tình tiết khách quan cho thấy cả T và Q đều vô ý với hậu quả "chết người". Hành vi của T là: cho Q xin điện mắc vào dây điện trần để diệt chuột vì được Q hứa trông coi cẩn thận; ngắt và mở điện theo yêu cầu của Q. T mở điện lúc Q canh chừng người qua ruộng. Đặc biệt T mở điện khi Q không canh chừng là sau khi Q về nhà và yêu cầu mở điện thêm "một lúc nữa" nhưng lúc này là sau 22 giờ đêm. Ở ngoài đồng thì sau 22 giờ đêm rất hiếm khi có người, mà có người đi đến đám ruộng của Q lại càng hiếm đến mức T tin là không thể xảy ra. Q cũng như thế, lúc T mở điện thì anh luôn canh chừng người qua lại để thông báo. Q cũng tin không ai đến ruộng mình sau 22 giờ. Mục đích của hai người là diệt chuột. Cả hai đều không có mâu

thuần gì với bị hại và cũng không có mục đích "chống lại con người" như giăng điện chống trộm. Hậu quả chết người khi bị điện giật thì ai cũng nhận thức được nhưng bất kỳ ai khi làm việc này cũng tin rằng hành vi của mình sẽ không gây ra hậu quả. Họ đã không tin là hậu quả xảy ra vì vậy không thể áp đặt cho họ rằng đã để mặc hậu quả xảy ra. Khi thực hiện hành động mắc dây điện để đuổi chuột, Q hình thành mục đích trong đầu mình là để chống lại loại động vật phá hoại mùa màng chứ không phải để làm chết người khác. Như thế, chúng ta có thể nhận định lỗi của Q và T đối với hậu quả chết người là "vô ý", đồng nghĩa với việc định họ phạm tội "vô ý làm chết người" chứ không phải "giết người".

Trong trường hợp phạm tội vì động cơ đê hèn người phạm tội có động cơ và mục đích rõ ràng. Đây là một dấu hiệu bắt buộc khi định tội danh, người phạm tội có thể có nhiều động cơ, mục đích khác nhau nhưng động cơ và mục đích cuối cùng là để trả thù vì ghen tuông, ích kỷ, hay vì sự bội bạc, phản trắc mà người phạm tội quyết tâm thực hiện hành động phạm tội.

Ví dụ: A lấy vợ là B được hơn 1 năm, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn A phải ra thành phố tìm việc làm. Trong thời gian đi làm xa nhà nghe người cùng làng đồn đại B ở nhà dan díu với ông C là hàng xóm. Một hôm A về mà không báo trước thấy ông C đang ngồi ở nhà mình uống nước A dửng dưng đi xuống bếp lấy con dao dựa lên và lao vào chém ông C tới tấp vừa chém vừa chửi bới ông C vì đã ngủ với vợ mình. Kết quả là ông C bị trọng thương và chết trên đường đi cấp cứu. Như thế A ở đây đã có động cơ thôi thúc bên trong là trả thù kẻ đã cắm sừng mình nên tất cả mọi hành động của A như lấy dao dựa, chém túi bụi ông C đều vì mục đích trả thù.

Xét về nhân thân người phạm tội, những người bị áp dụng tình tiết phạm tội vì động cơ đê hèn thường có nhân thân xấu. Nghiên cứu tình tiết phạm tội vì động cơ đê hèn chúng ta phải nghiên cứu và làm rõ khái niệm nhân thân người phạm tội từ đó để đánh giá bản chất của người phạm tội

trong từng trường hợp cụ thể. Những đặc điểm thuộc về nhân thân người phạm tội có ảnh hưởng đến mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Đây là những đặc điểm mà khi có ở người phạm tội thì làm tăng hoặc giảm mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm. Những đặc điểm này được luật quy định thành những tình tiết định khung hình phạt hoặc tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Đặc điểm thuộc về nhân thân người phạm tội phản ánh khả năng cải tạo, giáo dục họ trở thành những người có ích cho xã hội. Đây là đặc điểm có liên quan đến việc đạt được mục đích của hình phạt. Cần nhắc những đặc điểm này bảo đảm cho Tòa án lựa chọn được hình phạt cụ thể cho người phạm tội sao cho tạo được khả năng lớn nhất để đạt được các mục đích của hình phạt.

Những đặc điểm thuộc về nhân thân người phạm tội phản ánh hoàn cảnh đặc biệt của họ. Cần cân nhắc những đặc điểm này khi quyết định hình phạt giúp cho Tòa án lựa chọn được những loại hình phạt cụ thể sao cho hình phạt đó có tính thực tế, tính khả thi, phù hợp với các quy định của luật hình sự và tạo điều kiện, khả năng lớn nhất để giáo dục, cải tạo họ.

Khi quyết định hình phạt Tòa án phải cân nhắc đến vấn đề nhân thân người phạm tội. Đây là một trong những biểu hiện nhân đạo, công bằng và cá thể hóa hình phạt được thể hiện rõ trong luật hình sự nước ta, được thực tiễn xét xử khẳng định và ghi nhận. Việc áp dụng đúng quy định này có ý nghĩa cải tạo, giáo dục và phòng ngừa rất lớn.

Dưới góc độ luật hình sự khi nghiên cứu cấu trúc nhân thân người phạm tội đã có rất nhiều quan điểm khác nhau, nhưng có cơ sở và thuyết phục hơn cả là việc đưa ra một hệ thống các đặc điểm, dấu hiệu đặc trưng cho nhân thân người phạm tội một cách chung nhất, làm nổi bật nhân thân người phạm tội từ đó có thể nghiên cứu từng cá nhân con người phạm tội cụ thể và từng loại, từng dạng người phạm tội. Hệ thống các đặc điểm, dấu hiệu đặc trưng được chia thành các nhóm là:

a. Nhóm các đặc điểm, dấu hiệu về mặt xã hội, nhân khẩu học. Bao gồm những dấu hiệu cơ bản như: độ tuổi, giới tính, học vấn, vị trí và vai trò trong xã hội, dạng nghề nghiệp, lĩnh vực hoạt động, địa điểm thường trú, hoàn cảnh gia đình, tình trạng vật chất, tình trạng cuộc sống gia đình...

b. Nhóm các đặc điểm, dấu hiệu về mặt đạo đức, tâm lý học là những dấu hiệu nói lên thế giới bên trong quá trình hình thành nhân thân người đã có lỗi trong việc thực hiện tội phạm, là tiêu chí phản ánh lý trí, ý chí, cảm xúc của người đó khi phạm tội. Các đặc điểm về mặt đạo đức tâm lý học của nhân thân người phạm tội phản ánh rõ sự hình thành không chỉ động cơ, sự lựa chọn cơ chế thực hiện tội phạm trong hoàn cảnh cụ thể mà còn những điều kiện xã hội của đời sống cá nhân người phạm tội ra sao, đồng thời còn cho thấy người đó bị những ảnh hưởng, tác động gì, có vị trí, vai trò xã hội gì, thái độ thực hiện trách nhiệm công dân như thế nào, v.v...

c. Nhóm các đặc điểm về mặt xã hội sinh học là những dấu hiệu cho phép khẳng định sự tác động của hoàn cảnh, những điều kiện cụ thể của môi trường xã hội trong quá trình hình thành nhân thân người đã có lỗi trong việc thực hiện tội phạm.

d. Nhóm các đặc điểm, dấu hiệu về mặt pháp lý hình sự của nhân thân người phạm tội là những dấu hiệu quan trọng nhất để khẳng định về nhân thân người đã có lỗi trong việc thực hiện tội phạm và là tiêu chí nói lên tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi, bao gồm những dấu hiệu cơ bản như: tính chất của tội phạm được thực hiện; cơ chế thực hiện tội phạm; động cơ và mục đích nhằm đạt được của người thực hiện tội phạm khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị luật hình sự cấm; hình thức phạm tội (đơn lẻ hay đồng phạm, nếu là đồng phạm thì đồng phạm giản đơn hay đồng phạm phức tạp hoặc đồng phạm có tổ chức, vai trò của người phạm tội là gì: người thực hành, người xúi giục, người giúp sức hay người tổ chức); người phạm tội có tiền án, tái phạm gì không. Ngoài ra còn những đặc điểm khác về mặt pháp lý hình sự

là các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự liên quan đến nhân thân người phạm tội được ghi nhận trong luật hình sự. Ví dụ: Phạm tội nhiều lần, tái phạm, tái phạm nguy hiểm là những dấu hiệu thuộc nhân thân người phạm tội. Nếu người nào bị áp dụng tình tiết này sẽ thuộc loại tội phạm có nhân thân rất xấu, khó cải tạo, giáo dục và làm tăng mức độ hình phạt khi Tòa án ra phán quyết. Các đặc điểm, dấu hiệu pháp lý - hình sự là tiêu chí quan trọng để đánh giá về nhân thân người phạm tội, về mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, từ đó góp phần thúc đẩy chính xác việc xác định nguyên nhân phạm tội và xác định trách nhiệm đối với từng cá nhân con người phạm tội cụ thể.

Học thuyết của chủ nghĩa Mác-Lênin đã nghiên cứu giải, quyết vấn đề người phạm tội và nhân thân người phạm tội trên cơ sở thừa nhận tính quy định của xã hội trong đặc trưng của nhân thân người phạm tội, đồng thời hướng mục đích nghiên cứu những đặc điểm của người phạm tội và nhân thân người phạm tội vào việc sáng tỏ bản chất xã hội, làm rõ các mối quan hệ và sự phụ thuộc xã hội đã biến con người thành người phạm tội. Phần nhiều các nhà nghiên cứu xã hội chủ nghĩa đều cho rằng cần phải nghiên cứu toàn diện về vấn đề con người với tư cách là thành viên của xã hội, là tổng hòa các mối quan hệ xã hội và con người chỉ trở thành người phạm tội do quá trình phát triển đạo đức bất lợi đối với họ. Cần phải nghiên cứu làm rõ cái vốn có của nhân thân người phạm tội không phải là các đặc điểm phạm tội bẩm sinh, mà là các đặc điểm được quy định về mặt xã hội, được thể hiện trong xử sự chống lại xã hội.

Con người sinh ra không phải để trở thành tội phạm, nhưng con người có khả năng trở thành người phạm tội nếu trong quá trình trưởng thành của con người đó gặp phải những điều kiện không thuận lợi khi hình thành nhân cách và người đó rơi vào một hoàn cảnh tình huống nhất định. Ví dụ A được sinh ra và lớn lên trong một gia đình nghèo, ông bố A luôn luôn trong trạng

thái say và thường xuyên đánh đập chửi bới vợ con, nhiều hôm cả nhà đang ngồi ăn cơm bố A say rượu hất tung hết cả mâm cơm ra ngoài sân và đánh mẹ A ngay trước mặt các con A tức lắm nhưng không làm gì được. Một hôm bố A lại say và lại đánh mẹ A, lần này A không nói gì lao vào bênh mẹ và sẵn có thanh sắt ống nước gần đó A cầm lấy phang cho ông bố tới chết. Vậy trong trường hợp này A đã phải tận mắt chứng kiến không biết bao nhiêu lần bố A đánh đập mẹ nên sự tức tối đã bị dồn nén dẫn đến hành động phạm tội trên. Bản chất A không phải là người xấu nhưng do hoàn cảnh tác động. Vì vậy, quan điểm, tính cách, thói quen, sở thích và những đặc điểm về nhân cách của người phạm tội không phải được tiềm ẩn ở con người đó ngay khi vừa mới sinh ra, mà chúng chịu sự ảnh hưởng tác động của môi trường không thuận lợi bên ngoài.

Nhân thân người phạm tội là nhân thân người có lỗi trong việc thực hiện hành vi gây nguy hiểm cho xã hội bị pháp luật cấm đoán và trừng trị. Chỉ có việc thực hiện hành vi phạm tội mới cho phép phân biệt nhân thân của người phạm tội với nhân thân của con người nói chung. Nhân thân người phạm tội dù có biểu hiện thế nào đi chăng nữa thì việc đánh giá đúng về nó chỉ có được dựa trên cơ sở xem xét những đặc tính xã hội quan trọng và mọi biểu hiện của nhân thân; nội dung và mối tương quan giữa chúng, mà chi tiết là tỷ lệ các dấu hiệu và biểu hiện xã hội tích cực với các dấu hiệu và biểu hiện tiêu cực của nhân thân trong mối quan hệ qua lại giữa chúng. Vì những đặc tính và dấu hiệu xã hội, cấu trúc và mối tương quan giữa chúng như vậy đã đem lại cho chúng ta một quan niệm đầy đủ về người phạm tội và cho phép hiểu được cách xử sự phạm tội của người đó, nguyên nhân và động cơ phạm tội, từ đó những đánh giá mới có cơ sở bảo đảm cho việc đấu tranh phòng và chống tội phạm, bảo đảm cho chính sách hình sự và cho việc lựa chọn các biện pháp cần thiết, thích hợp nhằm giáo dục, cải tạo đối với từng trường hợp cụ thể.

Nhân thân người phạm tội là tổng hợp các đặc điểm về mặt pháp lý hình sự, xã hội nhân khẩu học, xã hội sinh học và đạo đức tâm lý học của người đã có lỗi trong việc thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị luật hình sự cấm, những đặc điểm này có ý nghĩa quan trọng để giải quyết vấn đề trách nhiệm hình sự của người đó một cách công bằng, có căn cứ, đúng pháp luật, đồng thời góp phần vào công tác đấu tranh chống tội phạm.

Từ việc nghiên cứu, phân tích các quan điểm khác nhau của các nhà nghiên cứu khoa học luật hình sự về tình tiết "phạm tội vì động cơ đê hèn", cùng với việc làm rõ mối quan hệ giữa động cơ phạm tội với các yếu tố khác như yếu tố lỗi, động cơ, mục đích phạm tội, nhân thân người phạm tội. Chúng tôi có thể đưa ra khái niệm như sau:

Phạm tội vì động cơ đê hèn là hành vi nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, quyền tự do của công dân, do người có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện dưới hình thức lỗi cố ý do sự thúc đẩy bởi những động lực mang tính chất xấu xa, ti tiện, thể hiện tính bội bạc, hèn nhát, phản trắc cao và không có tính người.

1.1.2. Các đặc điểm của "phạm tội vì động cơ đê hèn"

Từ khái niệm nêu trên, chúng tôi mạnh dạn đưa ra những đặc điểm của phạm tội vì động cơ đê hèn như sau:

Thứ nhất, đó phải là hành vi nguy hiểm cho xã hội đe dọa hoặc thực tế xâm hại đến các quan hệ xã hội được Nhà nước bảo vệ bằng Luật hình sự như: sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm, quyền tự do của công dân.

Ví dụ: Ngày 16/2/2011 tại VPPĐD tạp chí phía Nam có tiếp thân nhân của nạn nhân V.H.P trong vụ giết người tình xảy ra vào ngày 10/2/2011. H và P quen biết nhau một thời gian nhưng gia đình nhà P phát hiện ra H đã có gia đình và có con nên gia đình nhà P bắt P phải chấm dứt với H. Khi H biết tin P chuẩn bị cưới vào tháng 04/2011, H đã dọa sẽ phá đám cưới. Ngày 10/2/2011

P đi làm và mãi không thấy về, gia đình P và chồng sắp cưới của P đã gọi điện thoại hỏi H, nhưng H không chịu nghe điện thoại. Sau đó dì của H đã gọi điện thoại báo cho gia đình P biết H đã giết P và hiện đang ở cơ quan công an Quận 4 đầu thú.

Như vậy, hành vi của H đã cướp đi sinh mạng của P, xâm phạm nghiêm trọng tới khách thể đặc biệt quan trọng được luật hình sự bảo vệ đó là tính mạng, sức khỏe con người.

Thứ hai, đó là hành vi phạm tội dưới hình thức lỗi cố ý. Đối với những tội phạm được thực hiện dưới hình thức lỗi cố ý, người phạm tội nhận thức được tính chất nguy hiểm trong hành vi mà mình thực hiện, thấy trước được hậu quả do hành vi đó gây ra và mong muốn hoặc có ý thức để mặc cho hậu quả xảy ra. Hành vi như vậy được thôi thúc bởi một động lực bên trong rõ ràng. Người thực hiện tội phạm vì động cơ đê hèn đều thể hiện tính chất lỗi cố ý của hành vi phạm tội, chỉ có ở lỗi cố ý thì người phạm tội mới mong muốn kết quả xảy ra như mục đích ban đầu đã định. Lỗi cố ý là yếu tố có khả năng chỉ rõ mối quan hệ biện chứng giữa tính quyết định khách quan và ý chí chủ quan, nhấn mạnh ý nghĩa của ý chí chủ quan như là một yếu tố góp phần dẫn đến hành vi phạm tội. Từ đó có thể hiểu rằng, một hành vi khách quan đơn thuần xảy ra ngoài sự nhận thức chủ quan của cá nhân không thể là cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với chủ thể của hành vi, vì lẽ chủ thể không có ý thức gì về hành vi đó cũng như hậu quả của hành vi.

Thứ ba, hành vi phạm tội vì động cơ đê hèn do người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện. Điều 12 Bộ luật hình sự hiện hành quy định về độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự như sau:

1. Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm.
2. Người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

Theo quy định tại Điều 12 của Bộ luật hình sự, người chưa đủ 14 tuổi trở xuống được xem là không có năng lực trách nhiệm hình sự và không phải chịu trách nhiệm hình sự. Người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi được xem là có năng lực trách nhiệm hình sự hạn chế và chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự trong những trường hợp nhất định (phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý hoặc đặc biệt nghiêm trọng), người từ đủ 16 tuổi trở lên được coi là người có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ và phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm do mình gây ra.

Thứ tư, hành vi phạm tội vì động cơ dâm dục do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện. Điều 13 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định về tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự cụ thể như sau:

1. Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong khi đang mắc bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, thì không phải chịu trách nhiệm hình sự; đối với người này, phải áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh.

2. Người phạm tội trong khi có năng lực trách nhiệm hình sự, nhưng đã lâm vào tình trạng quy định tại khoản 1 Điều này trước khi bị kết án, thì cũng được áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh. Sau khi khỏi bệnh, người đó có thể phải chịu trách nhiệm hình sự [28].

Như vậy, có thể suy ra từ Điều 13 Bộ luật hình sự năm 1999 rằng người có năng lực trách nhiệm hình sự là những người không mắc bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi.

Thứ năm, động cơ thực hiện tội phạm vì động cơ dâm dục mang tính chất xấu xa, ti tiện, dâm dục, ích kỷ, bội bạc, phản trắc cao. Như đã phân tích ở trên, động cơ phạm tội thuộc mặt chủ quan bên trong của người phạm tội, là

yếu tố bên trong thúc đẩy người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội. Đặc điểm về động cơ phạm tội của các tội phạm vì động cơ đê hèn là một dấu hiệu bắt buộc và quan trọng để xác định khung hình phạt khi định tội. Người phạm tội trong những tội phạm vì động cơ đê hèn thực hiện ý định phạm tội chỉ vì những nguyên nhân nhỏ nhất như: ghen tuông mù quáng, hay sự đố kị, sự trả thù người đã gây ra cho mình những hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống, công việc hay tình cảm. Đặc biệt hơn nữa còn thể hiện ở sự bội bạc cao độ như giết người tình để trốn tránh trách nhiệm làm cha khi biết người tình đã mang giọt máu của mình hoặc giết chủ nợ để không phải trả nợ khi chủ nợ đã cho người phạm tội vay để trang trải những lúc khó khăn. Tính chất của loại tội phạm này là hết sức nguy hiểm, thể hiện rõ nét thái độ coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác.

Ví dụ: A làm việc trong một cơ quan nhà nước, đã nhiều lần bị B là thủ trưởng cơ quan nhắc nhở vì hay đi muộn và lơ là trong công việc, thấy B hay nhắc nhở mình A tỏ ra rất khó chịu. Biết B rất quý mến cậu con trai duy nhất của mình nên A đã tìm cách chiếm đoạt con trai của B rồi đem bán cho một người phụ nữ mà A quen. Hành động của A là hành động thể hiện sự trả thù cao độ chỉ vì bị nhắc nhở trong công việc mà muốn gây ra những đau khổ cho B. Hành động của A không trực tiếp xâm phạm đến tính mạng của B nhưng lại gây những tổn thất lớn cho B về tinh thần.

Thứ sáu, về nhân thân của những người phạm tội vì động cơ đê hèn. Thực tiễn cho thấy những người thực hiện tội phạm vì động cơ đê hèn thường là những người có nhân thân xấu như: Trình độ văn hóa thấp, khả năng hiểu biết pháp luật yếu, kém, hoàn cảnh gia đình không được hạnh phúc, công việc thì thất thường, không có thu nhập thường xuyên, ổn định... Nên có thái độ coi thường pháp luật và thực hiện tội phạm mà không suy tính đến hậu quả mà người phạm tội phải gánh chịu do bị pháp luật trừng trị. Nhiều trường hợp thực hiện hành vi vi phạm pháp luật mà không biết hành vi đó của mình là vi phạm.

1.2. CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ TÌNH TIẾT PHẠM TỘI VÌ ĐỘNG CƠ ĐÊ HÈN

1.2.1. Tiêu chí thuộc về mặt chủ quan

Tội phạm được thực hiện với lỗi cố ý. Phạm tội vì động cơ đê hèn chỉ được áp dụng đối với các tội mà trong cấu thành tội phạm quy định trong Bộ luật hình sự hình thức lỗi là cố ý (cố ý trực tiếp hoặc cố ý gián tiếp).

Động cơ phạm tội là trả thù với mục đích là thỏa mãn sự ghen tuông, đố kỵ hoặc muốn trút bỏ một trách nhiệm mà mình phải gánh vác như: để lấy vợ hoặc chồng khác trong trường hợp giết vợ hoặc giết chồng của mình; để lấy vợ hoặc lấy chồng của nạn nhân trong trường hợp giết vợ hoặc chồng của nạn nhân; để trốn nợ trong trường hợp giết chủ nợ; để trốn tránh trách nhiệm làm cha của đứa trẻ trong trường hợp giết người tình mà biết là đã có thai với mình; để chiếm đoạt tài sản thừa kế trong trường hợp giết người để lại di sản thừa kế; để một mình được hưởng di sản thừa kế trong trường hợp giết hại các đồng thừa kế khác; ... Đây là tiêu chí bắt buộc khi định tội danh một hành vi là phạm tội vì động cơ đê hèn.

1.2.2. Tiêu chí thuộc về nhân thân người phạm tội

Đánh giá đúng, chính xác về nhân thân người phạm tội nói chung và nhân thân người phạm tội vì động cơ đê hèn nói riêng là một trong những yêu cầu quan trọng góp phần vào việc quyết định hình phạt sao cho tương xứng với hành vi phạm tội, đồng thời đánh giá nhân thân người phạm tội còn góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục cải tạo người phạm tội. Thực tiễn xét xử cho thấy phần lớn những tội phạm phạm tội vì động cơ đê hèn là những đối tượng có nhân thân xấu như: trình độ văn hóa thấp, khả năng am hiểu pháp luật kém, điều kiện sống khó khăn, hoàn cảnh gia đình không hòa thuận... Những hoàn cảnh đó tác động ít nhiều tới hành vi phạm tội của người phạm tội khiến cho người phạm tội khi bị hoàn cảnh bất lợi tác động không có khả năng kiềm chế bản thân, suy xét hậu quả của hành vi do mình gây ra. Do đó, có những hành vi phạm tội thể hiện tính bội bạc, phản trắc, ích kỷ cao, gây ra những tổn hại

về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, quyền tự do của người khác chỉ vì những lý do nhỏ nhặt không đáng.

1.3. CÁC YÊU CẦU CƠ BẢN ĐỂ ÁP DỤNG TÌNH TIẾT PHẠM TỘI VÌ ĐỘNG CƠ ĐÊ HÈN

1.3.1. Các yêu cầu chung để áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ khi quyết định hình phạt

Khi quyết định hình phạt, Tòa án phải căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ hoặc tăng nặng trách nhiệm hình sự, đây chính là quy định có tính chất hướng dẫn, bắt buộc để cụ thể hóa một phần khi xem xét, cân nhắc căn cứ thứ hai và thứ ba. Bởi vì các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân người phạm tội cũng là một cơ sở để đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm.

Phạm tội vì động cơ đê hèn với tính chất là một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tăng nặng định khung hình phạt khi áp dụng tình tiết này cần phải tuân thủ các yêu cầu chung khi áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tăng nặng định khung khi quyết định hình phạt như sau:

a. Phân biệt tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự với các tình tiết định tội, định khung hình phạt. Tình tiết định tội là tình tiết nêu lên dấu hiệu đặc trưng, điển hình của một loại tội phạm nhất định, phản ánh bản chất nguy hiểm cho xã hội của loại tội phạm này với loại tội phạm khác. Ví dụ: "Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản..." là tình tiết định tội của tội cướp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự. Tình tiết định tội là cơ sở để định tội danh, do đó các tình tiết này được quy định trong cấu thành tội phạm cơ bản của tội phạm đó.

Tình tiết định khung là tình tiết phản ánh tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm tăng lên hoặc giảm xuống đáng kể so với trường hợp bình

thường trong phạm vi một tội phạm cụ thể. Do đó, tình tiết định khung là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm tăng nặng và cấu thành tội phạm giảm nhẹ của tội đó.

Tình tiết định khung tăng nặng là tình tiết phản ánh mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm tăng lên so với trường hợp bình thường trong phạm vi một tội phạm cụ thể. Vì vậy, tình tiết định khung tăng nặng là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm tăng nặng của tội phạm đó.

Ví dụ: Tình tiết "phạm tội vì động cơ đê hèn" được quy định tại điểm q khoản 1 Điều 93 về Tội giết người là tiết định khung tăng nặng.

Ngược với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là tình tiết phản ánh tội phạm có mức độ nguy hiểm cho xã hội tăng lên hoặc giảm xuống trong phạm vi một khung hình phạt.

Như vậy, tình tiết định tội là cơ sở để xác định tội danh, tình tiết định khung là cơ sở để xác định khung hình phạt cụ thể, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ là một trong những căn cứ để quyết định loại và mức hình phạt cụ thể trong phạm vi một khung hình phạt đã được xác định của một tội phạm cụ thể.

b. Xác định đúng và đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đây là vấn đề mấu chốt đầu tiên, bởi nếu xác định thiếu hoặc thừa đều dẫn đến hậu quả là ảnh hưởng đến quyết định hình phạt.

Trong mỗi điểm của khoản 1 Điều 48 và khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự không chỉ quy định một tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ mà còn có điểm quy định một số tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ. Ví dụ: điểm b khoản 1 Điều 46 quy định tới ba tình tiết giảm nhẹ đó là: "người phạm tội tự nguyện sửa chữa những thiệt hại do mình gây ra", "người thiệt hại tự nguyện bồi thường thiệt hại do mình gây ra mà không thể sửa chữa lại được", "người phạm tội khắc phục hậu quả do mình gây ra mà không thuộc trường hợp sửa chữa hay bồi thường được"; điểm g khoản 1 Điều 48 cũng quy định tới ba tình tiết tăng

nặng: "phạm tội nhiều lần", "phạm tội thuộc trường hợp tái phạm", "phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm".

Trong mỗi điểm của khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự quy định nhiều tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ nhưng khi áp dụng vào vụ án cụ thể thì không phải trường hợp nào người phạm tội cũng được tính tất cả các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng quy định tại điểm đó, mà phải tùy trường hợp để xác định bị cáo có một hoặc nhiều tình tiết quy định tại điểm đó. Ví dụ: Bị cáo phạm tội cố ý gây thương tích. Sau khi phạm tội, bị cáo đã chở người bị hại đi cấp cứu, sau đó tự nguyện bồi thường toàn bộ tiền chi phí cho việc cứu chữa người bị hại, thì chỉ xác định bị cáo có một tình tiết giảm nhẹ là: "người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả".

Nếu các tình tiết độc lập với nhau thì người phạm tội được tính hoặc bị tính tất cả các tình tiết. Ví dụ: A phạm tội cố ý gây thương tích cho chị B đang có thai tháng thứ năm và cháu C mới 10 tuổi là cháu của chị B thì A phạm tội thuộc trường hợp có hai tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, đó là: "phạm tội đối với phụ nữ có thai", "phạm tội đối với trẻ em".

c. Những tình tiết đã được luật quy định là tình tiết định tội hoặc định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quy định này xuất phát từ nguyên tắc một tình tiết không được sử dụng nhiều lần để phân hóa trách nhiệm hình sự của người phạm tội. Khoản 2, Điều 48 quy định: "Những tình tiết là yếu tố định tội hoặc định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết tăng nặng". Tại Nghị quyết số 01-89/HĐTP ngày 19/4/1989 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án Tối cao đã hướng dẫn "đối với những tình tiết mà luật đã quy định là tình tiết định tội hoặc định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết giảm nhẹ". Quy định này hoàn toàn hợp lý bởi khi nhà làm luật đã coi một tình tiết nào đó là tình tiết định tội hoặc định khung hình phạt thì đã xác định một hình phạt tương

ứng với tích chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm có tình tiết đó. Vì thế, khi quyết định hình phạt mà lại vận dụng những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự để giảm hoặc tăng mức hình phạt cụ thể cho người phạm tội là không công bằng.

d. Khi quyết định hình phạt phải xác định mức độ ảnh hưởng cụ thể của từng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự có giá trị pháp lý khác nhau trong từng tội phạm cụ thể. Điều này có ý nghĩa là một tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ nào đó đối với tội A có giá trị làm tăng hoặc giảm rất nhiều mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm, nhưng đối với tội B thì giá trị làm tăng hoặc giảm mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm lại hạn chế hơn. Do đó, luật không quy định cụ thể từng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự có ảnh hưởng đến mức độ nào trong việc quyết định hình phạt đối với từng tội phạm cụ thể. Để bảo đảm sự linh hoạt, mềm dẻo, sát với từng tội phạm, pháp luật đã giành cho Tòa án quyền đánh giá, cân nhắc các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi quyết định hình phạt. Tuy nhiên, quyền trên phải nằm trong những nguyên tắc và quy định chung của pháp luật.

e. Với những vụ án vừa có những tình tiết tăng nặng vừa có những tình tiết giảm nhẹ đòi hỏi khi quyết định hình phạt Tòa án phải cân nhắc. Trong trường hợp này những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ không những cần được đánh giá riêng lẻ mà còn cần được đánh giá tổng thể, toàn diện trong mối quan hệ biện chứng và ảnh hưởng qua lại với nhau gắn với hoàn cảnh, điều kiện, không gian, và thời gian xảy ra vụ án. Từ đó Tòa án đánh giá, xác định giá trị pháp lý của hai loại tình tiết đối lập nhau trong việc làm tăng hoặc giảm mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm đó trong phạm vi một khung hình phạt cụ thể đã được xác định. Nếu tình tiết tăng nặng là đáng kể, tình tiết giảm nhẹ không đáng kể thì tình tiết tăng nặng là trường hợp cần được tăng nặng và ngược lại, nếu tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đều quan trọng hoặc đều không đáng kể thì là trường hợp bình thường. Quan trọng là trong trường hợp

này Tòa án cần phải cân nhắc để quyết định tuyên một mức hình phạt ở mức cao (tăng nặng) hay ở mức thấp (giảm nhẹ) hoặc ở mức trung bình của khung hình phạt để tương xứng với mức độ, tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi.

f. Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của hành vi phạm tội nào chỉ được áp dụng đối với hành vi phạm tội đó. Đây là một số lỗi thường gặp ở các Tòa. Trong phần nhận định của bản án, Tòa án đã xác định đúng và đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ nhưng trong phần quyết định của bản án thì lại áp dụng không đúng dẫn đến việc quyết định hình phạt không đúng.

Ví dụ: A phạm hai tội: Tội giết người theo điểm c khoản 1 Điều 93 và Tội cướp tài sản theo điểm a khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự. Với tội giết người A có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "giết trẻ em", Tội cướp tài sản là "có tổ chức". Trong phần nhận định Tòa án xác định có hai tình tiết định khung tăng nặng nhưng trong phần quyết định Tòa lại áp dụng cả hai tình tiết này cho cả hai tội như thế là không đúng.

g. Xác định đúng mức độ tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ. Đây là vấn đề rất khó khăn nhưng quan trọng, nếu xác định được mức độ tăng nặng, giảm nhẹ của các tình tiết thì khi áp dụng hình phạt sẽ tương xứng với hành vi nguy hiểm cho xã hội do người phạm tội thực hiện. Mức độ tăng nặng của các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các tình tiết giảm nhẹ phụ thuộc rất nhiều vào Hội đồng xét xử tại Tòa và phụ thuộc vào thái độ của người phạm tội và các yếu tố khách quan khác. Không ít trường hợp mức độ như nhau nhưng thái độ của bị cáo và các yếu tố khách quan khác nhau thì mức tăng nặng, giảm nhẹ cũng khác nhau. Ví dụ: Một bị cáo gây ra thiệt hại 200 triệu đồng nhưng vì hoàn cảnh gia đình hết sức khó khăn, đã bán tất cả tài sản đi để đền bù thiệt hại nhưng cũng chỉ được có 150 triệu thì mức độ sẽ giảm nhẹ hơn nhiều so với một bị cáo cũng với mức cũng gây thiệt hại như thế nhưng gia đình lại có điều kiện,

giàu có, bản thân bị cáo lại có thu nhập cao và ổn định nhưng vẫn cố tình chỉ bồi thường 150 triệu.

Xác định mức độ tăng nặng đối với các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự hiện hành có nội dung khác nhau nên mức độ tăng nặng cũng khác nhau. Ví dụ: tình tiết "phạm tội có tổ chức" sẽ khác với "phạm tội vì động cơ đê hèn". Cùng một tình tiết tăng nặng nhưng mức độ tăng nặng cũng khác nhau. Ví dụ: Cùng là tội giết người vì động cơ đê hèn nhưng A giết chết một người còn B cũng tội đó và cũng tình tiết tăng nặng đó nhưng giết chết hai người. Cùng một tình tiết tăng nặng nhưng với những tội khác nhau thì mức độ tăng nặng cũng khác nhau. Ví dụ: Đều là hành vi phạm tội vì động cơ đê hèn nhưng đối với hành vi giết người (điểm q khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự) sẽ có mức độ cao hơn so với Tội cưỡng bức, lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy (điểm c khoản 2 Điều 200 Bộ luật hình sự).

Khi quyết định hình phạt, nếu căn cứ quyết định hình phạt khác tương tự nhau, thì người phạm tội có số tình tiết tăng nặng nhiều hơn sẽ bị áp dụng hình phạt nặng hơn. Tuy nhiên, do mức độ tăng nặng của các tình tiết tăng nặng là khác nhau nên có thể xảy ra trường hợp người có nhiều tình tiết tăng nặng hơn thì lại phải chịu mức hình phạt nhẹ hơn và ngược lại người có ít tình tiết tăng nặng nhưng lại phải chịu mức hình phạt cao hơn. Ví dụ: A và B cùng sinh ra và lớn lên cùng nhau, cả hai đều phạm Tội mua bán người theo Điều 119 Bộ luật hình sự hiện hành. Các căn cứ để quyết định hình phạt đối với cả hai là tương đồng nhau. Tuy nhiên, A có hai tình tiết tăng nặng là "phạm tội với trẻ em" và "phạm tội với người lệ thuộc mình về mặt vật chất", còn B có một tình tiết là "phạm tội nhiều lần", nhưng tình tiết tăng nặng "Phạm tội nhiều lần" mức độ tăng nặng cao hơn hai tình tiết tăng nặng của A, nên hình phạt mà B phải chịu cao hơn hình phạt của A.

h. Nếu không có căn cứ để áp dụng quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định của Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt, dù có áp dụng các tình tiết

tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào Tòa án cũng chỉ được phép tăng, giảm hình phạt trong khung hình phạt mà Bộ luật hình sự đã quy định. Điều luật đã quy định những mức hình phạt tối thiểu và tối đa tùy vào mức độ nguy hiểm của từng loại tội phạm. Vì thế, dù có nhiều tình tiết tăng nặng đi chăng nữa thì người phạm tội cũng không bị xử phạt quá mức cao nhất của khung hình phạt đã được Bộ luật hình sự quy định. Trường hợp Tòa án xử phạt thấp hơn quy định của khung hình phạt (dưới ba năm tù) thì phải nêu rõ các lý do và tuân thủ quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự.

Ví dụ: Anh Trần Văn T phạm Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự, khung hình phạt của tội này là bị cáo sẽ bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm. Do vậy, dù anh T có nhiều tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự và nhiều tình tiết tăng nặng định khung khác thì mức hình phạt cao nhất mà anh T phải chịu cũng không vượt quá mức quy định của Điều luật.

i. Chỉ được phép tăng, giảm mức hình phạt trong một khung.

Điều luật quy định khung hình phạt có mức tối đa tùy theo mức độ nguy hiểm của từng tội phạm. Khi Tòa án đã xác định bị cáo phạm tội nào, dù có nhiều tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đi nữa thì họ cũng không bị xử phạt quá mức cao nhất của khung hình phạt đó. Ví dụ: Bị cáo phạm tội giết người theo khoản 2 Điều 93 Bộ luật hình sự có quy định khung hình phạt từ bảy đến mười năm năm. Tòa án không được xử phạt bị cáo trên mười năm năm mặc dù bị cáo có nhiều tình tiết tăng nặng tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

k. Chỉ được áp dụng các tình tiết tăng nặng kể từ khi Bộ luật hình sự có hiệu lực pháp luật. Theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 1985 cũng như năm 1999 quy định:

Điều luật quy định một tội phạm mới, một hình phạt nặng hơn, một tình tiết tăng nặng mới hoặc hạn chế phạm vi áp dụng án treo, miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, xóa

án tích và các quy định khác không có lợi cho người phạm tội, thì không được áp dụng đối với hành vi phạm tội đã thực hiện trước khi điều luật đó có hiệu lực thi hành [28].

So sánh với Bộ luật hình sự năm 1985 và Bộ luật hình sự hiện hành về Điều 48 - các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thì Bộ luật hình sự hiện hành có thêm bảy tình tiết mới sau: (1) Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp (điểm b khoản 1); (2) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội (điểm c khoản 1); (3) Phạm tội có tính chất côn đồ (điểm d khoản 1); (4) Xâm phạm tài sản của Nhà nước (điểm i khoản 1); (5) Gây hậu quả nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng (điểm k khoản 1); (6) Phạm tội với người lệ thuộc mình về mặt tinh thần (điểm h khoản 1); (7) Lợi dụng tình trạng khẩn cấp, dịch bệnh để phạm tội (điểm l khoản 1).

Nếu trước ngày Bộ luật hình sự có hiệu lực pháp luật mà người phạm tội thực hiện tội phạm có một trong các tình tiết phạm tội trên, mà sau khi Bộ luật hình sự có hiệu lực mới bị phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử thì không được coi các tình tiết trên là tình tiết tăng nặng đối với người phạm tội.

Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự có ý nghĩa rất quan trọng trong việc áp dụng luật hình sự, việc quy định các tình tiết này hướng dẫn cho các Tòa án đánh giá đúng tình chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội để từ đó tuyên một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội và đảm bảo việc áp dụng thống nhất các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự trong cả nước, góp phần hạn chế việc tùy tiện trong áp dụng luật. Đồng thời việc quy định các tình tiết này trong Bộ luật hình sự góp phần củng cố pháp chế XHCN cũng như làm cho công dân thấy rõ chính sách hình sự của nhà nước là nghiêm trị kết hợp với khoan hồng để từ đó tích cực tham gia công tác đấu tranh phòng và chống tội phạm.

Bộ luật hình sự năm 1985 không có điều luật nào quy định thể nào là tình tiết tăng nặng. Nhưng trong giới nghiên cứu khoa học luật hình sự thì có những quan điểm khác nhau như sau:

Theo TSKH Lê Cẩm và Trịnh Tiến Việt:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tình tiết được quy định trong phần chung Bộ luật hình sự với tính chất là tình tiết tăng nặng chung và là một trong những căn cứ quan trọng để cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền chủ yếu là Tòa án tùy thuộc vào giai đoạn tố tụng hình sự tương ứng (chủ yếu là giai đoạn xét xử) cá thể hóa trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với người phạm tội theo hướng nghiêm khắc hơn trong phạm vi một khung hình phạt nếu trong vụ án hình sự có tình tiết này [10].

Theo Ths.Đình Văn Quế: "các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là những tình tiết có trong một vụ án cụ thể làm tăng mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và người phạm tội phải chịu một khung hình phạt nghiêm khắc hơn trong một khung hình phạt" [26].

Theo Nguyễn Ngọc Hòa và Lê Thị Sơn, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tình tiết làm cho mức độ nguy hiểm của trường hợp phạm tội cụ thể của một loại tội phạm tăng lên so với trường hợp bình thường và do đó được coi là căn cứ để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với trường hợp phạm tội đó.

Theo tác giả Kiều Đình Thụy:

Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự có ảnh hưởng tới mức độ nguy hiểm của một tội phạm trong các trường hợp cụ thể khác nhau và có ý nghĩa khi quyết định hình phạt vì chúng làm tăng lên mức hình phạt cần áp dụng với tội phạm đã thực hiện trong giới hạn khung hình phạt mà luật quy định với tội phạm đó [31].

Theo Đỗ Ngọc Quang: "Những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là những tình tiết làm cho một hành vi phạm tội hoặc người phạm tội tăng lên mức độ nguy hiểm cho xã hội để từ đó cần áp dụng hình phạt nặng hơn trong phạm vi một khung hình phạt đã được xác định" [25].

Theo Dương Tuyết Miên:

Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là những tình tiết được quy định trong Bộ luật hình sự phản ánh mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, khả năng cải tạo giáo dục của người phạm tội. Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự có ý nghĩa trong việc quyết định hình phạt, làm tăng hình phạt trong giới hạn một khung hình phạt [24].

Như vậy các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự có ý nghĩa quan trọng trong việc quyết định hình phạt làm tăng hình phạt trong giới hạn một khung hình phạt nhất định. Nếu các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Tòa án có thể tự xác định thì đối với các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự Tòa án chỉ được phép áp dụng theo đúng những quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Quy định này được xây dựng trên cơ sở nguyên tắc có lợi cho bị cáo, đồng thời thể hiện chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta. Các tình tiết mà Tòa án dùng làm cơ sở để tăng mức độ trách nhiệm hình sự cho người phạm tội phải được quy định chặt chẽ, tránh việc lạm dụng để làm xấu đi tình trạng pháp lý của người phạm tội khi không có căn cứ xác đáng. Như thế, tình tiết tăng nặng là những tình tiết được quy định trong Bộ luật hình sự phản ánh mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, khả năng cải tạo, giáo dục của người phạm tội. Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự còn có ý nghĩa trong việc quyết định hình phạt, làm tăng hình phạt trong giới hạn một khung hình phạt nhất định.

Khoản 2 Điều 48 Bộ luật hình sự hiện hành quy định "Những tình tiết đã là yếu tố định tội hoặc định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết tăng nặng" [28]. Quy định như thế là chưa đầy đủ. Theo chúng tôi tiêu đề của điều luật này là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thì nội dung của điều luật này cũng phải được quy định rõ và thống nhất với tiêu đề đó. Do vậy khoản 2 Điều 48 nên bổ sung cụm từ trách nhiệm hình sự vào cuối câu để khắc phục hạn chế nói trên.

1.3.2. Các yêu cầu riêng áp dụng tình tiết phạm tội vì động cơ đê hèn khi quyết định hình phạt

a. Chỉ áp dụng tình tiết "phạm tội vì động cơ đê hèn" đối với tội phạm thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý (có thể là cố ý trực tiếp hoặc cố ý gián tiếp) và động cơ là để trả thù hoặc để trốn tránh trách nhiệm hoặc để chiếm đoạt tài sản (ngoại trừ trường hợp cướp tài sản). Bộ luật hình sự năm 1999 đã quy định tình tiết "phạm tội vì động cơ đê hèn" là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 48 ở Phần chung Bộ luật hình sự nên về nguyên tắc thì tình tiết này có thể áp dụng đối với mọi tội danh trong Phần các tội phạm của Bộ luật hình sự. Trong Bộ luật hình sự dấu hiệu lỗi hầu như không được phản ánh trong các cấu thành tội phạm, Bộ luật hình sự có đến 244/270 cấu thành tội phạm không mô tả hình thức lỗi là cố ý hay vô ý. Việc xác định hình thức lỗi trong 244 cấu thành tội phạm phụ thuộc vào cơ quan giải thích pháp luật, cơ quan áp dụng pháp luật cũng như người nghiên cứu pháp luật. Tuy nhiên, theo chúng tôi chỉ áp dụng tình tiết "phạm tội vì động cơ đê hèn" đối với các tội phạm có hình thức lỗi là cố ý và động cơ là để trả thù, trốn tránh trách nhiệm, ghen tuông mù quáng, hành vi mang tính bội bạc, phản trắc, ích kỷ. Điều này đòi hỏi người áp dụng pháp luật trước khi xem xét có hay không áp dụng tình tiết phạm tội vì động cơ đê hèn phải xem xét cấu thành tội phạm mà người phạm tội phạm vào có hình thức lỗi cố ý không. Động cơ phạm tội là gì?. Việc xác định động cơ đê hèn của người phạm tội phải gắn với hành vi tội phạm mà người đó thực hiện. Tính chất đê hèn không phải ở hành vi phạm tội mà là ở động cơ phạm tội (thuộc mặt chủ quan của cấu thành) nên rất khó xác định. Do đó, khi người phạm tội không khai thật động cơ phạm tội của mình thì cần xem xét, đánh giá tất cả các tình tiết khách quan của vụ án, mối quan hệ gia đình và xã hội giữa người phạm tội và người bị hại và những người thân của người bị hại... Trên cơ sở đó xác định người phạm tội thực hiện hành vi tội phạm có vì động cơ đê hèn hay không? Nếu không có căn cứ để xác định người phạm tội thực hiện tội

phạm vì động cơ đê hèn thì không nên gò ép theo kiểu suy đoán, quy chụp cho người phạm tội.

b. Cần phải xem xét tới yếu tố nhân thân của người phạm tội khi quyết định hình phạt đối với những người phạm tội vì động cơ đê hèn. Đối với tội phạm vì động cơ đê hèn nhân thân thường là các nhóm yếu tố về gia đình, sự giáo dục, trình độ nhận thức chứ không phải là tiền án, tiền sự. Nên đây là một nhân tố quan trọng khi xem xét quyết định ra bản án, nó thể hiện khả năng giáo dục, cải tạo tốt của những bị cáo phạm vào loại tội này. Tuy hành vi của loại tội phạm này là hết sức nguy hiểm nhưng họ không phải loại "nhiễm tội phạm" nên có khả năng trở thành những người tốt sau khi chấp hành xong quyết định. Vì vậy, Tòa án cần cân nhắc yếu tố này khi đưa ra những quyết định cuối cùng.

c. Đối với những người phạm tội vì động cơ đê hèn, ngoài việc áp dụng một hình phạt tương xứng đối với hành vi phạm tội của bị cáo, chúng ta cần phải áp dụng thêm các biện pháp khác như: Cấm đi khỏi nơi cư trú; cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; cấm đảm nhiệm chức vụ. Căn cứ vào từng trường hợp cụ thể mà nên đưa những hình phạt bổ sung phù hợp nhằm để tăng cường hiệu quả áp dụng của hình phạt chính. Với đường lối chính sách hình sự của nước ta là giáo dục, răn đe, kết hợp với cải tạo nên sau khi những tội phạm này hoàn thành cải tạo xong cần nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện của chính quyền địa phương, các cơ quan, tổ chức, các hội... để họ có thể trở thành những công dân có ích cho xã hội. Đồng thời cũng lấy đó làm tấm gương giáo dục cho tất cả mọi người về thái độ coi thường pháp luật, coi thường tính mạng của người khác.

d. Có nên áp dụng tình tiết "phạm tội vì động cơ đê hèn" đối với người chưa thành niên không?

Theo quy định của Bộ luật hình sự hiện hành, người chưa thành niên là người từ đủ 14 đến dưới 18 tuổi và độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo Điều 12 Bộ luật hình sự ghi nhận: "Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách

nhiệm hình sự về mọi tội phạm; Người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng" [28].

Người chưa thành niên là một nhóm đối tượng được quan tâm đặc biệt trong luật hình sự, điều này được minh chứng thông qua các chính sách của luật hình sự đối với những người chưa thành niên phạm tội. Khoản 1 Điều 69 Bộ luật hình sự về nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội quy định: "Việc xử lý người chưa thành niên phạm tội chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội". Sở dĩ đây là đối tượng ưu tiên đặc biệt của luật Hình sự là vì người chưa thành niên là người đang trong độ tuổi có sự thay đổi về nhận thức, độ tuổi theo nhận xét là "ăn chưa no, lo chưa tới", chưa có sự phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần nên chưa thể suy nghĩ chín chắn về hành vi của mình. Lứa tuổi này dễ bị tác động bởi môi trường xung quanh, dễ dàng nổi nóng hay luôn muốn chứng tỏ mình. Do những đặc điểm tâm, sinh lý của tuổi mới lớn đó mà người chưa thành niên khi phạm tội không phải chịu mức hình phạt nặng nề như người đã thành niên phạm tội. Luật hình sự quy định "Việc truy cứu trách nhiệm hình sự người chưa thành niên phạm tội và áp dụng hình phạt đối với họ được thực hiện chỉ trong trường hợp cần thiết và phải căn cứ vào tính chất của hành vi phạm tội, vào những đặc điểm về nhân thân và yêu cầu của việc phòng ngừa tội phạm; Không xử phạt tù chung thân hoặc tử hình đối với người chưa thành niên phạm tội. Khi áp dụng hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội cần hạn chế áp dụng hình phạt tù. Khi xử phạt tù có thời hạn, Tòa án cho người chưa thành niên phạm tội được hưởng mức án nhẹ hơn mức án áp dụng đối với người đã thành niên phạm tội tương ứng" (Điều 69 Bộ luật hình sự).

Theo Thiếu tướng Đỗ Văn Rụ, Cục trưởng Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về tệ nạn xã hội, Bộ Công an cho biết, tình hình phạm tội, các hành vi vi phạm pháp luật trong thanh thiếu niên ngày càng gia tăng. Theo dõi từ năm

2000-2006, tội phạm do trẻ em và người chưa thành niên gây ra là 74.389 vụ với 95.103 em. Tình trạng tội phạm do người chưa thành niên thực hiện đang gia tăng nhanh chóng tới mức báo động. Thống kê gần đây của Bộ Công an, chỉ tính riêng trong năm 2010, trên địa bàn cả nước có 13.572 đối tượng phạm tội là thanh thiếu niên. Tội phạm do người chưa thành niên gây ra tập trung vào các nhóm tội như xâm phạm sở hữu, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm và danh dự con người. Qua các số liệu thống kê trên, ta thấy hiện tượng "trẻ hóa" tội phạm là một thực tế cần phải nhìn nhận ở Việt Nam nói riêng và trên thế giới nói chung. Điều này cho thấy sự phát triển về tâm sinh lý và khả năng nhận thức của người chưa thành niên trong điều kiện kinh tế, xã hội phát triển như hiện nay đã khác trước và cần có biện pháp giáo dục thích hợp đối với lứa tuổi này. Hành vi phạm tội của tội phạm ở lứa tuổi này tỏ ra hết sức mạnh động, nhiều trường hợp có hành vi dã man gây ra những thiệt hại về người và tài sản chỉ là để thỏa mãn thói hiếu thắng của tuổi trẻ.

Ví dụ: Trần Văn T sinh năm 1996, yêu chị Nguyễn Thu H cũng sinh năm 1996, cả hai học chung trường, chung lớp với nhau. Sau một vài lần cãi nhau, H đòi bỏ T, T không đồng ý vì cho rằng H cư xử như vậy là do H đã yêu anh G, điều đó làm cho T bức tức và nảy sinh ý định giết chết H để H không thể yêu G được. Nghĩ là làm, T hẹn H sau buổi học ra một bãi cỏ ven sông Hồng để gặp nhau và nói chuyện rõ ràng lần cuối. Tại đây, sau một hồi năn nỉ H quay lại không được T đã dùng một con dao gọt hoa quả chuẩn bị từ trước đâm nhiều nhát làm H chết tại chỗ, sau đó tự đâm vào tay mình để tự tử. Được một số người dân phát hiện và đưa đi cấp cứu nhưng H đã chết do bị quá nhiều vết thương phần xung yếu, còn T thì may mắn thoát chết.

Những vụ án tương tự như thế cũng vẫn thường gặp đâu đó trong cuộc sống, gây ra đau thương cho gia đình nạn nhân lẫn bị cáo. Phần lớn người chưa thành niên phạm tội là những người có nhân thân tốt. Tuy nhiên do ảnh hưởng của lối sống, những biến đổi, tác động tiêu cực của môi trường gia đình, xã hội... đã đẩy các em đến con đường phạm tội.

Người chưa thành niên phạm tội ngày càng tăng lên là dấu hiệu đáng lo cho toàn xã hội về sự suy đồi trong nhân cách của một bộ phận giới trẻ hiện nay. Họ sẵn sàng thanh toán nhau chỉ vì những lý do nhỏ nhặt, những ích kỷ cá nhân. Theo chúng tôi việc áp dụng tình tiết "phạm tội vì động cơ đê hèn" là tình tiết tăng nặng đối với người phạm tội là người chưa thành niên là vấn đề cần được xem xét để áp dụng. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cần phải cân nhắc tới mức độ của việc thực hiện tội sao cho tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo là người chưa thành niên để có thể đạt được mục đích chính của chính sách ngăn ngừa tội phạm đối với người chưa thành niên là "giáo dục và răn đe".

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Phạm tội vì động cơ đê hèn là một vấn đề không dễ trong nhận thức và áp dụng. Vì vậy việc nghiên cứu, bình luận, làm rõ khái niệm, các đặc điểm, dấu hiệu nhận biết, tiêu chí đánh giá tình tiết này là rất cần thiết. Trong Chương 1 của luận văn, tác giả đã cố gắng đưa ra những vấn đề mang tính chất lý luận về phạm tội vì động cơ đê hèn.

Phạm tội vì động cơ đê hèn là hành vi nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, quyền tự do của công dân, do người có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện dưới hình thức lỗi cố ý do sự thúc đẩy bởi những động lực mang tính chất xấu xa, ti tiện, thể hiện tính bội bạc, hèn nhát, phản trắc cao và không có tính người.

Trong thực tiễn xét xử để xác định dấu hiệu "phạm tội vì động cơ đê hèn", bên cạnh những vấn đề chung cần phải xem xét xem tội phạm xảy ra có thỏa mãn những dấu hiệu của cấu thành tội phạm hay không như: mặt khách quan, mặt chủ quan, chủ thể, khách thể, lỗi... các tình tiết liên quan đến vụ án thì vấn đề quan trọng để xác định hành vi phạm tội có phải là vì động cơ đê hèn hay không cần phải xác định được động cơ thúc đẩy người phạm tội thực

hiện tội phạm, như để trả thù người tình vì đã bội bạc với mình, gây thương tích cho người khác vì đã cướp mất người yêu của mình, giết người vì muốn hưởng tài sản thừa kế của người đó, giết người vì muốn chiếm đoạt số tiền bảo hiểm, cưỡng ép người khác dùng chất ma túy vì nếu người đó mà cùng sử dụng thì mình sẽ không phải mất tiền mua thuốc... những động cơ thấp hèn, xấu xa, đê tiện bên trong thúc đẩy người phạm tội thực hiện tội phạm chính là căn cứ cho thấy tính nguy hiểm xã hội của hành vi do những đối tượng thực hiện tội phạm vì động cơ đê hèn này so với các tội phạm khác.

Tuy nhiên khi xem xét đến hành vi phạm tội vì động cơ đê hèn cần quan tâm tới nhân thân của người phạm tội. Nhân thân người phạm tội có ảnh hưởng lớn tới hành vi của người phạm tội đó. Do vậy, khi quyết định hình phạt Tòa án sẽ có những căn cứ để đưa ra những mức hình phạt tương đương với hành vi mà người phạm tội gây ra. Đồng thời cũng đạt được mục tiêu nhân đạo của luật hình sự là răn đe và giáo dục người phạm tội.

Chương 2

QUY ĐỊNH VỀ TÌNH TIẾT "PHẠM TỘI VÌ ĐỘNG CƠ ĐÊ HÈN" TRONG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG

2.1. QUY ĐỊNH VỀ TÌNH TIẾT "PHẠM TỘI VÌ ĐỘNG CƠ ĐÊ HÈN" TRONG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

2.1.1. Giai đoạn từ sau Cách mạng tháng 8/1945 đến trước pháp điển hóa Bộ luật hình sự lần thứ nhất năm 1985

Sau cách mạng tháng 8 năm 1945 tình hình đất nước ta rất gay go, căng thẳng và phức tạp. Để đảm bảo tình hình an ninh - trật tự Chính phủ vừa mới ra đời đã ban hành hàng loạt các Sắc lệnh như: Sắc lệnh số 06 ban hành ngày 05/9/1945 cấm nhân dân Việt Nam không được đăng lính, bán thực phẩm, dẫn đường, liên lạc, làm tay sai cho quân đội Pháp và nói rõ kẻ nào trái lệnh sẽ đem ra Tòa án quân sự nghiêm trị; Sắc lệnh thành lập Tòa án quân sự để xét xử những người làm phương hại đến nền độc lập của nước Việt Nam; Sắc lệnh số 27 được ban hành ngày 28/2/1946, nhằm trừng trị các hành vi bắt cóc, tống tiền và ám sát. Đặc biệt là Sắc lệnh số 47/SL cho phép áp dụng một số điều khoản của pháp luật cũ không mâu thuẫn với chế độ mới, không trái với nguyên tắc độc lập dân chủ nhằm duy trì, ổn định trật tự xã hội, trong lúc chưa xây dựng kịp các văn bản mới. Ví dụ như một số điều khoản trong Bộ luật hình sự của Bắc kỳ, Trung kỳ, Nam kỳ. Mặc dù thời gian không nhiều lại phải đối mặt với rất nhiều khó khăn nhưng Nhà nước ta trong thời kỳ này đã thể hiện một sự tiến bộ đáng kể so với pháp luật thời kỳ phong kiến tồn tại lâu dài trước đó trong công tác lập pháp hình sự. Với sự cố gắng đó, pháp luật hình sự đã trở thành công cụ đắc lực của chính quyền trong công cuộc củng cố lực lượng, trấn áp bọn phản cách mạng chống lại chính quyền còn non trẻ, bảo vệ nhân dân. Tuy nhiên, không thấy trong các Sắc lệnh này quy định về tình tiết "phạm tội vì động cơ đê hèn".

Trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc (1954 -1975) đã có những bước tiến rất lớn về mặt kỹ thuật lập pháp hình sự ở nước ta, các chế định pháp lý như chế định về lỗi, các giai đoạn thực hiện tội phạm, đồng phạm... đã được quy định tương đối cụ thể; các tội phản cách mạng, tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, các tội xâm phạm tài sản riêng của công dân đã được quy định với tiêu đề tội danh của từng tội rõ ràng, chặt chẽ. Việc trừng trị các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa đã được quy định căn cứ vào các tính chất nghiêm trọng khác nhau giữa các tội phạm cụ thể, các tội như: Tội cướp tài sản xã hội chủ nghĩa, Tội cố ý hủy hoại tài sản xã hội chủ nghĩa.... Được coi là tội nghiêm trọng hơn tội trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa, tội cố ý gây hư hỏng tài sản xã hội chủ nghĩa.

Thực hiện đường lối của Đảng trong giai đoạn cách mạng mới, Chính phủ và Tòa án nhân dân Tối cao đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn đường lối xử lý tội giết người như: Chỉ thị số:1025/TANDTC ngày 15/6/1960 của Tòa án nhân dân Tối cao về đường lối xử lý tội giết người vì mê tín; Trong đường lối xét xử tội giết người của Tòa án nhân dân Tối cao, Bản chuyên đề tổng kết thực tiễn xét xử loại tội giết người ban hành kèm theo Công văn 452/HS2 ngày 10/8/1970 của Tòa án nhân dân tối cao về thực tiễn xét xử tội giết người, trong phần A những tình tiết tăng nặng đặc biệt có ghi như sau:

Kẻ đã giết người hầu hết đều có tính chất xấu xa và hung bạo ít nhiều. Đối với trường hợp động cơ xấu hoặc tính chất hung bạo không có gì đặc biệt, các Tòa án đều đã vận dụng khung hình phạt thông thường. Phải đến mức cao như sau mới được coi là động cơ đê hèn. Ví dụ: Giết vợ hoặc chồng để được tự do đi lấy vợ hoặc chồng khác, giết người để cướp vợ hoặc cướp chồng của nạn nhân, giết người tình sau khi đi lại có mang để trốn tránh trách nhiệm. Giết người vì mục đích vụ lợi như: giết người để khỏi phải trả nợ, để cướp gia tài, để lấy tiền thuê... Giết người có tính chất bội bạc, phản trắc như giết những người thực sự thương yêu mình, lo lắng

cho quyền lợi của mình, tin tưởng vào mình, giao phó cho mình...
Giết người vì những duyên cớ cá nhân, ích kỷ [32].

Bản tổng kết còn đưa ra một số ví dụ làm dẫn chứng như sau:

Ví dụ 1: Bản án tử hình đối với T.V.H, N.T.L, N.T.C... là những tên đã giết vợ hoặc giết chồng để lấy tình nhân. Án tử hình đối với tên N.T.Q đã giết bố để mặc dù bố rất yêu thương y;

Ví dụ 2: Có trường hợp giết người chưa đạt nhưng đã bị phạt 17, 18 năm tù một cách thích đáng. Như tên T.V.T có người bạn là ông P.C, người đồng hương. Ông C rất thương T, cho T vay tiền mua xe đạp và thường xuyên khuyên răn T. Một hôm T nảy ra ý định giết ông C để trốn nợ, y đã rủ ông T ra một quãng đường vắng rồi bất thành linh rút dao ra đâm ông C những nhát chí mạng, may mắn cho ông C là có người dân đi qua và cứu ông thoát chết. T bị phạt 17 năm tù.

Sắc luật số 03/SL ngày 15/3/1976 của Hội đồng Chính phủ cách mạng lâm thời và Thông tư số 03/SL-BTP-TT ngày 15/4/1976 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Sắc luật số 03.

Qua nghiên cứu các văn bản nói trên chúng tôi thấy, trong giai đoạn này luật hình sự đã bổ sung vào tội giết người nhiều tình tiết tăng nặng như: giết người vì động cơ đê hèn, có tính chất côn đồ, giết phụ nữ mà biết là có mang... Điều này cho ta biết được rằng hành vi phạm tội vì động cơ đê hèn là một hành vi mang tính chất nguy hiểm rất cao cho xã hội, hành vi này đã được đề cập và có những hướng dẫn cụ thể thông qua các bản chuyên đề của các cơ quan áp dụng pháp luật.

Pháp luật hình sự trong giai đoạn từ khi đất nước thống nhất năm 1975 đến trước khi pháp điển hóa lần thứ nhất năm 1985 đã bám sát, phục vụ kịp thời các yêu cầu, nhiệm vụ chính trị. Đặc biệt, pháp luật thời kỳ này cũng đạt được những tiến bộ quan trọng trong việc nhận thức các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, giúp cho Tòa án tránh được việc áp dụng một

cách tùy tiện các tình tiết này khi xét xử. Mặc dù chưa có văn bản nào quy định chính thức các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhưng sự ra đời của Công văn số 38 - NCPL ngày 16 tháng 1 năm 1976 của Tòa án nhân dân Tối cao đã đánh dấu một bước tiến bộ rõ rệt về việc áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong công tác xét xử. Đây được coi là tiền đề cho việc xây dựng điều luật quy định về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985 và sau này.

2.1.2. Giai đoạn từ khi pháp điển hóa Bộ luật hình sự lần thứ nhất năm 1985 đến trước khi pháp điển hóa Bộ luật hình sự lần thứ hai năm 1999

Từ khi đất nước thống nhất, chúng ta đã gặp phải nhiều khó khăn và khuyết điểm chủ quan duy ý chí, duy trì quá lâu mô hình kinh tế quan liêu bao cấp nên không thực hiện được mục tiêu đã đề ra là ổn định một cách cơ bản tình hình kinh tế xã hội và đời sống nhân dân. Pháp chế xã hội chủ nghĩa chậm được tăng cường, pháp luật và kỷ cương bị buông lỏng. Mặt khác, các quy phạm pháp luật hình sự đơn hành không thể hiện được toàn diện, đầy đủ các chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước ta. Việc ban hành Bộ luật hình sự là một vấn đề có tính tất yếu khách quan, cấp thiết có ý nghĩa lớn trong việc thực hiện thành công hai nhiệm vụ lớn đã được Đảng và Nhà nước đề ra đó là xây dựng và bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Ngày 27 tháng 6 năm 1985, pháp luật hình sự Việt Nam lần đầu tiên được chính thức pháp điển hóa bằng việc Quốc hội khóa VII đã thông qua Bộ luật hình sự, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 1986.

Theo Nghị quyết số 04/HĐTP ngày 29/11/1986 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần các tội phạm của Bộ luật hình sự. Chương II về Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người có giải thích về hành vi phạm tội vì động cơ đê hèn như sau:

Giết người vì động cơ đê hèn (điểm a) như giết người vì tính ích kỷ cao, phản trắc, bội bạc (ví dụ: giết người để cướp vợ hoặc chồng của nạn nhân; giết tình nhân đã có thai với mình để trốn tránh trách nhiệm; Giết người đã cho vay, giúp đỡ khắc phục khó khăn, hoạn nạn nhằm trốn nợ...) [33].

Trong lần sửa đổi, bổ sung thứ nhất Bộ luật hình sự tại kỳ họp Quốc hội khóa VIII từ ngày 18 tháng 12 đến ngày 28 tháng 12 năm 1989. Bộ luật hình sự vẫn giữ nguyên quy định về tình tiết tăng nặng phạm tội vì động cơ đê hèn tại Điều 39 (những tình tiết tăng nặng), và định khung tăng nặng tại điểm a khoản 1 Điều 101 (Tội giết người), ngoài ra không có thêm bất cứ thay đổi hay bổ sung nào về tình tiết phạm tội vì động cơ đê hèn vào trong các cấu thành tội phạm.

Lần sửa đổi, bổ sung thứ hai Bộ luật hình sự tại kỳ họp Quốc hội khóa VIII từ ngày 27 tháng 7 đến ngày 12 tháng 8 năm 1991 không có sửa đổi bổ sung nào về tình tiết phạm tội vì động cơ đê hèn.

Lần sửa đổi, bổ sung thứ ba Bộ luật hình sự tại kỳ họp Quốc hội khóa IX từ ngày 09 đến ngày 23 tháng 12 năm 1992 vẫn giữ nguyên về các tình tiết phạm tội vì động cơ đê hèn.

Sau bảy năm thi hành Bộ luật hình sự năm 1985, trong điều kiện nền kinh tế xã hội đang trên đà phát triển mạnh mẽ do đất nước mới thoát khỏi tám áo bao cấp, kéo theo tình hình tội phạm có những diễn biến hết sức phức tạp theo chiều hướng mới và yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm cũng đặt ra những đòi hỏi mới. Tình hình buôn bán, sử dụng trái phép chất ma túy gia tăng, tầng lớp trẻ bị mê mải với những thú vui truy lạc, không quan tâm đến đời sống xã hội. Để có tiền, có thuốc hút hít người ta đã không từ một thủ đoạn nào kể cả việc cưỡng ép hay lôi kéo người khác sử dụng ma túy trái phép chỉ để cho mình cũng được thỏa cơn đói thuốc. Do vậy cần phải có một chính sách pháp luật xử lý nghiêm minh những người không từ thủ đoạn để

lôi kéo, ép buộc người khác sử dụng trái phép chất ma túy. Đây chính là một căn nguyên dẫn tới việc bổ sung thêm điều luật mới tại lần sửa đổi bổ sung thứ tư Bộ luật hình sự ở kỳ họp thứ 11 Quốc hội khóa IX từ ngày 02 tháng 4 đến ngày 10 tháng 5 năm 1997. Bổ sung Điều 185 về tội cưỡng bức, lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy trong đó quy định tình tiết phạm tội vì động cơ đê hèn tại điểm c khoản 2 Điều 185 là tình tiết định khung tăng nặng.

Một điều đáng chú ý là mặc dù Bộ luật hình sự năm 1985 ra đời với những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định phổ biến như: phạm tội vì động cơ đê hèn, phạm tội có tổ chức, phạm tội có tính chất côn đồ, phạm tội có tính chất chuyên nghiệp,... nhưng các tình tiết này lại không được quy định rõ ràng trong Bộ luật hình sự cũng như trong một văn bản quy phạm pháp luật có tính pháp lý cao như Thông tư, Nghị quyết... trong một khoảng thời gian dài mà chỉ được quy định, hướng dẫn lẻ tẻ, thiếu tính hệ thống ở các văn bản của cơ quan chức năng, có văn bản lại hướng dẫn không phù hợp, không thể hiện đúng bản chất, nội dung của tình tiết tăng nặng. Chính do nguyên nhân này dẫn đến việc hiểu và áp dụng không thống nhất giữa các cơ quan bảo vệ pháp luật với nhau, cũng như giữa các địa phương khác nhau khi giải quyết những vụ án liên quan đến các tình tiết này.

2.1.3. Giai đoạn từ khi pháp điển hóa Bộ luật hình sự lần thứ hai năm 1999 đến nay

Từ năm 1985 đến năm 1997, trong vòng 12 năm Bộ luật hình sự 1985 đã có bốn lần sửa đổi, bổ sung. Việc sửa đổi, bổ sung là cần thiết và rất kịp thời nhưng vẫn còn mang tính bộ phận, chỉ đáp ứng được các yêu cầu bức xúc, thời sự trước tình hình tội phạm có chiều hướng gia tăng trong điều kiện xã hội đang chuyển đổi cơ chế, cái cũ mất đi hoặc được thay thế, cái mới ra đời và chưa vững chắc. Yêu cầu đổi mới mọi mặt của xã hội đặt ra nhiệm vụ xem xét, sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự một cách cơ bản, toàn diện nhằm kịp thời thể chế hóa chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta trong giai

đoạn cách mạng mới, bảo đảm hiệu quả cao của cuộc đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, góp phần đắc lực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình đất nước đổi mới và hội nhập, tạo điều kiện thuận lợi cho việc nhận thức và áp dụng Bộ luật hình sự một cách thống nhất. Đó là những đòi hỏi mang tính khách quan cho sự ra đời của Bộ luật hình sự năm 1999.

Xét một cách khách quan mà nói thì Bộ luật hình sự năm 1985 là một thành tựu vượt bậc của hoạt động lập pháp hình sự nói riêng và hoạt động lập pháp nói chung ở Việt Nam. Sau thực tế gần 15 năm thi hành, chúng ta có đầy đủ căn cứ để khẳng định rằng, Bộ luật hình sự năm 1985 đã đóng vai trò đặc biệt tích cực trong công cuộc đấu tranh quyết liệt phòng ngừa và chống tội phạm ở nước ta trong suốt thời kỳ lịch sử lâu dài xây dựng và bảo vệ tổ quốc theo con đường xã hội chủ nghĩa, xây dựng và bảo vệ chính quyền nhân dân, đấu tranh chống các thế lực thù địch trong và ngoài nước. Tuy nhiên, vào thời điểm Bộ luật hình sự năm 1985 ra đời đất nước ta mới trong giai đoạn đầu phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần có sự định hướng xã hội chủ nghĩa nên nhiều tội danh vẫn còn gắn liền với nền kinh tế bao cấp, hơn mười năm sau nó đã không còn cơ sở để tồn tại.

Đứng trước tình hình kinh tế, xã hội phát triển, xuất hiện thêm nhiều hành vi nguy hiểm cho xã hội mà trước đây nhận thức của các nhà làm luật chưa dự đoán hết được. Cộng với sự hòa nhập của Việt Nam với quốc tế đặt ra những yêu cầu bức thiết cần phải ban hành một Bộ luật hình sự mới sao cho đáp ứng được các yêu cầu trong chính sách phòng và chống tội phạm của Nhà nước ta, góp phần đảm bảo kỷ cương phép nước, trật tự an toàn xã hội, xây dựng đời sống người dân ấm no, hạnh phúc.

Tại lần pháp điển hóa lần thứ hai này, Bộ luật hình sự năm 1999, ngoài việc kế thừa tinh thần của Bộ luật hình sự năm 1985 về trường hợp phạm tội vì động cơ đê hèn, giữ nguyên tình tiết phạm tội vì động cơ đê hèn là một trong những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại điểm đ khoản 1

Điều 48 ở Phần chung của Bộ luật hình sự và là tình tiết định khung trong Tội giết người quy định tại điểm q Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999. Thêm vào đó, do tình hình tội phạm gia tăng và các hành vi phạm tội thể hiện những động cơ mang tính chất bội bạc, phản trắc, ích kỷ cao ngày càng nhiều nên ở lần pháp điển hóa lần thứ hai này Bộ luật hình sự đã quy định thêm tình tiết phạm tội vì động cơ đê hèn tại hai điều luật nữa là điểm c Điều 120 về Tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em; điểm c Điều 200 về Tội cưỡng bức, lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy.

Phạm tội vì động cơ đê hèn với tính chất là một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định trong Bộ luật hình sự đó là tình tiết mà với sự xuất hiện của nó sẽ làm tăng nặng mức độ trách nhiệm hình sự của người phạm tội trong phạm vi một khung hình phạt nhất định so với các trường hợp phạm tội thông thường.

Phạm tội vì động cơ đê hèn với tính chất là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt được quy định trong Bộ luật hình sự đó là tình tiết mà sự xuất hiện của nó sẽ làm cho người phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự ở một khung hình phạt cao hơn so với khung hình phạt mà đáng lẽ người phạm tội phải chịu trong trường hợp thông thường. Ví dụ: A phạm tội mua bán đánh tráo trẻ em mà không có tình tiết định khung tăng nặng nào thì A chỉ phải chịu mức hình phạt từ ba năm tới mười năm tù. Nhưng nếu phạm tội mua bán, đánh tráo trẻ em vì động cơ đê hèn thì A sẽ phải chịu mức án từ mười năm đến hai mươi năm hoặc chung thân.

Bộ luật hình sự năm 1999 không quy định một tội phạm nào mà có tình tiết phạm tội vì động cơ đê hèn là tình tiết định tội mà chỉ quy định nó là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự ở điểm đ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự và là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt ở 03 cấu thành tội phạm.

Tình tiết là dấu hiệu định khung hình phạt thực chất là dấu hiệu cấu thành tội phạm, nhưng nó là dấu hiệu của các cấu thành tội phạm khác nhau.

Khoa học luật hình sự cũng như thực tiễn xét xử đã phân định thành ba loại cấu thành tội phạm, bao gồm: Cấu thành tội phạm cơ bản, cấu thành tội phạm tăng nặng và cấu thành tội phạm giảm nhẹ. Cấu thành tội phạm cơ bản là cấu thành tội phạm không có các tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Cấu thành tội phạm tăng nặng là cấu thành có một hoặc một số tình tiết khác ngoài những tình tiết là dấu hiệu của cấu thành cơ bản và những tình tiết này làm cho tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cao hơn so với trường hợp không có tình tiết hoặc một số tình tiết đó.

Ví dụ: A phạm tội thuộc khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự là Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, đây là cấu thành tội phạm cơ bản có mức hình phạt là cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm và là tội ít nghiêm trọng. Nhưng nếu A phạm tội vì lợi dụng chức vụ quyền hạn thì thuộc điểm b khoản 2 điều 140 mức hình phạt cho khung này là từ hai năm đến bảy năm và là tội nghiêm trọng.

Sự ra đời của Bộ luật hình sự năm 1999 thay thế cho Bộ luật hình sự năm 1985 là một tất yếu khách quan. Do tình hình kinh tế, xã hội nước ta vào cuối thập niên 90 của thế kỷ XX đã có chuyển biến tốt hơn thời kỳ thực hiện Bộ luật hình sự năm 1985 và do yêu cầu của công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm trong tình hình mới, ngày 22 tháng 12 năm 1999, Quốc hội thông qua Bộ luật hình sự năm 1999. Trong Bộ luật hình sự năm 1999 có quy định tình tiết phạm tội vì động cơ đê hèn là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và quy định khác với Bộ luật hình sự năm 1985 ở một số điểm sau:

* Tình tiết phạm tội vì động cơ đê hèn là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định ở Phần chung của Bộ luật hình sự. Việc quy định tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự này trong Bộ luật hình sự năm 1999 để mở rộng phạm vi áp dụng vào việc đấu tranh phòng và chống tội phạm. Trường hợp người có hành vi phạm tội lại có đủ căn cứ pháp luật để xác định là hành vi phạm tội của họ là vì động cơ đê hèn nhưng trong điều

luật mà người phạm tội đã phạm phải không quy định có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội vì động cơ đê hèn thì Tòa án căn cứ vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự là phạm tội vì động cơ đê hèn để áp dụng với người phạm tội khi quyết định hình phạt.

* Tình tiết phạm tội vì động cơ đê hèn là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định ở Phần các tội phạm của Bộ luật hình sự có sự thay đổi: Ví dụ: Tại Điều 120 của Bộ luật hình sự hiện hành (Tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em) có quy định tình tiết định khung tăng nặng là phạm tội vì động cơ đê hèn, nhưng Tội bắt trộm, mua bán hoặc đánh tráo trẻ em trong Điều 149 của Bộ luật hình sự năm 1985 lại không quy định phạm tội vì động cơ đê hèn là tình tiết định khung tăng nặng. Hoặc tại Điều 200 Bộ luật hình sự hiện hành về Tội cưỡng bức, lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy có quy định tình tiết định khung tăng nặng là vì động cơ đê hèn. Trong Bộ luật hình sự năm 1985 thì không có tội này. Bộ luật hình sự hiện hành quy định tình tiết phạm tội vì động cơ đê hèn trong 03 điều luật, còn Bộ luật hình sự năm 1985 thì chỉ quy định phạm tội vì động cơ đê hèn trong duy nhất một tội đó là Tội giết người.

2.2. THỰC TIỄN ÁP DỤNG TÌNH TIẾT "PHẠM TỘI VÌ ĐỘNG CƠ ĐÊ HÈN"

2.2.1. Thực tiễn áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội vì động cơ đê hèn" theo Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999

Nếu như một số tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 được giải thích rõ ràng tại các văn bản mang tính pháp lý cao như: tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm, tái phạm nguy hiểm" điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, được quy định tại Điều 49 Bộ luật hình sự chỉ ra "1. Tái phạm là trường hợp đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý hoặc phạm tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do vô ý. 2. Những trường hợp sau đây được coi là tái phạm nguy

hiêm: Đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý; Đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý".

Hoặc những văn bản mang tính chất định hướng thống nhất trong công tác xét xử của ngành Tòa án như: Tình tiết "Phạm tội đối với trẻ em, người già, phụ nữ có thai" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự được giải thích thông qua Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006, hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 như sau:

2.1 Chỉ áp dụng tình tiết "phạm tội đối với trẻ em, phụ nữ có thai, người già" đối với những trường hợp phạm tội do lỗi cố ý, không phụ thuộc vào ý thức chủ quan của bị cáo có nhận biết được hay không nhận biết được người bị xâm hại là trẻ em, phụ nữ có thai, người già. 2.2. "Trẻ em" được xác định là người dưới 16 tuổi theo quy định tại Điều 1 của Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. 2.3. "Phụ nữ có thai" được xác định bằng các chứng cứ chứng minh là người phụ nữ đó đang mang thai, như: bị cáo và mọi người đều nhìn thấy được hoặc bị cáo nghe được, biết được từ các nguồn thông tin khác nhau về người phụ nữ đó đang mang thai. Trong trường hợp thực tế khó nhận biết được người phụ nữ đó đang có thai hay không hoặc giữa lời khai của bị cáo và người bị hại về việc này có mâu thuẫn với nhau thì để xác định người phụ nữ đó có thai hay không phải căn cứ vào kết luận của cơ quan chuyên môn y tế hoặc kết luận giám định. 2.4. "Người già" được xác định là người từ 70 tuổi trở lên [34].

Thêm nữa, như tình tiết "Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự cũng được giải thích tại Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 như sau:

5.1. Chỉ áp dụng tình tiết "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" khi có đầy đủ các điều kiện sau đây: a) Cố ý phạm tội từ năm lần trở lên về cùng một tội phạm không phân biệt đã bị truy cứu

trách nhiệm hình sự hay chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa được xóa án tích; b) Người phạm tội đều lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính [34].

Ví dụ: A là một người không nghề nghiệp, chuyên sống bằng nguồn thu nhập từ việc phạm tội. Trong một thời gian, A liên tiếp thực hiện năm vụ trộm cắp tài sản (tài sản chiếm đoạt được trong mỗi vụ có giá trị từ hai triệu đồng trở lên). Trong trường hợp này, A bị truy cứu trách nhiệm hình sự và phải bị áp dụng tình tiết định khung hình phạt "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp".

5.2. Khi áp dụng tình tiết "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp", cần phân biệt:

a) Đối với trường hợp phạm tội từ năm lần trở lên mà trong đó có lần phạm tội đã bị kết án, chưa được xóa án tích thì tùy từng trường hợp cụ thể mà người phạm tội có thể bị áp dụng cả ba tình tiết là "phạm tội nhiều lần", "tái phạm" (hoặc "tái phạm nguy hiểm") và "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" [34].

Ví dụ: B đã bị kết án về tội "trộm cắp tài sản", nhưng chưa chấp hành hình phạt hoặc sau khi chấp hành xong hình phạt, trong một thời gian, B lại liên tiếp thực hiện bốn vụ trộm cắp tài sản (tài sản chiếm đoạt được trong mỗi vụ có giá trị từ hai triệu đồng trở lên). Trong trường hợp này, B phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự và phải bị áp dụng ba tình tiết tăng nặng là "phạm tội nhiều lần", "tái phạm" (hoặc "tái phạm nguy hiểm") và "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp".

b) Đối với tội phạm mà trong điều luật có quy định tình tiết "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" là tình tiết định khung hình phạt thì không được áp dụng tình tiết đó là tình tiết tăng nặng tương ứng quy định tại Điều 48 của Bộ luật hình sự. Trường hợp điều luật không có quy định tình tiết này là tình tiết định khung hình phạt thì

phải áp dụng là tình tiết tăng nặng tương ứng quy định tại Điều 48 của Bộ luật hình sự [34].

Như vậy có thể thấy một số tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được ghi nhận tại các văn bản mang tính chất pháp lý cao, những giải thích mang tính chất hướng dẫn của Tòa án nhân dân Tối cao thông qua thực tiễn công tác xét xử đúc rút ra thành những chuẩn mực, những điều kiện để áp dụng các tình tiết đó vào vụ án tạo sự thống nhất trong hoạt động xét xử trong hệ thống toàn ngành Tòa án. Việc ghi nhận và giải thích các khái niệm về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự ở Điều 48 Bộ luật hình sự tạo cách hiểu nhất quán trong nhận thức của tất cả người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, các cơ quan, tổ chức, toàn thể nhân dân. Đồng thời Nghị quyết cũng chỉ rõ trường hợp nào thì được phép áp dụng tình tiết tăng nặng nào giúp tránh được việc áp dụng một cách tùy tiện tình tiết tăng nặng của các Thẩm phán.

Đối với một số tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được giải thích rõ ràng như đã nêu trên về khái niệm, điều kiện áp dụng... Việc áp dụng các tình tiết này trong thực tế khá dễ dàng và thống nhất. Xong, với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội vì động cơ đê hèn" được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, mặc dù không phải là một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự mới (tình tiết này được ghi nhận lần đầu tiên với tư cách là một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại điểm g Điều 39 Bộ luật hình sự năm 1985) nhưng qua việc tìm hiểu chúng tôi thấy không có một văn bản pháp lý nào kể cả Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn cách áp dụng tình tiết "phạm tội vì động cơ đê hèn" với tư cách là một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự mà chỉ thấy có những hướng dẫn áp dụng tình tiết này ở những cấu thành tội phạm cụ thể với vai trò là tình tiết tăng nặng định khung. Ví dụ về tình tiết phạm tội vì động cơ đê hèn trong Tội giết người đã chỉ rõ trong Bản chuyên đề tổng kết thực tiễn xét xử loại tội giết người ban hành kèm theo Công văn số 452-HS2 ngày 10/8/1970 và Nghị quyết số 04/HĐTP ngày 29 tháng 11 năm 1960, được coi

là giết người vì động cơ đê hèn trong những trường hợp sau: Giết vợ hoặc chồng để có thể lấy vợ hoặc chồng của người khác; giết người vì vụ lợi (giết người để cướp, giết người để được hưởng thừa kế của họ,...) giết người có tính bội bạc, phản trắc (giết người tình đã có thai với mình để trốn tránh trách nhiệm). Hay như trong tình tiết phạm tội vì động cơ đê hèn tại điểm c khoản 1 Điều 200 Bộ luật hình sự về Tội cưỡng bức, lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy được giải thích trong Thông tư liên tịch số 17/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 hướng dẫn một số quy định tại chương XVIII "Các tội phạm về ma túy" là vì động cơ trả thù hoặc vì các động cơ tư lợi, thấp hèn khác...

Việc không ghi nhận, giải thích rõ ràng của các cơ quan lập pháp, các cơ quan có thẩm quyền thực thi pháp luật về thế nào là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội vì động cơ đê hèn" tại điểm đ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự gây khó khăn cho việc áp dụng tình tiết này. Vì không có cách hiểu đúng đắn, thống nhất về tình tiết phạm tội vì động cơ đê hèn với tư cách là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên hầu như trên thực tế tình tiết này không được áp dụng để làm tình tiết tăng nặng trong các vụ án mà cấu thành tội phạm không quy định phạm tội vì động cơ đê hèn là tình tiết định khung tăng nặng. Qua tìm hiểu chúng tôi có thể nhận định rằng tình tiết phạm tội vì động cơ đê hèn chỉ được áp dụng là tình tiết định khung tăng nặng trong 03 cấu thành tội phạm tại phần các tội phạm Bộ luật hình sự, mà phổ biến nhất là trong Tội giết người.

Để thực hiện đúng vai trò của tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phân hóa tội phạm, phân biệt mức độ nguy hiểm về hành vi của người phạm tội. Đồng thời tạo cách hiểu thống nhất giữa tất cả các cơ quan pháp luật cùng toàn thể nhân dân, các nhà làm luật cần sớm có những văn bản giải thích chính thức thế nào là tình tiết phạm tội vì động cơ đê hèn, điều kiện để áp dụng tình tiết này như một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là trong trường hợp nào...Nếu không có sự giải thích mang tính chính thống thì việc

quy định tình tiết "phạm tội vì động cơ đê hèn" tại điểm đ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự là vô nghĩa bởi khi đã là tình tiết định khung thì không được áp dụng một lần nữa là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

2.2.2. Thực tiễn áp dụng tình tiết định khung "Phạm tội vì động cơ đê hèn" trong các tội danh thuộc phần các tội phạm của Bộ luật hình sự năm 1999

a. Phạm tội vì động cơ đê hèn trong Tội giết người (điểm q khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự)

Đây là trường hợp giết người mà tính chất của động cơ phạm tội làm mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi giết người tăng lên một cách đáng kể so với những trường hợp bình thường.

Thực tiễn xét xử đã cho thấy, giết người vì động cơ thấp hèn, xấu xa, ích kỷ là một loại tội phạm xảy ra mang tính chất phổ biến. Trong tội giết người, phạm tội vì động cơ đê hèn được quy định là tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự tại điểm q khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự. Dấu hiệu phạm tội vì động cơ đê hèn thuộc về phương diện *chủ quan*: là những tình tiết phản ánh quá trình hoạt động, diễn biến tâm lý bên trong của chủ thể thực hiện hành vi phạm tội (mặt chủ quan của tội phạm), đồng thời làm cho *hành vi* phạm tội cũng trở lên *nguy hiểm hơn* so với các trường hợp thông thường khác mà không có những tình tiết này.

Một số vụ án điển hình dưới đây sẽ giúp chúng ta sáng tỏ hơn về động cơ hèn nhát, ích kỷ, bội bạc, phản trắc cao của loại tội giết người vì động cơ đê hèn này.

Vụ án 1: Dư luận chắc vẫn chưa hết bàng hoàng bởi vụ án xảy ra vào ngày 06/11/2009 tại huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên. Cháu Nguyễn Nhật Minh mới 40 ngày tuổi đã bị người đàn bà tên là Đỗ Thị Kim Duân là vợ của bố cháu bé (cháu Minh là con không giá thú của chị Thanh với chồng chị Duân) đâm một chiếc kim khâu lớp dài 10cm xuyên qua thóp xuống tới cằm.

Sự việc được xác định như sau: chồng chị Duân là anh Lê Mạnh Hồng trong lúc đi làm thợ xây tại xã Cúc Đường, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên đã có quan hệ tình cảm với chị Nguyễn Thị Thanh. Chị Thanh chủ động "xin" anh Hồng một đứa con. Sau khi có thai, chị Thanh đã chủ động cắt đứt liên lạc với anh Hồng vì sợ ảnh hưởng tới hạnh phúc gia đình của anh. Về phía anh Hồng sau khi đã thú nhận với vợ về việc mình đã có quan hệ với chị Thanh và có một đứa con trai. Vợ Hồng tức giận, nhân lúc Hồng vắng nhà đã nhắn tin, đe dọa chị Thanh. Sáng ngày 06/11/2009 chị Duân rủ chị Nguyễn Thị Hương (là chị dâu) lên nhà chị Thanh. Thấy hai người phụ nữ niềm nở với con mình, chị Thanh không đề phòng gì mà đưa đứa trẻ cho chị Duân bế sau đó đi chợ. Bế đứa trẻ trong tay Duân nổi lòng ghen tuông đê tiện dẫn đến hành động cầm phập chiếc kim khâu lóp vào thóp đứa trẻ, rồi sau đó bỏ chạy. Nghe thấy tiếng khóc thét của con chị Thanh chạy vào thì thấy máu trên đầu con chảy ra chị vội đưa cháu đi bệnh viện. Rất may sau hơn một tiếng đồng hồ trải qua ca phẫu thuật các bác sĩ bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Nguyên đã cứu sống được tính mạng cháu Minh. Tuy nhiên những hậu quả do hành vi tàn ác mà chị Duân gây ra cho cháu Minh thì không thể thấy ngay trong ngày một ngày hai mà có thể nó còn ảnh hưởng đến cả cuộc đời của cháu sau này.

Sát hại một đứa trẻ vô tội mới có hơn một tháng tuổi bằng một hành vi rất dã man, tàn độc chỉ vì lòng ghen tuông của người phụ nữ đã giấy lên trong dư luận một làn sóng phẫn nộ. Dư luận cực lực phản đối hành vi phạm tội đê hèn của bị cáo và yêu cầu Tòa án nghiêm trị bị cáo để lấy đó làm bài học răn đe cho những người khác, đừng để thói ghen tuông, ích kỷ lấn át hết lý trí của mình mà coi thường tính mạng người khác, coi thường pháp luật.

Vụ án 2: Đặng Công K (sinh năm 1978, ngụ huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang). Trình độ văn hóa hết lớp bốn, đã có vợ và hai con tại huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Năm 2002 do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, K bỏ vào Biên Hòa để làm ăn, tại đây hắn đã gặp và sinh sống như vợ chồng với chị Phạm Thị N - một người phụ nữ hơn hắn nhiều tuổi, đã ly dị

chồng. Năm 2007, con gái chị N là cháu Phạm Thị H là con riêng của chị N vào chung sống cùng với mẹ. Trong quá trình chung sống thấy cháu H xinh xắn, dễ thương, lại thường xuyên đùa giỡn cùng mình, K đã rất muốn chiếm đoạt cháu H. Nhưng vì ở cùng nhà nên bà N luôn là rào cản không cho K thực hiện rắp tâm. K nung nấu trong đầu ý định sẽ chiếm đoạt bằng được cháu H nhưng trước tiên phải giết mẹ của cháu H thì mới có thể tự do quan hệ với cháu được.

Theo đó, trưa ngày 4/10/2008 K rủ chị N đi ăn chè, rồi đi ăn ốc, sau đó đưa chị tới bãi đất trống và gây sự với chị N, chị N tức giận bỏ đi, chờ cho chị đi đến chỗ khuất K bất ngờ lấy tay đập mạnh vào gáy vợ khiến chị này bất tỉnh ven đường. Tiếp đó, K lao đến bóp cổ chị N cho đến chết. Xong, K bế xác chị N giấu vào một bụi cây gần đó. Gây án xong K ung dung đi nạp tiền vào sim điện thoại của chị N, rồi nhắn tin vào sim của mình nội dung: "Em đi vào Vũng Tàu xin việc" nhằm đánh lừa cháu H.

Trở về phòng trọ, K kể cho H nghe về tin nhắn của chị N, rồi rủ cô bé đi Vũng Tàu tìm mẹ. Tin lời cha dựng, H đồng ý cùng hẳn đi Vũng Tàu. Hai ngày lưu lại thành phố biển, K nhiều lần đòi quan hệ tình dục với H, nhưng cô bé luôn từ chối.

Ngày hôm sau K chở H quay trở về Biên Hòa. Tại phòng trọ của mình, lợi dụng H mệt mỏi sau chuyến đi dài nên nằm ngủ thiếp đi, gã cha dựng đã biến thành con quỷ dữ, dùng sức mạnh của mình để chiếm đoạt thân xác cô bé. Quá hoảng loạn và đau đớn, H gọi điện cho anh họ của mình (sống tại tỉnh Long An) đến đón về. Sau khi thỏa mãn **đục vụng** thấp hèn, hẳn lẫn ra ngủ mà không thèm quan tâm đến cô bé tội nghiệp.

Ngay trong đêm, người anh họ đã đưa em gái đến Công an thành phố Biên Hòa tố cáo sự việc. Trong quá trình điều tra, K luôn quanh co chối tội nhưng với những bằng chứng không thể chối cãi, Công an tỉnh Đồng Nai đã buộc hẳn phải cúi đầu nhận tội. Vụ án được đưa ra xét xử ngày 9/7/2010, tại

phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án, đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đồng Nai cho rằng tại cơ quan điều tra K đã khai nhận trong quá trình sống chung thấy H vui vẻ, thân thiết nên tưởng nhầm H yêu mình. Từ đó hấn nẩy sinh ý định giết chị N để tự do giao cấu với cô bé. Chỉ vì thỏa mãn dục vọng đê hèn mà K đã gây ra cái chết tức tưởi, thương tâm cho người phụ nữ chịu thương, chịu khó từng má ấp môi kẻ trong suốt thời gian dài. Tội ác này đã gây đau thương mất mát không gì có thể bù đắp được cho gia đình nạn nhân. Mặt khác, lợi dụng sự ngây thơ, non nớt của cháu H để cướp đi cuộc đời trinh trắng của một cô gái mới lớn. Điều đó chứng tỏ bị cáo rất coi thường pháp luật, coi rẻ luân thường đạo lý. Với nhận định trên, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt K mức án tử hình về Tội giết người với tình tiết tăng nặng "phạm tội vì động cơ đê hèn", từ 7 đến 8 năm tù về Tội hiếp dâm trẻ em.

Vụ án 3. Do nợ nần người yêu một khoản tiền nhưng lại không có khả năng trả, đối tượng Vũ Tuấn Linh đã ra tay sát hại cô người yêu đã man trong nhà nghỉ nhằm quyt nợ.

Ngày 19.4.2011, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử sơ thẩm đối với 2 bị cáo Vũ Tuấn Linh (SN 1981) trú tại tổ 1, Cụm 2, thị xã Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc về Tội giết người và Tội cướp tài sản, bị cáo Phạm Thị Thủy (SN 1982) ở phường Bạch Đằng, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh về Tội che giấu tội phạm.

Bị cáo Vũ Tuấn Linh vốn làm nghề thầu xây dựng, dù đã xây dựng gia đình nhưng khi ra ngoài Linh vẫn quan hệ tình cảm với các cô gái khác. Trong thời gian nhận thi công công trình ở Quảng Ninh, Linh có quen và có quan hệ yêu đương với chị Nguyễn Thị Vân Chi (SN 1984) ở thôn Tân Mai, xã Đồng Mai, huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh. Linh có vay của chị Vân Chi 65 triệu đồng, sau đó Linh đã trả cho chị này được 30 triệu.

Do cần tiền nên chị Vân Chi yêu cầu Linh trả nốt số tiền còn lại. Sau nhiều lần bị chị Vân Chi điện thoại giục, Linh nói phải đi Hà Nội để vay tiền

trả. Thấy thế chị Vân Chi bảo phải đi cùng Linh để còn lấy tiền về. Khi lên Hà Nội, chị Vân Chi thuê một nhà nghỉ trên đường Nghi Tàm, quận Tây Hồ để ở chờ Linh đi vay tiền về trả. Trong khi đó Linh cũng điện thoại cho Phạm Thị Thủy (một cô bạn gái khác cũng ở Quảng Ninh) rủ về Hà Nội chơi. Khi Thủy lên Hà Nội, Linh đưa chị này vào thuê phòng đúng nhà nghỉ chị Vân Chi đang ở. Đối tượng Linh cũng đi hỏi vay tiền một số nơi nhưng không được.

Khoảng trưa ngày 18/12/2009 do bị chị Vân Chi gọi điện giục liên tục, Linh đã lên phòng nghỉ của chị này. Khi hai người gặp nhau, Linh trả lời không vay được tiền để trả. Chị Vân Chi đã mắng, chửi Linh. Trước tình cảnh đó kẻ ác nhân Vũ Tuấn Linh đã nảy ý định giết chị Vân Chi để không phải trả số tiền đang nợ, không bị chị này làm phiền nữa.

Linh đã lên sân thượng tìm hung khí để ra tay. Khi đối tượng quay vào phòng với chiếc gậy gỗ dài 50cm trong tay, Linh đã đập liên tiếp vào người, đầu chị Vân Chi. Hung thủ dùng tay bóp mồm nạn nhân, rồi rút con dao díp trong người đâm vào cổ đến khi nạn nhân tắt thở.

Sau khi gây án Linh lấy chiếc điện thoại di động và một số giấy tờ của chị Vân Chi. Trên đường cùng Phạm Thị Thủy về Quảng Ninh, Linh có nói chuyện vừa gây án cho Thủy biết. Tuy nhiên đối tượng Thủy vẫn không báo cho cơ quan điều tra biết, mà còn mua quần cho Linh để hung thủ thay quần dính máu đang mặc. Tiếp đến Thủy còn giúp Linh vứt 2 sim điện thoại của chị Vân Chi xuống sông, đốt các giấy tờ khác của nạn nhân. Sau ba ngày gây án cả Linh và Thủy bị công an phát hiện bắt giữ.

Sau khi xem xét toàn bộ nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu, hồ sơ đã được thẩm định, kết quả tranh luận tại tòa, Hội đồng xét xử đã nhận định: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, giết người côn đồ, vì động cơ đê hèn. Sau khi gây án bị cáo còn lấy chiếc điện thoại của nạn nhân, dù là với mục đích nhằm phi tang nhưng cũng là cướp đoạt tài sản. Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử đã tuyên phạt bị cáo Vũ Tuấn Linh tử hình về Tội

giết người, 3 năm tù về Tội cướp tài sản tổng hợp mức hình phạt chung là tử hình. Bị cáo Phạm Thị Thủy bị tuyên phạt 15 tháng 28 ngày tù, nhưng bị cáo này được tuyên trả tự do tại tòa do đã chấp hành xong hình phạt. Ngoài ra bị cáo Linh còn phải bồi thường thiệt hại về vật chất cho gia đình bị hại theo quy định của pháp luật.

Qua việc dẫn chứng những vụ án liên quan đến hành vi phạm tội giết người vì động cơ đê hèn trên, chúng tôi có chung một nhận xét, hành vi phạm tội vì động cơ đê hèn thường mang tính chất, mức độ nguy hiểm rất cao. Các bị cáo nảy sinh hành động phạm tội chỉ vì những mục đích nhỏ nhất như để trả thù tình, để thỏa mãn dục vọng hay đơn giản chỉ là để trốn tránh trách nhiệm trả nợ người đã giúp đỡ bị cáo trong lúc khó khăn... Điều này cũng cho thấy một thực trạng đáng báo động về sự suy đồi đạo đức, nhân cách trong một bộ phận người dân nước ta.

Mặc dù tình tiết giết người vì động cơ đê hèn đã được Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn trong Bản chuyên đề tổng kết thực tiễn xét xử loại tội giết người ban hành kèm theo Công văn số 452-HS2 ngày 10-8-1970, nhưng do hướng dẫn chưa đầy đủ nên cho đến nay vẫn còn một số tồn tại như lẽ ra phải áp dụng tình tiết định khung tăng nặng "giết người vì động cơ đê hèn" thì lại không áp dụng hoặc ngược lại. Những vụ án sau đây sẽ minh chứng cho nhận định này:

Vụ án 4: Tháng 3 năm 1999, Phạm Văn Hết lấy chị Lê Thị Kim Hoàng và chung sống tại tổ 7, ấp Vĩnh Hanh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Khoảng 19 giờ ngày 23/4/2000, Hết xin tiền chị Hoàng để đi xem cúng đình. Chị Hoàng câu gắt bảo "Tiền trong túi lấy hết mà xài đi" Hết giận nên bỏ đi. Khoảng 21 giờ cùng ngày, Hết về nhà và vào màn nằm kế bên chị Hoàng, định quan hệ sinh lý với chị nhưng chị Hoàng xua đuổi. Hết càng tức giận hơn nên nảy sinh ý định giết chị Hoàng. Lợi dụng lúc chị Hoàng đang ngủ, Hết đưa vòng sợi dây ni-lông dài 1,5m, đường kính 0,4 cm vào cổ chị Hoàng và dùng tay siết chặt cổ chị. Thấy chị Hoàng vùng vẫy Hết lấy chân đè

lên người, tay phải bịt miệng, tay trái tiếp tục xiết cổ chị cho đến khi chị Hoàng bất tỉnh và chết do ngạt cơ học. Vì hành vi phạm tội như trên, Hết đã bị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xử phạt hai mươi năm tù giam về tội giết người với tình tiết định khung tăng nặng là "giết người vì động cơ đê hèn". Tuy nhiên theo Cáo trạng số: 236/KSĐT-TA ngày 03/10/2000 thì Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đã không đề nghị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng này. (Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, 2000, bản án hình sự sơ thẩm số 277/HSST ngày 17/11/2000)

Vụ án 5. Khoảng 12 giờ ngày 18/7/1999, anh Triệu Đình Khánh (44 tuổi) đi xe máy Honda 80-90 phân khối, biển kiểm soát số 29F7-5702 giá trị 22.000.000 đồng đến nhà Nguyễn Văn Trự (30 tuổi) ở thôn Yên Sào, xã Xuân Giang, huyện Sóc Sơn để đòi 30.000.000 đồng mà Trự đã vay của anh từ tháng 7 năm 1998. Trự nói là không có tiền nên sẽ gán nợ bằng 60kg thóc. Anh Khánh đồng ý, Trự dẫn anh Khánh lên nhà để lấy thóc. Lợi dụng lúc anh Khánh đang mải xem thóc, Trự đã dùng chân đá vào sườn, dùng đòn gánh vụt vào gáy, và dùng giấy chun thít cổ anh Khánh cho đến chết. Trong vụ án này, hành vi giết người mà bị cáo Trự thực hiện thuộc trường hợp giết chủ nợ để trốn nợ. Tuy nhiên khi xử phạt bị cáo Trự về Tội giết người Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã không áp dụng tình tiết định khung tăng nặng này. (Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, 2000, bản án hình sự sơ thẩm số 149/HSST ngày 27/01/2000).

b. Phạm tội vì động cơ đê hèn trong tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em (điểm c khoản 2 Điều 120 Bộ luật hình sự năm 1999)

"Trẻ em, do chưa trưởng thành về tinh thần và thể lực cần được bảo vệ và chăm sóc đặc biệt, kể cả sự bảo vệ thích hợp về mặt pháp lý trước cũng như sau khi ra đời" [35].

Công ước quốc tế về quyền trẻ em, tại Điều 1 quy định: "trẻ em là mọi người dưới 18 tuổi"

Theo Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em của Việt Nam, tại Điều 1 quy định: "Trẻ em quy định trong luật này là công dân dưới mười sáu tuổi".

Đảng và Nhà nước ta luôn có những chính sách quan tâm, ưu tiên đối với trẻ em - thế hệ cần được xã hội bảo vệ và đối xử một cách đặc biệt. Nhưng hiện nay, thực trạng phạm tội đối với trẻ em vẫn xảy ra ngày càng nhiều như các vấn đề xâm phạm tình dục trẻ em, vấn đề liên quan đến tệ nạn xã hội và đặc biệt phải kể đến đó là hành vi mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em. Hành vi mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em xâm phạm trực tiếp đến quyền tự do, quyền nhân thân của đứa trẻ. Người phạm tội coi trẻ em là món hàng hóa để mua đi, bán lại, việc mua bán trẻ em có thể được dùng vào việc nuôi dưỡng, nhưng cũng có những trường hợp để lấy nội tạng, hay những mục đích tàn độc khác. Hành vi phạm tội đối với trẻ em là một hành vi xấu xa đáng bị lên án và bị pháp luật trừng trị thích đáng. Người phạm tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em vì mục đích kiếm lời đã là xấu xa, thấp hèn nhưng cũng có những trường hợp vì những động cơ cá nhân như trả thù vật, hoặc để thỏa mãn lòng đố kị, ghen tuông mà người phạm tội đã thực hiện những hành vi gây nguy hiểm đến sức khỏe, tính mạng của trẻ em và làm cho gia đình người mà người phạm tội trả thù lâm vào tình trạng lo lắng, khủng hoảng về tinh thần.

Vụ án 6: Chiều 1/4/2011, chị L.T.H, 38 tuổi, trú tại Lê Đức Thọ, phường 17, quận Gò Vấp, vẫn chưa hết bàng hoàng về việc con chị, cháu Nguyễn Xuân N, 5 tuổi bị bắt cóc tối ngày 28/3. Cũng như mọi ngày cháu N thường qua nhà hàng xóm chơi, nhưng đến 20h không thấy về khiến cả nhà lo lắng. Sau khi trình báo Công an sở tại, vợ chồng chị H tiếp tục tìm kiếm mà tâm tâm luôn cầu mong con mình không bị ai đó bắt cóc tống tiền. Không lâu sau, vợ chồng chị nhận được điện thoại từ Công an phường 17, thông báo cháu N đang ở Công an phường Tam Bình, quận Thủ Đức.

Ngay sau đó mẹ con bà P.T.C 47 tuổi, ở Lê Đức Thọ, phường 17, quận Gò Vấp và Phạm Hữu T, 21 tuổi, được mời lên công an phường làm

việc. Tại đây, bà C khai nhận sở dĩ cùng người con trai thực hiện hành vi "chiếm đoạt trẻ em" vì tức giận chị H trong việc làm ăn nên bắt cháu N để trả thù, bà C đã sai con trai của mình là anh T dùng xe máy chở cháu N lên bỏ tại bãi đất trống ở phường Tam Bình, quận Thủ Đức. Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, bắt tạm giam đối với P.T.C, Phạm Hữu T về hành vi "Mua bán, đánh tráo và chiếm đoạt trẻ em" vì động cơ đê hèn.

Vụ án 7: Vào khoảng 16h ngày 15/12/2010, Công an huyện Tiên Lữ (tỉnh Hưng Yên) nhận được tin báo của gia đình của chị Nguyễn Thị G (sinh năm 1967, ngụ xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ) về việc con gái chị là Nguyễn Thị H (sinh năm 2004, học lớp 1C Trường tiểu học Cương Chính) đi học từ sáng 14/12 chưa về.

Theo trình báo của gia đình nạn nhân, sáng hôm đó cháu H vẫn đi học bình thường. Đã quá trưa vẫn chưa thấy con gái về nên chị mới hốt hoảng đi tìm. Cô giáo và các bạn của H cho biết, sáng cùng ngày cháu bé không đi học.

Sau khi nhận được tin báo, các chiến sĩ công an đã vào cuộc điều tra, bằng các biện pháp nghiệp vụ và sự suy đoán logic, công an huyện Tiên Lữ đã sàng lọc và tìm ra đối tượng nghi vấn là Nguyễn Văn Đ (sinh năm 1988, ngụ thôn Chè, xã Ngọc Thiện, huyện Tân Yên, Bắc Giang). Thông tin ban đầu gia đình nạn nhân cung cấp, Đ cũng chính là bạn trai cũ của chị gái của H. Trước đây hai người có thời gian yêu nhau nhưng vì nảy sinh mâu thuẫn nên cô gái đã chia tay Đ.

Sau khi đưa cháu bé đi, đối tượng Đ có gọi điện cho chị gái H nói rằng Đ đang giữ H, yêu cầu chị gái nạn nhân phải về quê của Đ ở Bắc Giang và thực hiện các yêu cầu của Đ gồm: gấp gở, nối lại quan hệ và phải cưới Đ thì anh ta sẽ thả H về, nếu không sẽ đưa cháu H đi, không để gia đình gấp lại. Trong khoảng thời gian từ 7h ngày 15/12, Đ đã đưa cháu H đi nhiều nơi ở Hà Nội, Bắc Giang.

Sáng ngày 15/12, Đ gọi điện thoại nói đã đưa H về Hưng Yên, yêu cầu bạn gái cũ phải đến gặp mình ở một khách sạn sau đó sẽ cho H về nhà. Đến 23h30 cùng ngày, công an phát hiện và bắt giữ khi Đ đang ở nhà nghỉ Đại Lợi (xã Phạm Ngũ Lão, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên). Theo lời khai ban đầu Đ khai nhận: trước đây chị gái nạn nhân và Đ có đi làm ăn với nhau ở Quảng Ninh, rồi lên Hà Nội làm phụ hồ. Sau đó, bạn gái cho rằng Đ có quan hệ với một cô gái khác nên đã chia tay. Vì không yêu được cô chị nên Đ nảy sinh ý nghĩ chiếm đoạt cô em để uy hiếp bạn gái cũ. Đối tượng Nguyễn Văn Đ đã bị cơ quan Công an khởi tố bị can theo điểm c khoản 1 Điều 120 Bộ luật hình sự về tội danh chiếm đoạt trẻ em.

Theo những vụ án đã dẫn chứng trên chúng ta thấy đối tượng mà người phạm tội hướng tới để trả thù, thỏa mãn những mục đích thấp hèn không phải là trẻ em mà thường là cha mẹ hoặc những người liên quan tới nạn nhân. Việc dùng trẻ em - một đối tượng yếu thế, non nớt về tinh thần, thể chất làm công cụ trả thù của những kẻ phạm tội là không thể bao dung, tha thứ và cần phải trừng trị thích đáng. Trong một số trường hợp, người phạm tội thực hiện tội phạm mà không hề hay biết hành vi của mình là phạm tội và phải chịu sự trừng phạt của pháp luật, sự thiếu hiểu biết về pháp luật cộng với lối suy nghĩ giản đơn làm thế nào để thỏa mãn cơn tức tối, làm thế nào để trả thù những người lớn, người đã gây ra đau khổ, bức tức cho mình đã khiến cho người phạm tội tước đoạt quyền được chăm sóc được bảo vệ của trẻ em, gây nguy hại đến sức khỏe của trẻ em.

c. Phạm tội vì động cơ đê hèn trong tội cưỡng bức, lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy (điểm c khoản 2 Điều 200 Bộ luật hình sự).

Tội phạm về ma túy hiện nay đang là một vấn nạn của xã hội, sự gia tăng của tội phạm về ma túy kéo theo những diễn biến phức tạp khác về hoạt động của các loại tội phạm, ảnh hưởng chung đến tình hình trật tự xã hội. Ma túy là một món hàng siêu lợi nhuận và có khả năng lôi kéo người sử dụng rất

cao mà bất cứ kẻ nào đã dính đến nó đều khó có thể từ bỏ. Bọn tội phạm về ma túy tìm mọi cách để có thể phát tán, nhân rộng số người dùng ma túy bằng các thủ đoạn hết sức tinh vi như: lôi kéo, dụ dỗ, rủ rê... không được thì chúng cưỡng bức người khác sử dụng ma túy trái với ý muốn của họ bằng việc đe dọa gây đau đớn về thể xác cho chính người đó hoặc cho gia đình, người thân của người đó, buộc người đó phải miễn cưỡng sử dụng ma túy. Các hành vi lôi kéo, dụ dỗ người khác sử dụng chất ma túy thường diễn ra với những đối tượng ham chơi, đua đòi, thất nghiệp, những đối tượng dễ bị nhiễm bởi lối sống hưởng thụ là những hành vi đáng lên án. Nhưng đáng lên án hơn và mức độ nguy hiểm hơn phải kể đến đó là những trường hợp người phạm tội lôi kéo, cưỡng bức người khác sử dụng trái phép chất ma túy chỉ vì những động cơ, mục đích đê hèn, ích kỷ như ép bạn gái sử dụng ma túy để bạn gái không thể rời xa mình được, ép vợ sử dụng ma túy để vợ không bỏ mình, cho ma túy vào nước uống của trẻ nhỏ để trả thù cha mẹ chúng... Trên thực tế những hành vi phạm tội nguy hiểm này đã và đang diễn ra rất nhiều trong cuộc sống, một số hành vi phạm tội đã bị phát hiện và xử lý bằng những hình phạt nghiêm khắc của luật hình sự. Để có một cách hiểu thống nhất trên cả nước về giải quyết các vụ án liên quan đến việc lôi kéo, cưỡng bức người khác sử dụng ma túy trái pháp luật vì động cơ đê hèn Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân Tối cao và Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư liên tịch số: 17/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP, ngày 24/12/2007 hướng dẫn một số quy định tại chương XVIII "Các tội phạm về ma túy", tại điểm a Điều 9.3 Mục II phần các tội phạm cụ thể quy định về động cơ đê hèn là vì động cơ trả thù hoặc vì các động cơ tư lợi, thấp hèn khác.

Có thể hiểu về động cơ đê hèn ở tội cưỡng bức, lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy thể hiện như: để đạt được mục đích trả thù hoặc để khống chế nạn nhân và gia đình, người thân của nạn nhân phục vụ cho mưu đồ xấu xa của người phạm tội. Trong thực tế là bọn bán lẻ ma túy khuyến khích các con nghiện lôi kéo được người khác sử dụng ma túy nhất là những

người mà gia đình có điều kiện kinh tế. Các con nghiện không có tiền nên ra sức lôi kéo người khác sử dụng chất ma túy để được sử dụng miễn phí ma túy. Đây là một chiêu bài phát huy hiệu quả cao của bọn buôn bán ma túy.

Vụ án 8: Chị C.A.T (22 tuổi ngụ tại quận 6, thành phố Hồ Chí Minh) cùng anh N.H.V (33 tuổi, ngụ xã Phong Phú, huyện Bình Chánh) quyết tâm kết hôn với nhau mặc cho gia đình phản đối. Sau 04 tháng chị T phát hiện ra việc anh V thường xuyên vào nhà vệ sinh và mang theo một bao thuốc lá cùng gói giấy bạc. Gặng hỏi mãi cuối cùng anh V nhận là mình đã nghiện ma túy. Chị T hết sức khuyên răn nhưng anh V không chịu từ bỏ. Chị T bỏ về nhà mẹ đẻ, để lại anh V một mình, anh V nghĩ chị đã có người tình nên ruồng bỏ mình. Đêm ngày 15/8/2010, V năn nỉ chị T về nhà và đã ép chị dùng ma túy với mục đích để trả thù việc chị T đã bỏ rơi mình và để chị T sẽ khai thật người tình của chị là ai. Biết chuyện bố chị T can ngăn không được vì V cho rằng đó là chuyện riêng của gia đình V. Trước sự mạnh mẽ của người chồng chị T đã phải dùng ma túy. Xong, V cho rằng nếu hút như chị T thì thuốc sẽ không ngấm vào người được nên chuyển sang chích thẳng vào mạch máu của chị để thuốc có thể ngấm vào người nhanh hơn. Van xin mãi không được, V đã ép chị T phải đưa tay ra để V chích ma túy.

Vụ án 9: A yêu B, nhưng không được B đáp lại tình cảm của A, trong khi đó B lại yêu anh C cùng cơ quan với B. Do không yêu được chị B nên A tìm cách trả thù chị B. Ngày 14/4/2010, A mời chị B đi uống nước. Khi đến nhà hàng do đã thỏa thuận từ trước với D là một tên có nhiều tiền án, tiền sự nên trong lúc A và B đang ngồi uống nước thì D đến bàn của hai người ngồi. D rút dao găm dấu trong người ra và nói "chúng mày có tiền không thì đưa đây cho tao không tao xin tí tiết". Vì không mang theo tiền nên chị B hỏi anh A có tiền đưa cho D nhưng A trả lời là không có, D liền đưa ra một gói bột trắng và nói không có tiền thì phải uống hết một gói bột này, biết là heroin nhưng vì quá sợ hãi nên chị B đã phải uống hết chỗ bột heroin đó. Sau đó B bị sốc và phải nhập viện.

Trên thực tế hành vi cưỡng bức, lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy xảy ra khá nhiều, nhưng để thống kê số vụ xét xử mà các Tòa đã tiến hành thì số lượng vụ việc lại tỉ lệ nghịch với thực tế, có rất ít vụ việc xét xử người phạm tội cưỡng bức, lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy vì động cơ đê hèn. Sở dĩ xảy ra tình trạng này là vì các quy định của pháp luật hình sự về phạm tội vì động cơ đê hèn chưa được quy định cụ thể, rõ ràng nên gây khó khăn cho việc áp dụng pháp luật. Hơn thế nữa cũng do tâm lý của nạn nhân ngại đụng chạm đến pháp luật, thiếu hiểu biết pháp luật nên không biết về những hành vi đó có bị coi là tội phạm hay không.

Trong 03 cấu thành tội phạm mà Bộ luật hình sự ghi nhận có tình tiết định khung tăng nặng "phạm tội vì động cơ đê hèn" như đã nêu trên, tình tiết này chỉ được áp dụng vào các vụ án về Tội giết người là phổ biến hơn cả. Bởi lẽ, mặc dù chưa được ghi nhận một cách cụ thể, rõ ràng trong các văn bản mang tính chất pháp lý nhưng thực tiễn xét xử đã chỉ ra những trường hợp nào là trường hợp giết người vì động cơ đê hèn thông qua bản tổng kết chuyên đề về công tác xét xử của Tòa án nhân dân Tối cao kèm theo Công văn số 452/HS2. Còn đối với Tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em (Điều 120 Bộ luật hình sự), Tội cưỡng ép, lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 200 Bộ luật hình sự) mà người phạm tội thực hiện tội phạm vì động cơ đê hèn thì mọi hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền đều mang tính chất chung chung, thiếu tính xác thực gây khó khăn cho các cơ quan bảo vệ pháp luật trong việc nhận định đúng tình tiết này. Do đó, không mang lại hiệu quả áp dụng cao.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Sau khi nghiên cứu về các văn bản quy định về hành vi "phạm tội vì động cơ đê hèn" từ Sau cách mạng tháng Tám đến nay, chúng ta có thể đưa ra những kết luận như sau:

Các văn bản hướng dẫn về tình tiết "phạm tội vì động cơ đê hèn" đã được quy định trong pháp luật hình sự Việt Nam kể từ khi chưa được pháp

diễn hóa như: Bản chuyên đề về tổng kết công tác xét xử của Tòa án nhân dân tối cao về Tội giết người ban hành kèm theo Công văn 452/HS2 ngày 10/8/1970 của Tòa án nhân dân Tối cao... Điều này cho thấy loại tội phạm này ra đời rất sớm trong tình hình đất nước mới giành được độc lập và thuộc loại tội phạm đặc biệt nguy hiểm cho xã hội. Vì thế, Nhà nước ta đã phải ban hành các văn bản hướng dẫn để kịp thời xử lý loại tội phạm này nhằm đảm bảo pháp chế, trật tự kỷ cương, an toàn xã hội, bảo vệ tính mạng, sức khỏe của người dân.

Mặc dù đã được hướng dẫn trong bản chuyên đề của Tòa án tối cao nhưng thế nào là phạm tội vì động cơ đê hèn, đặc điểm và các điều kiện nhận biết thế nào là động cơ đê hèn thì vẫn chưa được các nhà lập pháp quy định rõ trong Bộ luật hình sự - văn bản mang tính chất pháp lý cao, mà chỉ được hướng dẫn lẻ tẻ tại một số văn bản dưới luật ví như: Nghị quyết số 04/HĐTP-NQ ngày 29/11/1986 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần các tội phạm, Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP, ngày 24/12/2007 hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XVIII "Các tội phạm về ma túy" của Bộ luật hình sự năm 1999. Các văn bản chủ yếu là hướng dẫn chi tiết đối với từng loại tội phạm cụ thể như: Phạm tội vì động cơ đê hèn trong Tội giết người hay trong Tội lôi kéo, cưỡng bức người khác sử dụng trái phép chất ma túy mà không có bất kỳ một văn bản nào hướng dẫn việc áp dụng tình tiết "phạm tội vì động cơ đê hèn" - với tư cách là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại phần Chung Điều 39 Bộ luật hình sự năm 1985, điểm d khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999. Điều này gây khó khăn cho việc áp dụng và vô hình chung chỉ trong những trường hợp phạm tội cụ thể như quy định đã được Nghị quyết, Thông tư hướng dẫn thì mới có thể áp dụng tình tiết "phạm tội vì động cơ đê hèn", còn ngoài ra hầu như không có trường hợp nào không phạm một tội cụ thể như đã định mà phải chịu tình tiết tăng nặng "phạm tội vì động cơ đê hèn".

Mặt khác, đây là tình tiết tương đối khó nhận thức, hiện nay xung quanh vấn đề này có nhiều quan điểm khác nhau, muốn đánh giá một trường hợp nào đó có phải là phạm tội vì động cơ đê hèn hay không ngoài việc xác định toàn diện tình tiết của vụ án, xác định tội danh, còn cần phải xem xét rõ ràng động cơ, mục đích của người phạm tội là gì. Đặc biệt trong những trường hợp phạm tội vì động cơ đê hèn thì yếu tố động cơ, mục đích thực hiện tội phạm cần phải xác định thận trọng. Chính bởi sự quy định không rõ ràng trong luật thực định, cùng với những giải thích không thống nhất, không mang tính bao quát cao mà chỉ mang tính chất vụ việc cụ thể đã làm cho hiệu quả của công tác đấu tranh phòng chống loại tội phạm này đạt hiệu quả không cao trên thực tế, chưa đủ sức trấn áp, răn đe, giáo dục người bị kết án nói riêng cũng như người dân nói chung.

Chương 3

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG TÌNH TIẾT "PHẠM TỘI VÌ ĐỘNG CƠ ĐÊ HÈN" TRONG THỰC TIỄN

3.1. KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TÌNH TIẾT "PHẠM TỘI VÌ ĐỘNG CƠ ĐÊ HÈN"

3.1.1. Phần chung

Kể từ khi Bộ luật hình sự được pháp điển hóa cho đến nay đã qua 26 năm với hai lần pháp điển hóa và năm lần sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự, nhưng thế nào là động cơ đê hèn thì vẫn chưa được điều chỉnh bằng một quy phạm riêng biệt nào trong Phần chung của Bộ luật hình sự. Qua thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm những năm qua, cũng như thực tiễn xét xử tại Tòa án cho thấy nếu không có sự quy định cụ thể, rõ ràng, dứt khoát định nghĩa pháp lý về phạm tội vì động cơ đê hèn - với tính chất là sự giải thích chính thức về mặt lập pháp của nhà làm luật, thì các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử sẽ khó đạt được sự thống nhất và đồng bộ trong việc nhận thức khoa học và áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về dạng phạm tội vì động cơ đê hèn.

Việc ghi nhận khái niệm, dấu hiệu đặc trưng cơ bản, điển hình và riêng biệt về hành vi "phạm tội vì động cơ đê hèn" trong Bộ luật hình sự - với tính chất là sự giải thích chính thức về mặt lập pháp theo chúng tôi sẽ thể hiện rõ được tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội vì động cơ đê hèn so với các hành vi phạm tội khác. Mặt khác, việc ghi nhận khái niệm "phạm tội vì động cơ đê hèn" đảm bảo tính kế thừa trong pháp luật hình sự của nước ta đồng thời giúp chúng ta hiểu đúng về bản chất pháp lý riêng của phạm tội vì động cơ đê hèn.

Hành vi "phạm tội vì động cơ đê hèn" không chỉ xảy ra đối với các tội phạm là người đã thành niên mà hiện nay xu hướng "trẻ hóa tội phạm" diễn ra trong giới thanh thiếu niên là một điều đáng lo ngại của xã hội. Tỷ lệ người chưa thành niên phạm tội gia tăng nhanh do ảnh hưởng của nhiều yếu tố: môi trường sống, sự phát triển nhanh, mạnh của internet, phim ảnh bạo lực, sự gia tăng khó kiểm soát nổi của các tệ nạn xã hội như ma túy, mại dâm,... đã khiến số người chưa thành niên phạm tội hàng năm đều có xu hướng tăng lên. Nước ta luôn quan tâm tới người chưa thành niên trong mọi lĩnh vực từ giáo dục, văn hóa, y tế,... coi lớp người chưa thành niên là một thế hệ tương lai của đất nước cần được chăm sóc, dạy bảo để thế hệ tương lai có thể đảm nhiệm trọng trách là chủ nhân của nước nhà góp phần đưa đất nước tiến lên sánh vai với các cường quốc năm châu trên thế giới. Không chỉ chăm sóc người chưa thành niên về mọi mặt, Nhà nước ta còn có những chính sách riêng biệt đối với người chưa thành niên khi họ vi phạm, mắc những tội lỗi, sai lầm. Song quan điểm của Đảng và Nhà nước ta luôn là "giơ cao đánh khẽ" với những đối tượng là người chưa thành niên phạm tội. Điều này được thể hiện rõ nét qua chính sách hình sự của Nhà nước ta đối với người chưa thành niên phạm tội. Bộ luật hình sự hiện hành quy định một chương riêng biệt là Chương X - Những quy định về người chưa thành niên phạm tội. Chương X thể hiện rõ nét chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta đối với người chưa thành niên phạm tội chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành một công dân có ích cho xã hội. Trong mọi trường hợp điều tra, truy tố, xét xử, các cơ quan có thẩm quyền phải xác định rõ khả năng nhận thức của họ về tính chất nguy hiểm của hành vi họ gây ra, nguyên nhân, điều kiện phạm tội, động cơ và mục đích phạm tội là gì. Lứa tuổi chưa thành niên là lứa tuổi chưa có sự phát triển đầy đủ về mặt nhận thức, các hành động phạm tội của tuổi chưa thành niên thể hiện sự manh động, thiếu hiểu biết về kiến thức pháp luật cũng như đời sống xã hội. Hành động phạm tội mang tích bộc phát, đôi khi chỉ vì những lý do cá nhân, nhỏ nhặt, ích kỷ mà

phạm tội. Chính vì thế theo chúng tôi nên áp dụng tình tiết tăng nặng "Phạm tội vì động cơ đê hèn" đối với những người phạm tội là người chưa thành niên. Bởi chức năng của Tòa án là xét xử đồng thời cũng là tuyên truyền, giáo dục, răn đe pháp luật. Cần phải để cho người chưa thành niên nhận thức được hành vi phạm tội của họ nguy hiểm đến mức nào tới xã hội. Hành vi phạm tội chỉ vì những nguyên cơ nhỏ nhất, đê hèn là hành vi nguy hiểm và người chưa thành niên cần có những hiểu biết đúng đắn để có những hành xử chuẩn mực trong cuộc sống. Muốn phát huy được hiệu quả, tăng khả năng nhận thức của đối tượng này không cách giáo dục nào bằng cho họ thấy những bài học kinh nghiệm xương máu từ những người bạn đồng lứa phạm tội của họ, cho họ thấy hậu quả phải gánh chịu nếu hành động chỉ vì những thói quen ích kỷ, bội bạc, phản trắc đó là cách giáo dục tốt nhất.

Thêm vào đó tình hình thực tiễn áp dụng pháp luật cũng đặt ra những đòi hỏi bức thiết cần phải quy định thế nào là "phạm tội vì động cơ đê hèn" trong luật hình sự nước ta. Bởi hiện nay đây là một khái niệm có nhiều cách hiểu khác nhau và trên thực tế trong quá trình xét xử việc nhận định thế nào là "động cơ đê hèn" còn tùy thuộc phần nhiều vào Hội đồng xét xử và Thẩm phán chủ tọa phiên tòa. Trong lần tổng hợp các ý kiến của các đoàn Đại biểu quốc hội về dự án luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật hình sự do Ủy ban thường vụ quốc hội tổng hợp ngày 13 tháng 4 năm 2009 có 06 ý kiến của các đoàn Đại biểu đề nghị làm rõ, giải thích thế nào là khái niệm "Phạm tội vì động cơ đê hèn" trong Bộ luật hình sự.

Từ những phân tích tại Chương 1 và Chương 2 của luận văn cũng như căn cứ vào nhu cầu thực tiễn theo chúng tôi nên ghi nhận khái niệm "phạm tội vì động cơ đê hèn" vào phần Chung của Bộ luật hình sự nước ta như sau:

Điều... Phạm tội vì động cơ đê hèn.

Phạm tội vì động cơ đê hèn là hành vi nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, quyền tự do của công

dân, do người có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện dưới hình thức lỗi cố ý do sự thúc đẩy bởi những động lực mang tính chất xấu xa, ti tiện, thể hiện tính bội bạc, hèn nhát, phản trắc cao và không có tính người.

Điều...Nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội

...

*Trong mọi trường hợp điều tra, truy tố, xét xử hành vi phạm tội của người chưa thành niên, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải xác định khả năng nhận thức của họ về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm, **động cơ, mục đích thực hiện tội phạm.***

Điều... Các biện pháp áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội.

...

3. Tòa án có thể áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng từ một năm đến hai năm đối với người chưa thành niên phạm tội, phạm tội vì động cơ đê hèn nếu thấy do tính chất nghiêm trọng của hành vi phạm tội, do nhân thân và môi trường sống của người đó mà cần đưa người đó vào một tổ chức giáo dục có kỷ luật chặt chẽ.

3.1.2. Phần các tội phạm

Pháp điển hóa lần thứ hai và việc sửa đổi bổ sung Bộ luật hình sự ngày 19/6/2009 là một bước quan trọng cho việc pháp điển hóa luật hình sự lần thứ ba trong thời gian sắp tới khi tình hình tội phạm đang ngày càng diễn ra với những chiều hướng phức tạp hơn. Đối với những tội phạm vì động cơ đê hèn Bộ luật hình sự năm 1999 đã thể hiện chính sách hình sự trong giai đoạn hiện nay đó là mở rộng phạm vi trấn áp về hình sự đối với các hành vi phạm tội (trước đây trong Bộ luật hình sự năm 1985 phạm tội vì động cơ đê

hèn chỉ được quy định là tình tiết định khung tại một điều luật là Tội giết người, nhưng đến Bộ luật hình sự năm 1999 nó được quy định thêm trong hai điều luật nữa là: Tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em và Tội lôi kéo, cưỡng bức người khác sử dụng trái phép chất ma túy). Mặc dù đã có ý kiến tham gia góp ý về việc nên bổ sung thế nào là trường hợp "phạm tội vì động cơ đê hèn" trong Bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành của các đoàn Đại biểu quốc hội, xong trong lần sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2009 các nhà làm luật đã một lần nữa không ghi nhận khái niệm này. Việc bỏ qua không giải thích rõ ràng thế nào là hành vi "phạm tội vì động cơ đê hèn" trong Bộ luật hình sự mà chỉ căn cứ vào những bản hướng dẫn tổng kết công tác xét xử của Tòa án sẽ mang lại hiệu quả pháp lý không cao, người dân không hiểu rõ hết được bản chất của hành vi phạm tội vì động cơ đê hèn, dẫn đến hậu quả người dân phạm tội mà không biết là mình có tội.

Thực tiễn xét xử đã chứng minh tình tiết "phạm tội vì động cơ đê hèn" được áp dụng nhiều nhất trong các vụ án về tội giết người như các hành vi đã được tổng kết qua công tác xét xử của ngành Tòa án:

- Giết vợ hoặc chồng để tự do lấy chồng khác;
- Giết chồng để lấy vợ hoặc giết vợ để lấy chồng của nạn nhân;
- Giết người tình mà biết là đã có thai với mình để trốn tránh trách nhiệm làm cha đứa trẻ;
- Giết chủ nợ để trốn nợ;
- Giết thuê;
- Giết người để cướp của;
- Giết người là ân nhân của mình.

Ngoài ra ít thấy trường hợp nào Tòa án xét xử mà có tình tiết tăng nặng là "phạm tội vì động cơ đê hèn". Theo chúng tôi, trong lần pháp điển hóa tới các nhà làm luật cần tiếp tục hình sự hóa một số hành vi phạm tội vì

động cơ đê hèn trong Bộ luật hình sự nhằm thể hiện rõ nét đường lối xử lý nghiêm khắc hơn đối với loại tội phạm ngày càng ra tăng và nguy hiểm này. Hành vi "Phạm tội vì động cơ đê hèn" thường xảy ra đối với các loại tội phạm thuộc Chương XII- Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm con người hoặc các loại tội liên quan đến quyền tự do của công dân... Cần quan tâm tới một số các tội sau:

Thứ nhất, đối với các tội xâm phạm về tính mạng. (Điều 93 Điều 103 Bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành). "Các tội xâm phạm tính mạng là những hành vi (hành động hoặc không hành động) có lỗi (cố ý hoặc vô ý) xâm phạm quyền sống, quyền được tôn trọng và bảo vệ tính mạng của người khác" [6, tr. 90].

Con người là vốn quý của xã hội, là đối tượng hàng đầu được pháp luật nói chung, pháp luật hình sự nói riêng bảo vệ đặc biệt. Bảo vệ con người trước hết là bảo vệ tính mạng của con người đó. Tính mạng con người hết sức quan trọng đó là quyền được sống, quyền được bảo vệ về tính mạng của mình, điều này đã được Hiến pháp - đạo luật gốc của mọi đạo luật ghi nhận như sau: "công dân có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, danh dự và nhân phẩm" (Điều 71, Hiến pháp năm 1992). Tính mạng con người được tạo hóa ban cho, không ai được quyền tước đoạt tính mạng của con người vì bất kể một lý do, mục đích hay động cơ đê hèn nào. Mặc dù vậy, trong xã hội phát triển ngày nay bên cạnh những mặt tiến bộ, hiện đại, tích cực vẫn luôn song hành với nó là những biểu hiện tiêu cực, lệch lạc của một bộ phận dân cư còn có thái độ coi thường mạng sống của người khác. Đặt sinh mạng của người khác đằng sau, bên dưới cùng những lợi ích vật chất, những động cơ thấp hèn, ích kỷ khác, người phạm tội sẵn sàng có những hành vi tước đoạt mạng sống của nạn nhân hoặc có thể bằng hành động hoặc không hành động, có thể do lỗi cố ý trực tiếp hoặc cố ý gián tiếp, có thể bằng lời nói, thủ đoạn hoặc bằng hành động cụ thể...đẩy nạn nhân vào hoàn cảnh phải tự tước đi sinh mạng của mình. Nghiên cứu phân các tội xâm phạm đến tính mạng của con người trong Bộ luật hình sự hiện hành chúng tôi nhận

thấy hành vi phạm tội vì động cơ đê hèn chỉ được thể hiện trong một điều luật về tội giết người (Điều 93) ngoài ra không còn điều luật nào quy định. Nhận thấy "phạm tội vì động cơ đê hèn" là một hành vi hết sức nguy hiểm, nó được thể hiện không chỉ ở tội giết người - bằng hành động cụ thể người phạm tội tước đoạt mạng sống của nạn nhân với động cơ mục đích xấu xa bỉ ổi mới là phạm tội vì động cơ đê hèn. Theo chúng tôi nên quy định hành vi "phạm tội vì động cơ đê hèn" là yếu tố định khung tăng nặng trong một số tội danh như:

*** Tội bức tử (Điều 100 Bộ luật hình sự hiện hành)**

Tội bức tử xâm phạm tới tính mạng của con người một cách gián tiếp, người phạm tội có thái độ đối xử tàn ác với nạn nhân (người lệ thuộc mình về kinh tế, công tác, tôn giáo hay lệ thuộc những yếu tố khác), thường xuyên bỏ đói, đánh đập, ức hiếp, làm nhục nạn nhân dẫn đến nạn nhân không chịu đựng nổi và nảy sinh ý định tự mình kết thúc cuộc sống của mình, hậu quả dẫn đến nạn nhân chết hay không không phải là yếu tố bắt buộc trong cấu thành tội phạm này. Thông thường trong những trường hợp này người phạm tội đều có một động cơ và mục đích nhất định muốn người lệ thuộc vào mình phải đau khổ, phải dằn vặt, phải sống khổ sở thì người phạm tội mới hả giận, hoặc cũng có thể để trốn tránh trách nhiệm.

Chúng tôi được biết có trường hợp anh N.V.L lấy chị N.T.H sinh sống tại nông trường Kim Bôi - Hòa Bình, cả hai vợ chồng đều là công nhân nông trường. Cuộc sống đang hạnh phúc thì nông trường làm ăn khó khăn và phải giải thể, công nhân phải tự lo công việc, cuộc sống của mình. Anh L và chị H quay ra sinh sống bằng nghề mổ thịt lợn bán tại chợ, cuộc sống vốn đã khó khăn nay còn khó khăn hơn, cả nhà trông chờ vào sạp thịt lợn ở chợ. Từ ngày làm nghề mổ lợn anh L đâm ra rượu chè, ngày nào cũng làm một chai rượu uống với lòng lợn, tiết canh. Say rồi anh L chửi bới, đánh đập vợ con rồi lại chửi bới hàng xóm. Một hôm, gia đình chị H ở quê báo tin mẹ chị đã qua đời, đang trong buổi chợ chị H vội vàng về nhà để chuẩn bị đồ đạc về quê chịu

tang mẹ, nhưng anh L không cho chị về và chửi mắng chị, đánh chị thậm tệ, bắt chị phải bán hết hàng mới cho đi. Chị H không nghe bỏ về quê chịu tang mẹ mà không cần đồ đạc gì. Tức giận không biết làm gì với chị H, đợt khi chị H từ quê lên, L ngấm ngấm xát ớt vào quần nhỏ của vợ khiến chị mặc vào thì giấy nẩy lên như phải bỏng, anh L thấy thế làm vui mừng. Ngoài ra L còn nghi vợ mình ngoại tình nhưng không có bằng cứ gì, L nghĩ ra một cách để bêu xấu vợ mình. Một hôm chị H đi lên nông trường cắt cỏ, anh L ở đâu chạy ra kéo toạc quần áo của vợ ra rồi kêu toáng bà con dân làng tới bắt quả tang chị vợ đang ngủ với giai, không một mảnh vải che thân. Quá nhục nhã vì hành động ghen tuông điên cuồng của người chồng chị H đã nhảy xuống suối tự tử, rất may có đồng người nên chị được cứu thoát.

Hành vi hành hạ, ngược đãi vợ con của anh L mặc dù không trực tiếp xâm phạm tới tính mạng của chị H nhưng đã gây ra một nỗi đau tinh thần và thể xác cho nạn nhân khiến nạn nhân thấy bế tắc và không muốn sống nữa. Hành động phạm tội này lên được coi là hành vi phạm tội vì động cơ đê hèn và chúng tôi thiết nghĩ cần phải đưa tình tiết phạm tội vì động cơ đê hèn vào làm tình tiết định khung tăng nặng trong Tội bức tử.

Điều 100. Tội bức tử

1. Người nào đối xử tàn ác, thường xuyên ức hiếp, ngược đãi hoặc làm nhục người lệ thuộc mình làm người đó tự sát, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

2. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ năm năm đến mười hai năm:*

a. Làm nhiều người tự sát;

b. Phạm tội vì động cơ đê hèn.

* Tội xúi giục hoặc giúp người khác tự sát (Điều 101 - Bộ luật hình sự hiện hành)

Xúi giục người khác tự sát là hành vi của người phạm tội dùng lời nói để kích động, dụ dỗ, khuyến khích,... thúc đẩy người khác tự sát.

Giúp người khác tự sát là hành vi tạo điều kiện về vật chất và tinh thần giúp người khác tự sát.

Về mặt chủ quan của tội phạm, người phạm tội có ý thức được rằng hành vi của mình là xúi giục, giúp người khác tự sát và thông qua hành vi đó người phạm tội mong muốn hậu quả là nạn nhân tự sát.

Khoản 2 Bộ luật hình sự đưa ra quy định "Phạm tội làm nhiều người tự sát thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm". Nên đưa thêm tình tiết phạm tội vì động cơ đê hèn vào khoản 2 Điều 101. Tội xúi giục hoặc giúp người khác tự sát

1. Người nào xúi giục làm người khác tự sát hoặc giúp người khác tự sát, thì bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2. Phạm tội làm nhiều người tự sát hoặc *phạm tội vì động cơ đê hèn* thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

Vụ án 10: A yêu B nhưng tình yêu của hai người bị gia đình bên B ngăn cản. A biết mình và B không thể tới được với nhau, biết B rất yêu thương mình và hay thề rằng nếu không lấy được A thì B sẽ chết. Không muốn cho B thương yêu và lấy ai, muốn cho B mãi mãi là người yêu của mình A thường xuyên tỏ tởm với B rằng nếu chết đi thì B sẽ được ở bên A, rằng gia đình B ngăn cản là vì không muốn nhìn thấy B hạnh phúc bên A, vì gia đình B ghét bỏ B nên mới ngăn cấm. Quá tin và yêu A cũng như tuyệt vọng về hoàn cảnh hiện tại B đã uống thuốc ngủ mà A đưa cho để tự sát, may nhờ có gia đình phát hiện và đưa B đi bệnh viện kịp thời nên đã giữ lại được tính mạng cho B.

Thứ hai, đối với các tội xâm phạm sức khỏe của người khác. "Các tội xâm phạm sức khỏe là những hành vi (hành động hoặc không hành động) có

lỗi (cố ý hoặc vô ý) xâm phạm đến quyền được tôn trọng và bảo vệ sức khỏe của người khác" [6, tr. 127].

Trong các tội xâm phạm đến sức khỏe của người khác theo chúng tôi nên đưa hành vi "phạm tội vì động cơ đê hèn" bổ sung vào các tội sau:

* Điều 104: Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm:

a) Dùng hung khí nguy hiểm hoặc dùng thủ đoạn gây nguy hại cho nhiều người;

b) Gây cố tật nhẹ cho nạn nhân;

c) Phạm tội nhiều lần đối với cùng một người hoặc đối với nhiều người;

d) Đối với trẻ em, phụ nữ đang có thai, người già yếu, ốm đau hoặc người khác không có khả năng tự vệ;

đ) Đối với ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình;

e) *Vì động cơ đê hèn*;

f) Có tổ chức;

g) Trong thời gian đang bị tạm giữ, tạm giam hoặc đang bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục;

h) Thuê gây thương tích hoặc gây thương tích thuê;

i) Có tính chất côn đồ hoặc tái phạm nguy hiểm;

k) Để cản trở người thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân.

2. Phạm tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60% hoặc từ 11% đến 30%, nhưng thuộc

một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

3. Phạm tội gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 61% trở lên hoặc dẫn đến chết người hoặc từ 31% đến 60%, nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này thì bị phạt tù từ năm năm đến mười lăm năm.

4. Phạm tội dẫn đến chết nhiều người hoặc trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng khác, thì bị phạt tù từ mười năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân.

Sở dĩ nên đưa thêm tình tiết vì động cơ đê hèn vào tình huống này vì trên thực tiễn có hành vi phạm tội xảy ra nhưng lại không thể áp dụng được để xét xử về hành vi phạm tội vì động cơ đê hèn bởi Bộ luật hình sự không quy định.

Vụ án 11: Ngày 24.10.2006, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau mở phiên sơ thẩm xét xử vụ án tạt axit người yêu để trả thù tình, được Viện Kiểm sát tỉnh Cà Mau truy tố về Tội giết người vì động cơ đê hèn đối với ác thủ - chủ mưu là Trương Thanh Phong (tự Phong "Cua") và đồng phạm là Bùi Phúc Tuấn. Vụ việc diễn ra như sau: Trương Thanh Phong (tức Phong "Cua" sinh năm 1963; trú tại số 194C, đường Phan Ngọc Hiển, khóm 3, phường 6, thành phố Cà Mau) và cô Nguyễn Thị Nhật Minh (sinh năm 1982, ngụ tại số 281B, đường Phan Ngọc Hiển, khóm 5, phường 7, thành phố Cà Mau) có quan hệ lén lút, sống với nhau như vợ chồng. Trong giai đoạn này, hằng tháng Phong "chu cấp" tiền cho Nhật Minh tiêu xài. Thời gian sau bị vợ của Phong là Nguyễn Thị Thu Hương phát hiện. Hương đã nói chuyện này với cha mẹ của Nhật Minh. Gia đình của chị Hương và Nhật Minh đã ngăn cản mối quan hệ bất chính này. Do áp lực từ gia đình hai bên, cặp Phong - Minh đồng ý chấm dứt, nhưng trên thực tế họ vẫn còn lén lút quan hệ.

Gần ngày xảy ra vụ án, sau khi đi chơi về, Nhật Minh tuyên bố chia tay với Phong và từ đó tỏ ra lạnh nhạt, không tiếp xúc với Phong nữa. Phong

nghĩ rằng Nhật Minh đã phản bội, nên y rắp tâm trả thù tình bằng cách tạt axít nhằm hủy đi nhan sắc khả ái của Nhật Minh. Vào khoảng 17 giờ ngày 4.11.2005, Phong "Cua" đi dò chèo từ vựa cua của y về cầu Gành Hào, đến tiệm điện sạc bình Nhật Minh tại số 24/36, đường Phan Bội Châu, khóm 3, phường 7, thành phố Cà Mau mua 20.000 đồng axít sulfuric đậm đặc, sau đó Phong ra chợ phường 6 mua một cái ca múc có dung tích khoảng 0,5 lít, rồi chạy thẳng về nhà y ở phường 6 đổ bớt axít, cho thêm vào một ít nước lã, rồi mang ca axít đi cất giấu. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, trời đang mưa, Phong điện thoại cho Bùi Phúc Tuấn đến. Khoảng 2 giờ ngày 5.11.2005, Tuấn điều khiển xe mô tô từ phường 2 chạy đến nhà của Phong và Phong vào nhà lấy ca axít cầm trên tay đi ra xe cho Tuấn chở đi đến chỗ gây án. Tuấn điều khiển xe 2 lần ngang qua nhà Nhật Minh theo sự hướng dẫn của Phong nhằm quan sát xem nhà Nhật Minh có người lạ hay không, để Phong chỉ nhà Nhật Minh cho Tuấn biết và để xác định chính xác Nhật Minh có ở nhà để tạt axít. Đến lần đảo xe thứ ba, Phong bảo Tuấn chạy xe đến đầu hẻm và dừng xe ở một khoảng đất trống cách nhà Nhật Minh khoảng 100 mét. Cả hai cùng xuống xe, Phong đưa ca axít cho Tuấn và bảo Tuấn mang đến nhà tạt vào cô "bồ nhí" Nhật Minh của mình. Phong đi trước dẫn đường, Tuấn cầm ca axít đi theo sau. Khi đến nơi, chỉ còn cách một căn nhà nữa là tới nhà Nhật Minh, cả hai đứng vào hàng ba nhà này để đợi Nhật Minh đi ra. Nhưng chờ khoảng 10 phút vẫn không thấy, Phong bảo Tuấn đi đến cửa nhà Nhật Minh và kêu. Tuấn liền làm theo, lúc này cửa sắt nhà Nhật Minh mở khoảng 70 cm. Khi nghe tiếng Tuấn kêu cửa, do chân bị đau nên Nhật Minh bảo em gái là Nguyễn Thị Nhật Phụng ra xem ai, khi Nhật Phụng ra đến cửa thấy người lạ định quay vào thì liền lúc đó Tuấn xông vào, tạt ca axít nhằm vào người của Nhật Phụng rồi cả hai bỏ chạy đến nơi đậu xe tẩu thoát. Nghe tiếng kêu cứu thảm thương vì đau đớn của em gái, Nhật Minh chạy ra ôm em mình đi dội nước, và khi cứu em mình, Nhật Minh cũng bị bỏng nặng. Kết luận giám định pháp y cho biết, Nhật Minh bị thương tật là 19% và Nhật Phụng là 58% vĩnh viễn.

Tại tòa, trong khuôn mặt che một bên khăn do những vết sẹo hải hùng để lại trên gương mặt, bị hại Nhật Phụng (mới 16 tuổi) - người bị Tuấn tạt axit nhằm đã òa khóc vì nỗi đau vô bờ bến. Bị cáo Tuấn tỏ ra ân hận và thừa nhận toàn bộ hành vi của y gây ra, bị tên Phong xúi giục làm chuyện phi nhân tính. Còn bị cáo Phong cho rằng y tạt axit hủy hoại dung nhan của người yêu là chỉ để trả thù tình, nên chỉ phạm vào tội cố ý gây thương tích chứ không có tình giết người. Phía luật sư (bà Phạm Thị Thảo và ông Trịnh Thanh Liệt) bảo vệ cho bị cáo Phong, cho rằng hành vi của bị cáo Phong và Tuấn chỉ cấu thành tội cố ý gây thương tích, vì axit gây án đã được Phong pha loãng và hành vi phạm tội của bị cáo pháp luật cũng không có quy định nào cho rằng đó là động cơ đê hèn. Đối với vị luật sư đại diện người bị hại đồng tình với truy tố của Viện Kiểm sát, cho rằng việc pha loãng acid chỉ dựa vào lời khai của bị cáo là không khách quan và hành vi dùng axit đậm đặc (ngày 15.11.2005, Tổng cục II thuộc Bộ Công an kết luận giám định loại axit hai chị em Nhật Minh và Nhật Phụng bị Tuấn và Phong tạt là loại axit đậm đặc, chỉ cần uống 5g là tử vong) để giết người yêu của mình trả thù là một trong những động cơ đê hèn, tàn ác phải bị pháp luật trừng trị nghiêm khắc.

Hội đồng xét xử nhận định hành vi phạm tội của bị cáo Tuấn và Phong chỉ cấu thành tội cố ý gây thương tích, chấp nhận lời bào chữa của luật sư hai bị cáo, vì axit gây án đã được Phong pha loãng, hơn nữa mục đích phạm tội của Phong là để trả thù tình, nhằm hủy hoại dung nhan của Nhật Minh. Kết thúc phiên tòa, bị cáo Trương Thanh Phong bị tuyên phạt 14 năm tù và bị cáo Bùi Phúc Tuấn 12 năm tù. Đồng thời, bị cáo Phong và Tuấn còn liên đới bồi thường cho bên bị hại 165 triệu đồng.

Qua ví dụ đưa ra chúng ta thấy đây rõ ràng là hành vi trả thù tình vì động cơ đê hèn, ích kỷ, chỉ vì muốn người yêu phải yêu thương mình, không được bỏ rơi mình mà người phạm tội đã dùng tới thủ đoạn hết sức nguy hiểm để hủy hoại sức khỏe, dung nhan của nạn nhân, gây đau đớn cả cuộc đời cho nạn nhân. Nhưng đúng như ý kiến của luật sư bào chữa cho hai bị cáo, Bộ luật

hình sự nước ta không quy định đó là tình tiết định khung tăng nặng trong cấu thành tội phạm trong tội danh cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Hơn nữa, không có một văn bản nào giải thích về tình tiết "phạm tội vì động cơ đê hèn" như là một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Vì thế khi xét xử Hội đồng xét xử cũng không thể có căn cứ để tăng nặng trách nhiệm hình sự của người phạm tội.

*** Điều 111. Tội hiếp dâm**

1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác giao cấu với nạn nhân trái với ý muốn của họ, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

- a) Có tổ chức;
- b) Đối với người mà người phạm tội có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh;
- c) *Vì động cơ đê hèn*;
- d) Nhiều người hiếp một người;
- e) Phạm tội nhiều lần;
- f) Đối với nhiều người;
- g) Có tính chất loạn luân;
- g) Làm nạn nhân có thai;
- i) Gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60%;
- k) Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân:

a) Gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân mà tỷ lệ thương tật từ 61% trở lên;

b) Biết mình bị nhiễm HIV mà vẫn phạm tội;

c) Làm nạn nhân chết hoặc tự sát.

4. Phạm tội hiếp dâm người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, thì bị phạt tù từ năm năm đến mười năm.

Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều này, thì bị xử phạt theo mức hình phạt quy định tại các khoản đó.

5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm.

* Điều 118. Tội cố ý truyền HIV cho người khác

1. Người nào cố ý truyền HIV cho người khác, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 117 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân:

a) Có tổ chức;

b) Đối với nhiều người;

c) Đối với người chưa thành niên;

d) Đối với người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân;

đ) Vì động cơ đê hèn;

e) Lợi dụng nghề nghiệp.

3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm.

Chủ thể của tội danh này là chủ thể thường, có thể là người không bị nhiễm HIV cũng có thể là người bị nhiễm, hành vi "truyền HIV" cho người khác nguy hiểm hơn hành vi "lây truyền". Truyền HIV sang cho người khác gây nguy hiểm đến sức khỏe và tính mạng của nạn nhân, HIV là một căn bệnh mà cho tới nay nhân loại vẫn không có phương thuốc nào có thể cứu chữa được. Nhận biết được đó là một căn bệnh nguy hiểm nhưng về mặt chủ quan người phạm tội vẫn cố ý mong muốn hoặc để mặc cho nạn nhân nhiễm bệnh. Động cơ, mục đích truyền căn bệnh thế kỷ này hiện nay là rất đa dạng, phong phú, trong đó vì trả thù hoặc vì ghen tức, vì động cơ đê hèn mà truyền HIV cho người khác cũng là một thực tiễn đặt ra đòi hỏi luật phải quy định để làm cơ sở xử lý người phạm tội.

Thứ ba, các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người. "Các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự là những hành vi cố ý xâm hại đến quyền được tôn trọng về nhân phẩm, danh dự" [6, tr. 40].

Danh dự, nhân phẩm của con người là những yếu tố nhân thân quan trọng của mỗi người, đối với mỗi con người việc bảo vệ danh dự, nhân phẩm chỉ đứng sau việc bảo vệ tính mạng, sức khỏe của họ. Danh dự, nhân phẩm là những yếu tố thuộc về mặt tinh thần, nó được thể hiện ra bên ngoài bằng việc xã hội, những người xung quanh nhìn nhận và đánh giá về con người đó như thế nào. Việt Nam là một đất nước vẫn có những tư tưởng còn tồn tại từ thời phong kiến, ảnh hưởng của dư luận tới cuộc sống của một người là rất lớn. Việc một người xúc phạm tới danh dự, nhân phẩm của người khác là một hành vi vi phạm pháp luật hình sự và bị trừng phạt. Để bảo vệ nhân phẩm, danh dự của người dân Bộ luật hình sự đã quy định những điều luật riêng, trong số đó có Tội vu khống - Điều 122 Bộ luật hình sự Việt Nam quy định:

1. Người nào bịa đặt, loan truyền những điều biết rõ là bịa đặt nhằm xúc phạm danh dự hoặc gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác hoặc bịa đặt là người khác phạm tội và tố cáo họ trước cơ quan có thẩm

quyền, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ một năm đến bảy năm:

- a) Có tổ chức;
- b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;
- c) Đối với nhiều người;
- d) Đối với ông, bà, cha, mẹ, người dạy dỗ, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh cho mình;
- đ) Vì động cơ đê hèn;*
- e) Đối với người thi hành công vụ;
- f) Vu khống người khác phạm tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ một triệu đồng đến mười triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm.

Với ý nghĩa quan trọng như vậy, chúng tôi mạnh dạn đưa thêm tình tiết phạm tội vì động cơ đê hèn vào khoản 2 Điều 122 Bộ luật hình sự, trên thực tiễn có những trường hợp tung các tin giả mạo, các tin đồn không có thật, tạo ra dư luận xấu để ảnh hưởng tới một ai đó chỉ vì mục đích trả thù hoặc ghen tỵ với những gì mà người đó đạt được, vì thế nên người phạm tội mới có mục đích xấu xa, bĩ ổi nhằm xúc phạm danh dự hoặc gây thiệt hại tới quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại.

Ví dụ: T.X.T chuẩn bị ứng cử vào đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện trong đợt bầu cử năm 2011. Nhưng trước đợt bầu cử khoảng 2 tháng T bị anh N.V.C tung tin đồn rằng T có quan hệ bất chính với chị D là vợ của anh C, vì

anh này nghi ngờ vợ mình với anh T có quan hệ không trong sáng nhưng chưa có bằng chứng xác thực nên tung tin đồn thổi về nhân cách không tốt của anh T để gây dư luận xấu làm ảnh hưởng tới con đường chính trị của anh T, khiến cho anh T không nhận được sự tín nhiệm của đồng nghiệp và người dân.

Thứ tư, qua nghiên cứu phần các tội xâm phạm hoạt động tư pháp chúng tôi nhận thấy nên đưa tình tiết phạm tội vì động cơ đê hèn vào khoản 2 Điều 293 Bộ luật hình sự - Tội truy cứu trách nhiệm hình sự người không có tội:

1. Người nào có thẩm quyền mà truy cứu trách nhiệm hình sự người mà mình biết rõ là không có tội, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm:

a) Truy cứu trách nhiệm hình sự về tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội khác là tội đặc biệt nghiêm trọng;

b) Gây hậu quả nghiêm trọng;

c) *Phạm tội vì động cơ đê hèn.*

3. Phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm.

4. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ một năm đến năm năm.

Trong hệ thống các cơ quan Nhà nước, cơ quan Tư pháp nói chung và Tòa án nói riêng là những cơ quan đặc biệt quan trọng, là công cụ đắc lực để bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ công lý, giữ gìn trật tự kỷ cương xã hội, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân. Hoạt động một cách bình thường của các cơ quan tư pháp là điều kiện để các cơ quan khác cũng hoạt động một cách thuận lợi. Các cán bộ, công chức làm việc trong các cơ quan tư pháp nói chung và đặc biệt trong hệ thống Tòa án nói riêng cần phải làm việc hết sức công minh, tận tụy, trong sáng, không

để cho các mục đích nhỏ nhất làm ảnh hưởng tới công việc "cầm cân nảy mực" của mình. Tuy nhiên, thực tế cuộc sống có không ít trường hợp những người nắm quyền đã thực hiện sai quyền năng của mình chỉ vì những lý do nhỏ nhất hoặc buộc người khác phải chịu những hậu quả mà họ không phải là người gây ra. Ví dụ: trong một vụ tai nạn giao thông mà A gây ra vào chiều ngày 15/4, lỗi sai thuộc về nạn nhân, chính B là thẩm phán của Tòa án nhân dân quận X nơi A cư trú đã chứng kiến việc đó trên đường đi làm về, nhưng do B có tư thù cá nhân với A và rất ghét A nên trong quá trình chuẩn bị và xét xử B đã cố tình làm sai lệch nhiều chi tiết trong hồ sơ vụ án, cố tình đánh mất một số vật chứng quan trọng... buộc A phải nhận lỗi trước Tòa và nhận một hình phạt không tương xứng với hành vi mà A gây ra. Việc thêm vào tình tiết vì động cơ đê hèn cũng là để hạn chế sự lạm quyền và thói quen lợi dụng quyền hạn để thực hiện những việc làm không minh bạch.

Sau khi kiến nghị bổ sung tình tiết "phạm tội vì động cơ đê hèn" làm tình tiết định khung tăng nặng của một số điều luật chúng tôi gộp một số nhóm tội có cùng khách thể lại như sau:

Nhóm 1, Tội gây nguy hiểm đến tính mạng: Điều 93. Tội giết người; Điều 100. Tội bức tử; Điều 101. Tội xúi giục hoặc giúp người khác tự sát.

Nhóm 2, Tội gây nguy hiểm đến sức khỏe: Điều 104. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác; Điều 118. Tội cố ý truyền HIV cho người khác.

Nhóm 3, Tội xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm: Điều 111. Tội hiếp dâm; Điều 120. Tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em; Điều 122. Tội vu khống.

Nhóm 4, Tội phạm về ma túy: Điều 200. Tội cưỡng bức, lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy.

Nhóm 5, Tội xâm phạm hoạt động tư pháp: Điều 293. Tội truy cứu trách nhiệm hình sự người không có tội.

Chỉ áp dụng tình tiết "phạm tội vì động cơ đê hèn" đối với những tội phạm xâm phạm tới những nhóm khách thể đã nêu trên mà mục đích, động cơ phạm tội thể hiện sự xấu xa, bội bạc, phản trắc hoặc vì vụ lợi.

3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP GÓP PHẦN NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG TÌNH TIẾT "PHẠM TỘI VÌ ĐỘNG CƠ ĐÊ HÈN" TRONG THỰC TIỄN HIỆN NAY

a. Chú trọng công tác hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật hình sự

Việc quy định tình tiết "phạm tội vì động cơ đê hèn" nói riêng cũng như tình tiết tăng nặng nói chung trong Bộ luật hình sự với mục đích là để áp dụng trên thực tế. Việc áp dụng như thế nào là tùy thuộc vào thẩm quyền của người tiến hành tố tụng. Do vậy, các quy định của Bộ luật hình sự cũng như các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành không những thể hiện đúng bản chất và nội dung của vấn đề, mà còn phải rõ ràng, dễ hiểu và có hệ thống. Việc áp dụng tình tiết "phạm tội vì động cơ đê hèn" trong những trường hợp nào cần phải được các cơ quan có thẩm quyền quy định cụ thể trong một văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất Bộ luật hình sự để từ đó làm cơ sở pháp lý cho các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng áp dụng trên thực tế.

b. Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan bảo vệ pháp luật.

Các cơ quan bảo vệ pháp luật là chủ thể của hoạt động tố tụng. Hiệu quả của công tác đấu tranh phòng và chống tội phạm phụ thuộc vào hoạt động của các cơ quan này. Vì vậy cần củng cố và đẩy mạnh hiệu quả hoạt động của các cơ quan Công an, Viện kiểm sát, Tòa án.

- Đối với cơ quan Công an mà đặc biệt là cơ quan điều tra trong quá trình thực hiện công việc của mình cần làm tốt công tác tiếp nhận, xử lý các tin báo về tội phạm từ các nguồn tin do quần chúng nhân dân, cơ quan, tổ chức cung cấp. Sau khi nhận được các tin báo về tội phạm, bằng chuyên môn, nghiệp vụ điều tra của mình các cán bộ điều tra cần xác định rõ ràng nguyên nhân, điều kiện, động cơ, mục đích của người phạm tội. Người phạm tội thực

hiện tội phạm vì động cơ gì, điều gì đã thôi thúc người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội đó, hành vi phạm tội đó gây nguy hiểm, xâm phạm tới khách thể nào được luật hình sự bảo vệ... Việc điều tra, xác định rõ các tình tiết liên quan đến vụ án hình sự của các cán bộ điều tra góp phần quan trọng trong quá trình giải quyết đúng đắn toàn bộ vụ án.

- Đối với Viện kiểm sát phải không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động, đặc biệt là nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án hình sự, kiểm sát chặt chẽ việc giải quyết tin báo, tố giác về các tội phạm xảy ra vì những động cơ, mục đích xấu xa, thấp hèn. Ngành kiểm sát cần phải phối hợp với cơ quan điều tra các cấp ngay từ khâu tiếp nhận tin báo tội phạm, tìm hiểu lời khai của các nhân chứng, người bị hại, đề đề ra các phương hướng điều tra đối với các vụ án giết người vì các lý do tình cảm, ghen tuông, trả thù, hay buôn bán, chiếm đoạt, đánh tráo trẻ em với động cơ, mục đích để trả thù cha mẹ đứa trẻ hoặc lôi kéo, cưỡng bức người khác sử dụng trái phép chất ma túy chỉ vì những lợi ích tầm thường, nhỏ nhặt. Đối với các vụ án này cần phải làm rõ được động cơ, mục đích của người phạm tội. Trong quá trình thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử, luận tội của Kiểm sát viên tại Tòa phải có nội dung sâu sắc, lý lẽ sắc bén, lập luận chặt chẽ, có căn cứ pháp lý để đưa ra mức án thích đáng với những kẻ tội phạm mà phạm tội chỉ vì những nguyên cơ nhỏ bé, ghen tuông vô cơ. Từ đó đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, đảm bảo không để người vô tội nào bị khởi tố, bị bắt oan, không để kẻ phạm tội nào không bị khởi tố, xử lý trước pháp luật.

- Đối với Tòa án, trong quan hệ tố tụng hình sự xét xử là khâu cuối cùng trong khâu hoạt động của các cơ quan tư pháp. Quyết định của Tòa án là thành quả của hoạt động điều tra, truy tố, xét xử. Do vậy, hoạt động xét xử đóng một vai trò đặc biệt quan trọng, quyết định một người bị khởi tố, truy tố có phạm tội hay không và phạm tội gì, thuộc khung hình phạt nào, được hưởng những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ nào. Tòa án cần xác định rõ đâu là các vụ án điểm, vụ án điển hình về tình tiết phạm tội vì động cơ đê hèn, thực

hiện nhiều hơn nữa các vụ án xét xử lưu động vì đây là hình thức có tác dụng răn đe, giáo dục pháp luật rất cao, đánh trực tiếp vào nhận thức của người dân đặc biệt tại những nơi xảy ra những vụ án điểm đó. Những vụ án gây hậu quả nghiêm trọng, gây sự phẫn nộ, bất bình lớn trong nhân dân ví như: Vụ dùng kim khâu lóp đâm vào thóp của cháu bé sơ sinh ở Đại Từ - Thái Nguyên là những vụ án điểm cần phải xử lý nghiêm minh, tránh hiện tượng tiêu cực hay nương nhẹ gây ra dư luận xấu trong nhân dân. Đặc biệt đối với những vụ án người phạm tội thực hiện tội phạm chỉ vì những lý do nhỏ nhặt, vì tính ích kỷ cao hay những động cơ thấp hèn khác cần phải nghiêm trị có thể đến khung tối đa của hình phạt. Bởi khi thực hiện tội phạm người phạm tội đã thể hiện mức độ nguy hiểm cho xã hội cao nhất, coi thường tính mạng, sức khỏe, danh dự nhân phẩm của người khác.

Khi xem xét áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tăng nặng, giảm nhẹ định khung hình phạt nói chung cũng như tình tiết phạm tội vì động cơ đê hèn nói riêng, cán bộ áp dụng pháp luật cần tuân theo các yêu cầu như đã nêu ở mục 1.3 của luận văn. Đặc biệt, đối với một tình tiết tương đối khó nhận thức, trong khoa học còn nhiều cách hiểu khác nhau như tình tiết phạm tội vì động cơ đê hèn, các thẩm phán - những người cầm cân nảy mực cần phải nắm vững những nội dung liên quan như: nhân thân người phạm tội, động cơ và mục đích của người phạm tội, điều kiện hoàn cảnh dẫn đến phạm tội,...nếu áp dụng tình tiết tăng nặng đó thì tăng nặng ở mức độ nào.

Trình độ nhận thức và áp dụng pháp luật của những người tiến hành tố tụng là không đồng đều, một số còn hạn chế, dẫn đến những cách hiểu khác nhau khi gặp những tình huống tương tự nhau. Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới đã nhận định rằng đội ngũ cán bộ các cơ quan tư pháp hiện nay còn thiếu và yếu. Vì thế, hàng năm các cơ quan tư pháp phải có kế hoạch thường xuyên tập huấn nghiệp vụ để từng bước nâng cao trình độ lý

luận nhận thức cán bộ nhằm đáp ứng yêu cầu công việc của ngành. Công tác tuyển dụng đầu vào các cơ quan tư pháp cũng cần kỹ càng và có chọn lọc (Tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo cử nhân luật, đào tạo cán bộ nguồn của các chức danh tư pháp, bổ trợ tư pháp, bồi dưỡng cán bộ tư pháp, bổ trợ tư pháp theo hướng cập nhật các kiến thức mới về chính trị, pháp luật, kinh tế, xã hội, có kỹ năng nghề nghiệp và kiến thức thực tiễn, có phẩm chất, đạo đức trong sạch, dũng cảm đấu tranh vì công lý, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa... Có cơ chế thu hút, tuyển chọn người có tâm huyết, đủ đức đủ tài vào các chức danh tư pháp, không chỉ có các cán bộ trong các cơ quan tư pháp mà còn các luật gia, luật sư. Nghiên cứu thực hiện cơ chế thi tuyển để chọn người bổ nhiệm vào các chức danh tư pháp. Tăng thời hạn bổ nhiệm chức danh tư pháp hoặc thực hiện chế độ bổ nhiệm không kỳ hạn.

Với đội ngũ Thẩm phán Tòa án nhân dân, những người đại diện, nhân danh Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực thi công lý. Hoạt động xét xử của Thẩm phán mang tính chất nghiệp vụ rất cao. Nền công lý của nước nhà có nghiêm hay không, có công bằng hay không đều được thể hiện tập trung trong công tác xét xử của các Thẩm phán. Mỗi hành vi của Thẩm phán đều chịu sự giám sát nghiêm ngặt của Nhà nước, xã hội và của từng công dân. Hiện nay, số lượng Thẩm phán có sự chênh lệch giữa các vùng, miền với nhau giữa miền xuôi và miền ngược, giữa thành phố với nông thôn. Vì thế cần phải điều chỉnh lại chỉ tiêu biên chế để tạo sự đồng bộ giữa các vùng, miền trong cả nước. Để đáp ứng nhu cầu phát triển chung của xã hội, phù hợp với công cuộc đổi mới đất nước, Nhà nước ta cần phải kiện toàn đội ngũ Thẩm phán với những tiêu chuẩn cần thiết theo những quy định của pháp luật, xây dựng đội ngũ làm công tác xét xử vững vàng về chính trị và năng lực chuyên môn, trong sạch về phẩm chất đạo đức, đúng đắn về tư cách. Thêm vào đó, thực trạng cuộc sống của các Thẩm phán hiện nay rất khó khăn, tại một số vùng sâu, vùng xa chất lượng cuộc sống của Thẩm phán còn nghèo nàn, thậm chí có những Thẩm phán sau khi xét xử xong một phiên tòa thì lại tắt bật ngay với các công việc

buôn bán để kiếm thêm thu nhập trang trải cho gia đình bởi mức lương không đủ chi phí cho những nhu cầu sinh hoạt tối thiểu. Xuất phát từ vai trò đặc biệt quan trọng và thực tiễn đó mà Đảng và Nhà nước ta cần quan tâm tới điều kiện sống và làm việc của các Thẩm phán. Cuộc sống có ổn định thì các Thẩm phán mới có thể yên tâm công tác, yên tâm nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của mình. Ngoài sự quan tâm, tạo điều kiện của Đảng và Nhà nước, bản thân mỗi Thẩm phán phải tự mình khắc phục khó khăn để học tập, nâng cao trình độ và giữ gìn phẩm chất đạo đức của mình.

Mỗi cơ quan tư pháp có những đặc thù, nghiệp vụ riêng khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động để đảm bảo pháp luật được thực thi nghiêm minh, đạt được các mục tiêu phòng và chống tội phạm Tòa án, Viện kiểm sát, Công an cần phải đề ra một kế hoạch thống kê về tình hình gia tăng của tội phạm vì động cơ dâm dục, diễn biến của loại tội phạm này để từ đó đưa ra được một kết luận mang tính tổng quát nhất về loại tội phạm này. Việc thống kê diễn biến các loại tội phạm vì động cơ dâm dục cần được tiến hành đồng bộ giữa ba cơ quan, trong cùng một thời điểm giống nhau, các tiêu chí, nội dung thống kê phải giống nhau để tiện cho công tác đối chiếu, kiểm tra. Từ công tác thống kê đó ba ngành cần đưa ra những dự báo về tình hình phạm tội vì động cơ dâm dục trong thời gian sắp tới như: phạm tội vì động cơ dâm dục thường xuyên xảy ra ở các loại tội phạm nào, xâm phạm khách thể nào của Bộ luật hình sự, đối tượng phạm tội là phụ nữ nhiều hay nam giới nhiều, độ tuổi phạm tội là bao nhiêu, hoàn cảnh của những người phạm tội vì động cơ dâm dục... Thông qua công tác thống kê tình hình phạm tội vì động cơ dâm dục ba cơ quan cần đưa ra những con số cụ thể, những kết luận chung nhất về tình hình phạm tội vì động cơ dâm dục từ đó bàn bạc và đưa ra những phương hướng đấu tranh phòng và chống loại tội phạm này.

Song song với những giải pháp mang tính chuyên môn để đạt được hiệu quả cao nhất trong việc hạn chế sự gia tăng của tội phạm vì động cơ dâm dục cần phải thực hiện các biện pháp bổ trợ khác như:

- Chú trọng phát triển sự nghiệp văn hóa, giáo dục. Công tác giáo dục đóng vai trò hết sức quan trọng đến việc hình thành nhân cách tốt ở một con người. Thông thường, những người được hưởng một nền giáo dục bài bản, hiện đại có nhân cách tốt, ở những con người này khả năng trở thành tội phạm rất thấp. Bởi lẽ, họ nhận biết được đâu là hành động gây ra nguy hiểm cho người khác, hậu quả mà họ phải gánh chịu nếu thực hiện hành động phạm tội. Vì lẽ đó họ biết tiết chế bản thân để không thực hiện những hành vi pháp luật cấm. Với những người có trình độ văn hóa, nhận thức thấp, thiếu hiểu biết về xã hội, nhiều người đã thực hiện hành vi phạm tội mà họ không biết hành vi của mình là tội phạm, không lường trước được hậu quả do hành vi đó gây ra cho xã hội. Vì vậy việc tăng cường công tác giáo dục đối với công dân, đặc biệt là lứa tuổi thanh thiếu niên là một yêu cầu hết sức cần thiết.

- Để mọi đối tượng trong xã hội đều nhận thức đúng và hiểu biết về pháp luật công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật đóng một vai trò rất quan trọng. Công tác này phải được tiến hành đồng bộ, sâu rộng trong mọi tầng lớp nhân dân. Giáo dục phải dựa trên lứa tuổi, trình độ học vấn, nghề nghiệp... của đối tượng tiếp thu mới tạo được lối đi nhanh nhất, hiệu quả nhất vào nhận thức của mỗi cá nhân và họ có thể vận dụng ngay vào cuộc sống. Nội dung giáo dục không được trừu tượng mà cần dễ hiểu, gắn liền với điều kiện sống, sinh hoạt, làm việc, gắn liền với các mối quan hệ hàng ngày của người dân. Công tác giáo dục không chỉ đặt trọng trách lên nhà trường mà còn phải được các đoàn thể, nhà máy, xí nghiệp, địa phương,... tiến hành bằng nhiều hình thức, nhiều con đường khác nhau.

- Tăng cường việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục cho người dân những quy định của pháp luật hình sự về phạm tội vi động cơ đê hèn. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục những quy định của pháp luật hình sự thế nào là phạm tội vi động cơ đê hèn các trường hợp phạm tội vi động cơ đê hèn là hoạt động truyền đạt, giải thích rộng rãi đến các tầng lớp dân cư, lứa tuổi để mọi người biết đến các quy định này và tự động tuân thủ pháp luật. Đây là biện

pháp cơ bản, thường xuyên có ý nghĩa quyết định trong các biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và tội phạm vì động cơ đê hèn nói riêng. Theo chúng tôi, mục đích của việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật là:

Trang bị kiến thức pháp luật cần thiết cho công dân, nhất là những đối tượng như thanh, thiếu niên, các đối tượng thuộc các vùng nông thôn có hiểu biết và nhận thức về pháp luật còn kém để họ có khả năng tự nhận thức được hành vi của mình qua đó điều chỉnh hành vi của mình sao cho phù hợp.

Hướng dẫn thói quen ứng xử tích cực theo pháp luật, động viên mọi công dân tích cực tham gia đấu tranh, phát hiện và phòng ngừa các hành vi phạm tội.

Một số hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả:

Phổ biến, nói chuyện về các vụ án điển hình mà người phạm tội thực hiện tội phạm vì những động cơ đê hèn, thể hiện tính bội bạc, phản trắc cao tại một số cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, địa bàn dân cư đông đúc nơi thường xuyên xảy ra các vụ án nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.

Tổ chức các câu lạc bộ pháp luật, các cuộc thi tìm hiểu pháp luật hình sự, cung cấp các sách báo, tạp chí pháp lý để xây dựng các tủ sách pháp luật ở địa phương.

Đưa lên truyền hình, phát thanh những chương trình như "Tòa tuyên án" những vụ án trong đó có tình tiết người phạm tội vì động cơ đê hèn để tất cả mọi người dân trên toàn bộ đất nước biết được thể nào là phạm tội vì động cơ đê hèn, trường hợp nào thì được coi là phạm tội vì động cơ đê hèn. Thông qua đó làm tăng nhận thức của người dân, để người dân tự biết cách đấu tranh với bản thân mình, tiết chế bản thân mình sao cho không rơi vào những trường hợp tương tự như vụ án đã được nghe, được xem.

- Đẩy mạnh công cuộc xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa trong toàn thể nhân dân là một trong những biện pháp quan trọng ngăn chặn

ngay từ đầu ý định của những người phạm tội. Lối sống lành mạnh tác động vào suy nghĩ của các cá nhân làm họ có những định hướng cho hành động của mình từ đó có thể loại trừ các hành động phạm tội mà nguyên nhân chỉ vì những thói quen xấu, những lợi ích nhỏ nhặt, những ích kỷ cá nhân, những ghen tuông mù quáng.

- Đối với những người phạm tội đã bị kết án về tình tiết phạm tội vì động cơ đê hèn cần phải giáo dục họ, trang bị cho họ những kiến thức, hiểu biết nhất định về pháp luật, xây dựng cho họ ý thức tôn trọng pháp luật, tôn trọng tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người khác. Giúp họ nhận thức được hành vi phạm tội của mình là hành vi vi phạm pháp luật, trái đạo đức xã hội. Trong quá trình cải tạo nên cho các phạm nhân này tham gia các khóa học về rèn luyện tính kiềm chế bản thân, khả năng tự điều chỉnh hành vi trong sinh hoạt, trong lao động và trong đời sống hàng ngày, hướng cho họ có những suy nghĩ tích cực theo một chuẩn mực nhất định. Về văn hóa và đạo đức cần trang bị cho phạm nhân nói chung và các phạm nhân phạm tội vì động cơ đê hèn nói riêng một vốn tri thức văn hóa cần thiết nhằm hình thành ở phạm nhân những quan niệm, quan điểm, tư tưởng tiến bộ phù hợp với các chuẩn mực đạo đức, truyền thống dân tộc và giá trị xã hội. Thêm vào đó cần giáo dục cho họ biết yêu quý lao động, dạy cho họ có một nghề nghiệp để qua đó họ nhận thức được giá trị quý giá của lao động, thông qua lao động để họ rèn luyện khả năng kiềm chế bản thân. Trong quá trình lao động, cải tạo những phạm nhân phạm tội vì động cơ đê hèn cần được sự quan tâm, giáo dục đặc biệt từ các quản giáo. Chỉ có kết hợp giáo dục, thuyết phục và cải tạo mới mong có thể thay đổi nhận thức, quan điểm và lối sống của các phạm nhân này giúp họ trở thành những công dân có ích cho xã hội, những tuyên truyền viên pháp luật thiết thực nhất đối với những người xung quanh sau khi họ được mãn hạn trở về.

Tăng cường trao đổi hợp tác quốc tế trong vấn đề hình sự. Phạm tội vì động cơ đê hèn được xếp là tình tiết tăng nặng tại điểm đ Điều 48 Bộ luật

hình sự, là tình tiết định khung tại ba tội: điểm q khoản 1 Điều 93 "Tội giết người", điểm c khoản 2 Điều 120 "Tội mua bán, chiếm đoạt, đánh tráo trẻ em", điểm c khoản 2 Điều 200 "Tội cưỡng bức, lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy" (Bộ luật hình sự năm 1999) điều này cho thấy đây là loại tội phạm thể hiện tính tính chất và mức độ nguy hiểm cao của hành vi phạm tội so với các tội phạm thông thường khác. Tuy nhiên, trong quá trình định tội danh do Bộ luật hình sự chưa có những quy định, những tiêu chí đánh giá về tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội dẫn tới việc xác định không chính xác mức độ và tính chất nguy hiểm của hành vi, không có căn cứ pháp lý cho rằng phạm tội vì động cơ đê hèn mang tính chất, mức độ nguy hiểm hơn các hành động phạm tội khác. Điều này ta nên học tập kinh nghiệm lập pháp hình sự của một số nước. Trong luật hình sự của một số nước có quy định những tiêu chí xác định mức độ tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội bao gồm:

Phương pháp, thủ đoạn phạm tội, công cụ, phương tiện phạm tội, hoàn cảnh phạm tội là những yếu tố phục vụ trực tiếp việc thực hiện tội phạm nên chúng có giá trị phản ánh cụ thể mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Các yếu tố này càng nguy hiểm, hiệu quả sử dụng chúng càng cao thì càng làm tăng mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội.

Mức độ của thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra hoặc đe dọa gây ra cho các quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ. Thiệt hại hoặc những ảnh hưởng tiêu cực cho xã hội do hành vi phạm tội gây ra hoặc đe dọa gây ra càng lớn thì mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội càng cao.

Mức độ lỗi và tính chất của động cơ phạm tội: Mức độ lỗi phản ánh mức độ ý thức quyết tâm thực hiện tội phạm của người phạm tội. Vì vậy, mức độ quyết tâm càng cao thì mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội càng lớn. Động cơ phạm tội là yếu tố thuộc ý thức chủ quan của người phạm tội, là động lực bên trong thúc đẩy người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội.

Động cơ phạm tội sẽ thúc đẩy mức độ quyết tâm thực hiện tội phạm của người phạm tội. Vì vậy, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội sẽ phụ thuộc vào tính chất của động cơ phạm tội.

Như vậy, để đạt được hiệu quả cao trong việc áp dụng tình tiết "phạm tội vì động cơ đê hèn" cần có sự giải thích thống nhất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông qua các văn bản quy phạm pháp luật, tạo ra cách hiểu nhất quán trong nhận thức của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, cùng toàn thể nhân dân. Bên cạnh đó các giải pháp khác như tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật, quan tâm tới đời sống của đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tư pháp,... Cũng góp phần to lớn đạt được mục đích đấu tranh phòng và chống loại tội phạm vì động cơ đê hèn. Góp phần làm giảm bớt các vụ án đau lòng, đem lại cuộc sống bình yên cho toàn xã hội.

KẾT LUẬN

Với sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế thị trường, Việt Nam hiện được đánh giá là một quốc gia triển vọng nhất Châu Á. Kinh tế phát triển kéo theo đời sống của người dân cũng dần được nâng lên cao hơn, những nếp sống hiện đại được du nhập vào đời sống xã hội ngày càng nhiều, phim ảnh, thông tin, báo chí tác động lớn đến nhận thức của người dân khiến cho người dân nhận thức được nhiều điều từ cuộc sống, khả năng am hiểu cuộc sống tăng lên. Xong, bên cạnh đó sự tác động của nền kinh tế phát triển cũng kéo theo nhiều mặt trái của xã hội. Sự phân hóa giữa thành thị và nông thôn, giữa người giàu và người nghèo,...nếp suy nghĩ của con người cũng thay đổi, cuộc sống vật chất được coi trọng trên hết, nhiều giá trị đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc bị xem thường, coi nhẹ. Con người sống trong xã hội thời nay, khả năng tiết chế bản thân dường như đã phai nhạt dần, nhiều hành động phạm tội của con người thể hiện rõ nét thú tính, phần con lớn hơn phần người. Những tên tội phạm thực hiện tội ác chỉ vì những nguyên cơ nhỏ nhặt, những ích kỷ cá nhân, ghen tuông mù quáng hay thể hiện sự bội bạc, phản trắc cao xảy ra ngày càng nhiều và là một thực trạng đáng báo động ở nước ta, đặc biệt trong giới trẻ. Chính vì thế, để góp phần hạn chế những hành động phạm tội xảy ra chỉ vì những động cơ, mục đích thấp hèn chúng tôi đã đi sâu tìm hiểu những quy định của pháp luật hình sự về tình tiết phạm tội vì động cơ đê hèn với mong muốn qua công trình nghiên cứu của mình đưa đến một cái nhìn tổng thể về các quy định về tình tiết phạm tội vì động cơ đê hèn trong lịch sử hình thành pháp luật hình sự Việt Nam, những khó khăn vướng mắc trong quá trình áp dụng tình tiết "phạm tội vì động cơ đê hèn" với tư cách là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết định khung tăng nặng, thông qua đó mạnh dạn đề xuất những ý kiến góp phần hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam, một số giải pháp thực hiện hiệu quả việc áp dụng tình tiết phạm tội vì động cơ đê hèn trong thực tiễn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Dự thảo Bộ luật hình sự (1997), *Bộ luật hình sự của Liên bang Nga*, (người dịch Nguyễn Quốc Việt, Nguyễn Văn Hoàn, Võ Văn Tuyền, người hiệu đính Nguyễn Quốc Việt), Hà Nội.
2. Phạm Văn Beo (2010), *Giáo trình Luật hình sự phần chung*, Nxb Cần Thơ, Cần Thơ.
3. Bộ Tư pháp (1957), *Tập luật lệ về Tư pháp*, Hà Nội.
4. Lê Cẩm (2001), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam Phần chung*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
5. Lê Cẩm (2000), *Các nghiên cứu chuyên khảo về phần chung Bộ luật hình sự*, Tập 1, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
6. Lê Cẩm (Chủ biên) (2003), *Giáo trình luật Hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
7. Lê Cẩm, *Sự hình thành và phát triển khoa học luật hình sự Việt Nam (phần chung) từ năm 1945 đến nay*, Nhà nước pháp luật;
8. Lê Văn Cẩm (2009), *Hệ thống tư pháp hình sự trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
9. Lê Cẩm và Trịnh Quốc Toàn (2004), *Định tội danh, lý luận, hướng dẫn mẫu, và 350 bài thực hành*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
10. Lê Cẩm và Trịnh Tiến Việt (2002), "Nhân thân người phạm tội, một số vấn đề lý luận cơ bản", *Tòa án nhân dân*, (1).
11. Đặng Văn Doãn (1976), "Một số vấn đề về vận dụng đường lối xét xử", *Tập san Tòa án nhân dân*.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
13. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Hà Nội.

14. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
15. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 2/6 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
16. *Hệ thống các quy định pháp luật về hình sự* (1998), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
17. Phan Hiền (1986), *Một số vấn đề chủ yếu trong Bộ luật hình sự*, Nxb Sự thật, Hà Nội;
18. Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên) (1997), *Luật hình sự Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
19. Nguyễn Ngọc Hòa (2001), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
20. Nguyễn Ngọc Hòa (2006), *Tội phạm và cấu thành tội phạm*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
21. Nguyễn Ngọc Hòa và Lê Thị Sơn (1999), *Từ điển Giải thích thuật ngữ Luật học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
22. Lê Huy Hòa (2009), *Sổ tay thẩm phán*, Nxb Lao động, Hà Nội.
23. Ưông Chu Lưu (2001), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999, Tập I Phần chung*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
24. Dương Tuyết Miên (2003), "Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Bộ luật hình sự năm 1999", *Tòa án nhân dân*, (1).
25. Đỗ Ngọc Quang (1999), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
26. Quốc hội (1985), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
27. Quốc hội (1999), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
28. Quốc hội (2009), *Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.

29. Đinh Văn Quế (2009), *Bình luận khoa học về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*, Nxb Tổng hợp, Thành phố Hồ Chí Minh.
30. Lê Thị Sơn (2006), *Từ điển Pháp luật hình sự*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
31. Kiều Đình Thụ (1998), *Tìm hiểu luật hình sự Việt Nam*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
32. Tòa án nhân dân tối cao (1975), *Tập hệ thống hóa Luật hình sự*, Xí nghiệp in Hà Tây, Hà Tây.
33. Tòa án nhân dân tối cao (1986), *Nghị quyết số 04/HĐTP ngày 29/11 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần các tội phạm của Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
34. Tòa án nhân dân tối cao (2006), *Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 12/5 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự năm 1999*, Hà Nội.
35. *Tuyên bố của Liên hiệp quốc về quyền trẻ em năm 1959.*